

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0801278060

Đăng ký lần đầu: ngày 25 tháng 01 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 09 tháng 06 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINITY & GEMMY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAINITY&GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DAINITY&GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chi Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0917823014

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 185.404.205.720 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu hai trăm lẻ năm nghìn bảy trăm hai mươi đồng

8.000.000 USD (Tám triệu đô la Mỹ)

4. Danh sách thành viên góp vốn



STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LU, KUEI-LIN	Trung Quốc (Đài Loan)	Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	23.175.525.715	12,500	353131824	
2	LU, YI-TING	Trung Quốc (Đài Loan)	Lô B2-2 khu công nghiệp cộng hòa, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	23.175.525.715	12,500	360326992	
3	LU, CHIEN-TING	Trung Quốc (Đài Loan)	Lô B2-2 khu công nghiệp cộng hòa, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	23.175.525.715	12,500	351213949	
4	LU, YEN-TING	Trung Quốc (Đài Loan)	Lô B2-2 khu công nghiệp cộng hòa, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	23.175.525.715	12,500	351840564	

5	CHUNG, HSIU-CHU	Trung Quốc (Đài Loan)	Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	23.175.525.715	12,500	350431825	
6	LU, WEI-TING	Trung Quốc (Đài Loan)	Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	23.175.525.715	12,500	360016538	
7	LU, SUNG-LIN	Trung Quốc (Đài Loan)	Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	23.175.525.715	12,500	360174350	
8	LU HUANG, MEI-HUANG	Trung Quốc (Đài Loan)	Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	23.175.525.715	12,500	353279406	



5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LU, KUEI-LIN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/12/1957

Dân tộc:

*Quốc tịch: Trung Quốc
(Đài Loan)*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 353131824

Ngày cấp: 19/11/2019

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ ngoại
giáo Trung quốc (Đài Loan)*

Địa chỉ thường trú: *Tầng 13, số 111, Đường Quyun, Quận Banqiao, Tân Đài Bắc, Đài
Loan, Trung Quốc (Đài Loan)*

Địa chỉ liên lạc: *Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hòa, Thành phố
Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*



TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Huy Cường

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **3244233231**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 23 tháng 01 năm 2019

Chứng nhận điều chỉnh lần 06: Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 65/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3244233231 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 05 ngày 16 tháng 9 năm 2024;



Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam nộp ngày 25 tháng 8 năm 2025.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA. Mã số dự án 3244233231 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 05 ngày 16 tháng 9 năm 2024. Được đăng ký điều chỉnh thông tin nhà đầu tư, tổng vốn đầu tư, vốn góp, tiến độ góp vốn, địa điểm và tiến độ thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINTY & GEMMY VIỆT NAM**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801278060 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2019, thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 6 năm 2025. Mã số thuế: 0801278060.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B2-2, khu công nghiệp Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0917.823014

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký đầu tư:

Họ tên: LU, KUEI- LIN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 20/12/1957

Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)

Hộ chiếu số: 353131824

Ngày cấp: 19/11/2019

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Ngoại giao Trung Quốc (Đài Loan).

Địa chỉ thường trú : Tầng 13, số 111, đường Quyun, quận Banqiao, Tân Đài Bắc, Đài Loan, Trung Quốc (Đài Loan).

Chỗ ở hiện tại: Nhà nghỉ Thảo Nguyên, khu đô thị Trường Linh, khu dân cư Lôi Động, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 0931515299

Email: kweilin@gemmy.net.cn

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801278060 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh



Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2019, thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 6 năm 2025.

Mã số thuế: 0801278060.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

**NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA
VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA**

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành VSIC	Mã ngành theo CPC
1	Sản xuất và gia công loa, amplifier, bộ xử lý tín hiệu âm thanh, bộ phận âm thanh và các thiết bị âm thanh.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819	
2	Sản xuất và gia công linh kiện loa, linh kiện amplifier và linh kiện thiết bị âm thanh	Sản xuất linh kiện điện tử	2610	

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất và gia công loa, amplifier, bộ xử lý tín hiệu âm thanh, bộ phận âm thanh và các thiết bị âm thanh: 600.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất và gia công linh kiện loa, linh kiện amplifier và linh kiện thiết bị âm thanh: 12.000.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Một phần lô đất B2, khu công nghiệp Cộng Hòa, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng.

5. Diện tích sử dụng: 50.067,5 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 311.501.602.860 (Ba trăm mười một tỷ năm trăm linh một triệu sáu trăm linh hai nghìn tám trăm sáu mươi) đồng, tương đương 13.000.000 (Mười ba triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 195.622.102.860 (Một trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, một trăm linh hai nghìn tám trăm sáu mươi) đồng, tương đương 8.000.000 (Tám triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 62,8% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:



Nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
	VND	Tương đương USD			
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINITY & GEMMY VIỆT NAM	92.702.102.860	4.000.000	50	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ
	102.920.000.000	4.000.000	50	Bằng tiền	Sẽ được Nhà đầu tư góp trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ 06

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến ngày 09 tháng 4 năm 2058.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp:

+ Phần vốn góp 92.702.102.860 đồng, tương đương 4.000.000 đô la Mỹ đã được nhà đầu tư góp đủ.

+ Phần vốn góp 102.920.000.000 đồng, tương đương 4.000.000 đô la Mỹ sẽ được Nhà đầu tư góp trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ 06.

- Vốn huy động: Sẽ được Nhà đầu tư huy động theo tiến độ thực hiện dự án.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

+) Đối với phần dự án đăng ký ban đầu:

- Thực hiện các thủ tục về đầu tư, doanh nghiệp, môi trường, PCCC, xây dựng và triển khai xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ: Từ tháng 02/2019 đến tháng 10/2021.

- Lắp đặt thiết bị; tuyển dụng và đào tạo lao động: Từ tháng 11/2021 đến tháng 4/2023.

- Sản xuất chính thức: Từ tháng 4/2023.

+) Đối với mục tiêu bổ sung đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần 05:

- Từ Quý III/2024 đến Quý IV/2025: Thực hiện các thủ tục liên quan và đi vào hoạt động sản xuất thử, hoạt động chính thức.



+) Đối với phần dự án đăng ký bổ sung đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ 06:

- Từ Quý 3/2025 đến Quý 4/2026: Thực hiện các thủ tục liên quan và đi vào hoạt động sản xuất thử nghiệm
- Quý 4/2026: Hoạt động chính thức.



Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp.
2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Được hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
3. Các loại thuế khác: Được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành nếu đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
4. Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Nhà đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Điều 3: Các quy định đối với Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam khi thực hiện dự án

1. Chấp hành quy định của luật đầu tư, pháp luật về quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020.
3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3244233231 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 05 ngày 16 tháng 9 năm 2024.



Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam được cấp 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng đồng thời được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT/BQL



Nguyễn Thị Bích Dung

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3244233231

Chứng nhận lần đầu: Ngày 23 tháng 01 năm 2019
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ nhất: Ngày 09 tháng 7 năm 2019
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ bốn: Ngày 03 tháng 8 năm 2023
Chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm: Ngày 16 tháng 9 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương: Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương; Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3244233231 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2019, điều chỉnh lần thứ bốn ngày 03 tháng 8 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801278060 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2019, thay đổi lần thứ bốn ngày 05 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam nộp ngày 06 tháng 9 năm 2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA; Mã số dự án 3244233231, do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2019, điều chỉnh lần thứ bốn ngày 03 tháng 8 năm 2023,

Được đăng ký điều chỉnh:

- Mục tiêu dự án.
- Quy mô dự án.
- Tiến độ thực hiện dự án

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

Họ và tên: LU, KUEI-LIN

Giới tính: Nam

Ngày sinh: ngày 20 tháng 12 năm 1957; Quốc tịch: Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan, Trung Quốc); Số hộ chiếu: 353131824; Ngày cấp: ngày 19 tháng 11 năm 2019; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan, Trung Quốc).

Địa chỉ thường trú: Tầng 4, số 34, đường Yumin, quận Tucheng, Tân Đài Bắc, Đài Loan, Trung Quốc.

Chỗ ở hiện tại: Nhà nghỉ Thảo Nguyên, khu đô thị Trường Linh, khu dân cư Lôi Động, phường Cộng Hoà, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0931515299

Email: kweilin@gemmy.net.cn

2. Nhà đầu tư thứ hai:

Họ và tên: LU, YI-TING

Giới tính: Nam

Ngày sinh: ngày 23 tháng 12 năm 1980; Quốc tịch: Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan, Trung Quốc); Số hộ chiếu: 360326992; Ngày cấp: ngày 11 tháng 7 năm 2022; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan, Trung Quốc).

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Tầng 13, số 111, đường Quyun, quận Banqiao, Tân Đài Bắc, Đài Loan, Trung Quốc.

Điện thoại: 13925226063

Email: erison@gemmy.net.cn

3. Nhà đầu tư thứ ba:

Họ và tên: LU, CHIEN-TING

Giới tính: Nam

Ngày sinh: ngày 02 tháng 01 năm 1980; Quốc tịch: Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan, Trung Quốc); Số hộ chiếu: 351213949; Ngày cấp: ngày 02 tháng 10 năm 2018; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan, Trung Quốc).

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Số 130, đường Yazhou, quận Tucheng, Tân Đài Bắc, Đài Loan, Trung Quốc.

Điện thoại: +886-939802919

Email: jenting@gemmy.net.cn

4. Nhà đầu tư thứ bốn:

Họ và tên: LU, YEN-TING

Giới tính: Nam

Ngày sinh: ngày 14 tháng 3 năm 1981; Quốc tịch: Trung Hoa Dân Quốc (Trung Quốc); Số hộ chiếu: 351840564; Ngày cấp: ngày 06 tháng 3 năm 2019; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan, Trung Quốc).

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Số 130, đường Yazhou, quận Tucheng, Tân Đài Bắc, Đài Loan, Trung Quốc.

Điện thoại: 886-939628623

Email: ytl@daity.net.cn

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINITY & GEMMY VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0801278060 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2019, thay đổi lần thứ bốn ngày 05 tháng 6 năm 2023; Mã số thuế: 0801278060.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất và gia công loa, amplifier, bộ xử lý tín hiệu âm thanh, bộ phận âm thanh và các thiết bị âm thanh.	2819 (Chính)
2	Sản xuất và gia công linh kiện loa, linh kiện amplifier và linh kiện thiết bị âm thanh.	2610

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất và gia công loa, amplifier, bộ xử lý tín hiệu âm thanh, bộ phận âm thanh và các thiết bị âm thanh: 600.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất và gia công linh kiện loa, linh kiện amplifier và linh kiện thiết bị âm thanh: 12.000.000 sản phẩm/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất B2, khu công nghiệp Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

** Một phần lô đất B2, khu công nghiệp Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.*

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 50.067,5m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 208.581.602.860 (Hai trăm linh tám tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, sáu trăm linh hai nghìn, tám trăm sáu mươi) đồng, tương đương 9.000.000 (Chín triệu) đô la Mỹ, bao gồm:

- Vốn đầu tư đăng ký lần đầu ngày 23/01/2019: 139.053.602.860 đồng, tương đương 6.000.000 đô la Mỹ.

- Vốn đầu tư đăng ký bổ sung ngày 11/12/2020: 69.528.000.000 đồng, tương đương 3.000.000 đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 92.702.102.860 (Chín mươi hai tỷ, bảy trăm linh hai triệu, một trăm linh hai nghìn, tám trăm sáu mươi) đồng, tương đương 4.000.000 (Bốn triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 44,44% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			
1	LU, KUEI-LIN	23.175.525.715	1.000.000	25	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ
2	LU, YI-TING	23.175.525.715	1.000.000	25	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ
3	LU, CHIEN-TING	23.175.525.715	1.000.000	25	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ
4	LU, YEN-TING	23.175.525.715	1.000.000	25	Bằng tiền	Nhà đầu tư đã góp đủ

Vốn huy động: 115.879.500.000 (Một trăm mười lăm tỷ, tám trăm bảy mươi chín triệu, năm trăm nghìn) đồng, tương đương 5.000.000 (Năm triệu) đô la Mỹ.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu đến ngày 09 tháng 4 năm 2058.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn

- Vốn góp để thực hiện dự án là: 92.702.102.860 đồng, tương đương 4.000.000 đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 44,44% tổng vốn đầu tư. Các nhà đầu tư đã góp đủ.

- Vốn huy động 115.879.500.000 đồng, tương đương 5.000.000 đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 55,56% tổng vốn đầu tư, được huy động theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động

b1) Đối với phần dự án đăng ký ban đầu:

- Thực hiện các thủ tục về đầu tư, doanh nghiệp, môi trường, PCCC, xây dựng và triển khai xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ: Từ tháng 02/2019 đến tháng 10/2021.

- Lắp đặt thiết bị; tuyển dụng và đào tạo lao động: Từ tháng 11/2021 đến tháng 4/2023.

- Sản xuất chính thức: Từ tháng 4/2023.

b2) Đối với mục tiêu đăng ký bổ sung tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh lần thứ năm:

Thực hiện các thủ tục liên quan và đi vào hoạt động sản xuất: Từ tháng 8/2024 đến tháng 02/2025.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Luật Đầu tư; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Ưu đãi về Thuế nhập khẩu: Luật Đầu tư; Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu; và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất: Luật Đầu tư; Luật Đất đai; và quy định khác của pháp luật có liên quan.
4. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác: Theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư/tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.
2. Nhà đầu tư/tổ chức kinh tế chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản, tài liệu gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương.
3. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư; pháp luật về đất đai, môi trường, xây dựng, nhập khẩu - xuất khẩu, lao động, phòng cháy và chữa cháy; quy định khác của pháp luật có liên quan và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư *(Bao gồm phần dự án đăng ký lần đầu và các lần điều chỉnh có liên quan)*.
4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp, công nghệ xử lý chất thải; bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của dự án.
5. Thực hiện đúng quy định về đầu tư trong khu công nghiệp; nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; chịu trách nhiệm về việc huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, Nhà đầu tư/tổ chức kinh tế phải đảm bảo những nội dung sau:
 - Chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật. Các thiết bị máy móc phải đảm bảo chất lượng, phù hợp và đồng bộ với mục tiêu, quy mô công suất của dự án; trong đó, phải cụ thể từng thiết bị, máy móc về công suất sản

xuất, xuất xứ, thông số kỹ thuật và các điều kiện về an toàn của thiết bị, máy móc và các quy định có liên quan khác.

- Thực hiện các giải pháp công nghệ phù hợp để xử lý môi trường chất thải rắn, bụi, hơi dung môi, sự cố môi trường (nếu có)... phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án.

- Thực hiện đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cho công nhân vận hành dây chuyền, thiết bị máy móc (nếu có).

- Thực hiện việc đăng ký chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam (nếu có).

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án; báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3244233231 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2019, điều chỉnh lần thứ ba ngày 29 tháng 6 năm 2021.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được lập thành 02 (Hai) bản gốc; Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. /

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trung Kiên



UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3244233231

Chúng nhận lần đầu: Ngày 23 tháng 01 năm 2019

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Dainty Electric Industries (H.K.) - Nhà đầu tư Hồng Kông (Trung Quốc), nộp ngày 15 tháng 01 năm 2019,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HẢI DƯƠNG

Chúng nhận nhà đầu tư:

CÔNG TY TNHH DAINTY ELECTRIC INDUSTRIES (H.K.), Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 814126, do Phòng Đăng ký doanh nghiệp Hồng Kông (Trung Quốc) cấp ngày 13 tháng 9 năm 2002.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 504, tầng 5, Trung tâm Premier, 20 đường Cheung Shun, Cheung Sha Wan, Kowloon, Hồng Kông, Trung Quốc.

Điện thoại: +001 852 28383719 Fax: +001 852 28387427

Người đại diện theo pháp luật: Ông LU, KUEI-LIN, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1957; Quốc tịch: Trung Hoa Dân Quốc (Trung Quốc); Số hộ chiếu: 302076716 do Cơ quan ngoại giao Đài Loan (Trung Quốc), cấp ngày 28 tháng 10 năm 2010.

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: Tầng 4, số 34, đường Yumin, quận Tucheng, Tân Đài Bắc, Đài Loan, Trung Quốc.

Điện thoại: +86 755 33932500 Fax: +86 755 33932511

Chức vụ: Giám đốc điều hành.

GCNĐKĐT Số 3244233231



Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA.

2. Mục tiêu dự án:

- Sản xuất và gia công linh kiện của loa;
- Sản xuất và gia công amplifier, linh kiện amplifier.

3. Quy mô dự án:

- Sản xuất và gia công loa, linh kiện của loa: 12.000.000 cái/năm;
- Sản xuất và gia công amplifier, linh kiện amplifier: 600.000 bộ/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất B2, khu công nghiệp Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

* Một phần lô đất B2, khu công nghiệp Cộng Hòa, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

5. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 50.067,5 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 140.100.000.000 VND (Một trăm bốn mươi tỷ đồng Việt Nam) tương đương 6.000.000 USD (Sáu triệu đô la Mỹ).

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 93.400.000.000 VND (Chín mươi ba tỷ, bốn trăm triệu đồng Việt Nam), tương đương 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 66,67% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

CÔNG TY TNHH DAINTY ELECTRIC INDUSTRIES (H.K.), góp 93.400.000.000 VND (Chín mươi ba tỷ, bốn trăm triệu đồng Việt Nam), tương đương 4.000.000 USD (Bốn triệu đô la Mỹ), bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 100% giá trị vốn góp tại dự án, trong vòng 90 (Chín mươi) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến ngày 09 tháng 4 năm 2058.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, môi trường,

PCCC: Từ quý I/2019 đến quý II/2019.

- Xây dựng nhà xưởng và các công trình phụ trợ: Từ quý II/2019 đến quý IV/2019;

- Lắp đặt thiết bị; Tuyển dụng và đào tạo lao động: Từ quý IV/2019;

- Sản xuất chính thức: Từ quý I/2020.



Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Công ty được hưởng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại các văn bản:

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

- Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu.

2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư khác: Theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện các thủ tục về xây dựng; môi trường và phòng chống cháy, nổ trước khi triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý chất thải; bảo vệ môi trường; phòng chống cháy, nổ và an toàn lao động theo quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động của dự án.

4. Thực hiện đúng quy định về đầu tư trong khu công nghiệp; nghiêm chỉnh chấp hành các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; chịu trách nhiệm về việc huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

5. Chịu trách nhiệm bảo đảm chất lượng máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

6. Dự án phải được triển khai đúng tiến độ cam kết. Nếu sau 12 tháng nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký; hoặc dự án đầu tư đã ngừng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngừng hoạt động mà không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư thì Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương sẽ chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án; báo cáo giám sát và đánh giá đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được lập thành 02 (Hai) bản gốc; Công ty TNHH Dainty Electric Industries (H.K.) được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương./.

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THÀNH CÔNG
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 14/19. Quyền số: 01... SCT/BS
Ngày: 5... tháng 2... năm 2019...

TRƯỞNG BAN

Phạm Minh Phương



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lê Xuân Quý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THUÊ LẠI ĐẤT GẮN VỚI CƠ SỞ HẠ TẦNG
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP CỘNG HÒA, CHÍ LINH
Số: 03/2019/HĐTD

Căn cứ Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam, thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 22/11/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 26/03/2015 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt quy hoạch điều chỉnh chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Cộng Hòa, Chí Linh;

Căn cứ Giấy chứng nhận Đầu tư số 04221000091, do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 09/4/2008, thay đổi lần thứ tư ngày 29/01/2018;

Căn cứ Biên bản thỏa thuận giữ đất số 03/2018-BBTT ký ngày 16/11/2018 giữa Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam và Nhà đầu tư - Công ty Dainty Electric Industries, (H.K) Co., LTD về việc giữ lô đất B2 tại Khu công nghiệp Cộng Hòa, Chí Linh, Hải Dương;

Căn cứ khả năng và nhu cầu của Hai bên.

Hợp đồng thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng này (sau đây được gọi là "Hợp đồng") được ký ngày 12 tháng 02 năm 2019, tại Văn phòng Công ty cổ phần phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam. Chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I. Bên cho thuê (sau đây gọi tắt là Bên A):

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM

Ông: **PHẠM TRUNG THÁI** Chức vụ: Người đại diện theo pháp luật

- Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trụ sở: Số 12 Phố Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Mã số thuế: 0800300443

Điện thoại: 02203.838.025

- Fax: 02203.838.024



VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THÀNH CÔNG
CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 122, Quyển số: 01 SCT/BS
Ngày...5 tháng...3 năm 201...4



Tài khoản số: 4 6 0 1 0 0 0 0 2 6 1 3 3 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

II. Bên thuê (sau đây gọi tắt là Bên B):

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINTY & GEMMY VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đầu tư số: 3244233231 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Hải Dương cấp ngày 23/01/2019;

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số: 0801278060 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 25/01/2019;

Ông: LU, KUEI-LIN

- Chức vụ: Người đại diện theo pháp luật

- Tổng giám Công ty

Trụ sở : Lô B2-2, khu công nghiệp Cộng Hòa, Phường Cộng Hòa, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 0801278060

Tài khoản số: 3342356-002 tại Ngân hàng Indovinabank - Chi nhánh Hải Phòng.

Hai bên đã cùng nhau thảo luận và đồng ý ký Hợp đồng thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng tại Khu công nghiệp Cộng Hòa, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương. Nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Vị trí, diện tích và mục đích khu đất thuê lại:

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại 50.067,5m² (Năm mươi nghìn, không trăm sáu mươi bảy phẩy năm mét vuông) đất tại Lô B2-2, Khu công nghiệp Cộng Hòa, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương để sử dụng phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Hải Dương cấp cho Bên B.

1.2. Vị trí khu đất Bên B thuê lại được xác định trong bản đồ khu đất đính kèm và là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng này.

1.3. Diện tích chính xác của lô đất mà Bên B thuê được xác định trong Biên bản bàn giao đất giữa hai Bên và được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Hải Dương cấp cho Bên B.

1.4. Mục đích sử dụng đất: Xây dựng Nhà máy sản xuất và gia công linh kiện của loa. Sản xuất và gia công amplifier, linh kiện amplifier.

Điều 2: Thời hạn thuê lại đất và sử dụng hạ tầng KCN Cộng Hòa:

2.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại đất và sử dụng hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghiệp Cộng Hòa, Chí Linh với thời hạn được tính từ ngày Bên B ký Biên bản bàn giao đất với Bên A cho đến hết ngày 09 tháng 4 năm 2058 (sau đây gọi là Thời hạn thuê lại đất);

2.2. Trước khi hết hạn Hợp đồng 90 ngày, nếu Bên B có nhu cầu gia hạn hợp đồng thì Bên B phải thông báo cho Bên A để Bên A xem xét việc gia hạn. Hai bên sẽ bàn bạc, thương thảo lại hợp đồng và trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận. Mức giá cho thuê đất gắn với hạ tầng kỹ thuật sẽ được tính theo giá tại thời điểm gia hạn và phù hợp với các quy định của Nhà nước Việt Nam.

Điều 3: Giá thuê cơ sở hạ tầng và phương thức thanh toán:

3.1. Giá thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp:

- Giá thuê cơ sở hạ tầng là: 43 USD/m² (đã bao gồm thuế VAT).
- Diện tích tạm xác định là: 50.067,5 m²
- Số tiền thuê cơ sở hạ tầng tạm xác định bằng: 2.152.902,5 USD (Bằng chữ: Hai triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm linh hai phẩy năm Đô la Mỹ).
- Nếu diện tích đất thuê thực tế có thay đổi sẽ được hai bên thống nhất ký xác nhận bằng phụ lục hợp đồng.

3.2. Phương thức thanh toán, tiến độ thanh toán:

3.2.1. Phương thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng chuyển khoản vào Tài khoản của Bên A mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

3.2.2. Đồng tiền thanh toán:

Đơn vị thụ hưởng: Công ty CP phát triển đô thị và Khu công nghiệp cao su Việt Nam.

Tài khoản số 4 6 0 1 0 0 0 0 2 6 1 3 3 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

Bên B thanh toán cho Bên A bằng đồng tiền Việt Nam (Đồng Đô la Mỹ ghi trên Hợp đồng này sẽ được quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm chuyển tiền).

3.2.3. Tiến độ thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A theo tiến độ như sau:

- Chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ khi Hợp đồng được ký kết, Bên B phải thanh toán cho Bên A bằng 90% giá trị theo hợp đồng (đã bao gồm cả 10% tiền đặt cọc), tương ứng với số tiền là 1.937.612,25 USD. Chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được tiền thanh toán của Bên B, Bên A sẽ tiến hành bàn giao thực địa cho Bên B.

- Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản bàn giao thực địa, Bên B phải chuyển hết 10% giá trị còn lại của hợp đồng, tương ứng với số tiền là 215.290,25 USD cho Bên A.

Bên B có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất- Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hải Dương để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bên A sẽ phối hợp cùng Bên B nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Hải Dương.



Điều 4: Tiền thuê đất theo Luật đất đai của Nhà nước:

4.1. Tiền thuê đất theo Luật đất đai: Hàng năm Bên B có trách nhiệm nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tại thời điểm ký Hợp đồng này đơn giá thuê đất hiện nay đang được UBND tỉnh Hải Dương quy định là: 5.082 VND/m²/năm và thời gian ổn định đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4.2. Phương thức thanh toán: Đến kỳ thanh toán tiền thuê đất Bên A gửi thông báo cho Bên B về số tiền thuê đất phải nộp, căn cứ vào thông báo Bên B chuyển tiền cho Bên A.

4.3. Số tiền thuê đất của Nhà nước mà Bên B phải nộp có thể được điều chỉnh (tăng hoặc giảm) căn cứ theo đơn giá thuê đất và thời gian hiệu lực tại Quyết định của UBND tỉnh Hải Dương hoặc Thông báo của Cục thuế tỉnh Hải Dương áp dụng đối với Khu công nghiệp Cộng Hòa, Chí Linh.

Điều 5: Các loại Phí phải nộp:

5.1. Phí quản lý, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng Khu công nghiệp (tính trên tổng diện tích đất mà Bên B thuê lại của Bên A kể từ ngày Bên B ký biên bản nhận bàn giao đất) là: 0,3 USD/m²/năm (chưa bao gồm thuế VAT).

- Bên B phải thanh toán cho Bên A phí quản lý, duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp mỗi năm 01 lần, thời điểm nộp trong 15 ngày đầu tháng 01 hàng năm. Phí này được điều chỉnh tăng 02 năm/lần, mỗi lần điều chỉnh tăng không quá 05% (Năm phần trăm) sau khi đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật

5.2. Phí xử lý nước thải:

- Bên B trả cho Bên A chi phí để xử lý nước thải (gồm nước sinh hoạt và nước sản xuất) do Bên B thải ra với mức phí thu tại thời điểm ký Hợp đồng này được xác định bằng 0,6 USD/m³ (chưa bao gồm thuế VAT) và Bên B phải nộp vào ngày 15 của tháng liền kề. Mức phí này được điều chỉnh tăng 02 năm/lần, mỗi lần điều chỉnh tăng không quá 05% (Năm phần trăm) theo quyết định của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam sau khi đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thời điểm thu phí xử lý nước thải được tính kể từ khi Bên B sử dụng nước do Bên A cung cấp. Khối lượng nước thải của Bên B được tính bằng 95% khối lượng nước cấp đầu vào và theo số liệu ghi trên đồng hồ đo nước (Đồng hồ đo nước được kiểm định bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam).

+ Hệ thống thoát nước mưa và nước thải trong nhà máy của Bên B phải được xây dựng riêng biệt và chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên A trong quá trình xây dựng.

- Bên B cam kết bằng chi phí của mình sẽ thực hiện xử lý nước thải trong khu đất thuê đạt tiêu chuẩn loại B (theo QCVN 40:2011/BTNMT ban hành theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và môi trường) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp Cộng Hòa.

+ Quá trình xử lý nước thải của Bên B sẽ chịu sự giám sát, kiểm tra của Bên A và các Cơ quan quản lý môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5.3. Giá nước sạch:

- Bên A cam kết cung cấp điểm đầu nối nước tại chân tường rào của Bên B để phục vụ cho nhu cầu sử dụng nước sạch của Bên B.

- Giá nước sạch: Việc quản lý và cung cấp nước tại KCN do Bên A thực hiện. Tại thời điểm ký Hợp đồng này giá nước sản xuất, sinh hoạt được xác định bằng: 0,65 USD/m³ (chưa bao gồm thuế VAT). Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng nước với Bên A và thực hiện thanh toán tiền sử dụng nước cho Bên A theo khối lượng nước sử dụng thực tế qua đồng hồ nước được kiểm định bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam vào ngày 10 của tháng liền kề.

5.4. Giá điện:

- Bên A cam kết cung cấp điểm đầu điện tại chân tường rào của Bên B để phục vụ cho nhu cầu sử dụng điện năng của Bên B.

- Giá sử dụng điện: Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng điện với đơn vị cung cấp điện và thực hiện thanh toán tiền sử dụng điện trực tiếp cho đơn vị cung cấp điện theo mức giá do Bộ công thương quy định.

5.5. Các chi phí khác: chi phí về dịch vụ thông tin - viễn thông và các dịch vụ khác sẽ do Bên B ký hợp đồng và thanh toán trực tiếp cho các nhà cung cấp dịch vụ theo nhu cầu sử dụng.

Điều 6: Các quy định khác liên quan đến thanh toán:

6.1. Trường hợp Bên B không thực hiện đúng các quy định về thanh toán các khoản tiền theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, mà không được sự đồng ý của Bên A (bằng văn bản), thì Bên A có quyền ngừng cung cấp điện, nước và các dịch vụ, tiện ích khác cho Bên B.

6.2. Khi đã nhận được đủ tiền thanh toán từ Bên B, Bên A có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) cho Bên B đối từng khoản thanh toán như: Tiền thuê đất của Nhà nước, tiền thuê cơ sở hạ tầng, phí quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng Khu công nghiệp, phí xử lý nước thải v.v..

Điều 7: Quyền lợi và trách nhiệm của Bên A:

7.1. Sau khi Bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo cam kết tại hợp đồng này, Bên A sẽ tiến hành bàn giao khu đất cho Bên B và đảm bảo quyền sử dụng đất của Bên B trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.



7.2. Thu tiền thuê cơ sở hạ tầng, tiền cho thuê lại đất theo Luật đất đai và các khoản tiền thanh toán khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

7.3. Yêu cầu Bên B thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng này.

7.4. Bên A có trách nhiệm bàn giao điểm đầu nối: điện, nước theo đường trục quy hoạch đã được phê duyệt mà Bên B thuê lại đất của Bên A, đồng thời đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về điện, nước sạch theo đăng ký của Bên B.

7.5. Giám sát quá trình Bên B tổ chức thi công xây dựng Nhà máy theo Giấy phép xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

7.6. Bên A có trách nhiệm đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải chung cho Khu công nghiệp Cộng Hòa theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 24:2009/BTNMT, Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam và các văn bản khác liên quan. Đồng thời lắp đặt hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải để đảm bảo Khu công nghiệp Cộng Hòa không bị ngập úng, không gây độc hại, ô nhiễm môi trường, trừ trường hợp bất khả kháng.

7.7. Bên A có trách nhiệm đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy hoạch, thiết kế của Khu công nghiệp Cộng Hòa, Chí Linh đã được phê duyệt.

7.8. Bên A có trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ do Bên A cam kết cung cấp.

7.9. Cùng Bên B ký các văn bản gồm:

- Biên bản thỏa thuận về sử dụng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp;
- Ký cam kết việc: Sử dụng Khu đất thuê lại theo đúng mục đích ghi tại Giấy chứng nhận đầu tư của Bên B và cam kết luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quy hoạch sử dụng đất theo phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

7.10. Bên A cam kết thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng này.

Điều 8: Quyền lợi và trách nhiệm của Bên B:

8.1. Yêu cầu Bên A bàn giao khu đất cho Bên B thuê theo Hợp đồng đã ký;

8.2. Bên B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

8.3. Kể từ ngày ký Hợp đồng thuê lại đất, Bên B được quyền khảo sát, đo đạc, khoan địa chất công trình phục vụ cho việc xây dựng trên Khu đất thuê.

8.4. Tài sản và vật kiến trúc được Bên B xây dựng trên Khu đất thuê là tài sản của Bên B, Bên B được quyền định đoạt theo quy định của pháp luật Việt Nam.

8.5. Bên B có quyền chuyển nhượng toàn bộ dự án hoặc một phần dự án cho Nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện tại Điều 45 Luật đầu tư.

- Khi phát sinh việc chuyển nhượng dự án gắn liền với quyền sử dụng đất, Bên B phải thanh toán hết các khoản tiền còn nợ đọng chưa thanh toán cho Bên A (nếu có) đến thời điểm phát sinh chuyển nhượng cho Bên thứ 3.

- Bên A ấn định thu một khoản tiền tương đương với: 10.000 USD/01ha (Mười nghìn đô la Mỹ/một héc-ta) và Bên A sẽ xuất hoá đơn tài chính theo quy định cho Bên B.

- Bên nhận chuyển nhượng phải cam kết tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng này.

8.6. Bên B có trách nhiệm tổ chức xây dựng theo đúng Chứng chỉ quy hoạch, Giấy phép xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, tuân thủ các quy định của Nhà nước về xây dựng cơ bản và phải nộp cho Bên A các bản vẽ dưới đây:

- Bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể công trình;
- Bản vẽ kiến trúc mặt chính của nhà máy;
- Thiết kế san nền toàn khu;
- Hệ thống thoát nước mưa toàn khu;
- Hệ thống thoát nước thải toàn khu;
- Mặt bằng cấp điện toàn khu;
- Mặt bằng cấp nước toàn khu;
- Mặt bằng trồng cây xanh.

8.7. Bên B phải thiết kế, xây dựng, lắp đặt đường thoát nước mưa và nước thải riêng biệt để đầu nối vào hệ thống hạ tầng tương ứng của Khu công nghiệp Cộng Hòa theo chỉ định của Bên A.

8.8. Bên B không được phép khai thác nước ngầm dưới mọi hình thức trong phạm vi khu đất thuê.

8.9. Bên B có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của Hợp đồng này và quy định của Pháp luật Việt Nam. Bên B có trách nhiệm xử lý nước thải nội bộ đạt tiêu chuẩn Loại B, QCVN 40:2011/BTNMT được Ban hành theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011, của Bộ Tài nguyên và môi trường trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp.

- Bên B phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khói bụi, tiếng ồn, rác thải... đồng thời với xây dựng Nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành. Bên A có quyền giám sát trong quá trình Bên B thi công lắp đặt các hệ thống này và Bên B chỉ được đưa các hệ thống này vào hoạt động khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

8.10. Bên B có trách nhiệm sử dụng cơ sở hạ tầng: Đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải và các tiện ích khác đúng mục đích, tuân thủ đúng các quy định của Bên A và các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nếu cơ sở hạ tầng bị hư hỏng do lỗi của Bên B thì Bên B phải sửa chữa lại cho Bên A hoặc thanh toán trả phần chi phí để Bên A khắc phục thiệt hại do Bên B gây ra.

8.11. Bên B phải tuân thủ các quy định của Nhà nước về an ninh - trật tự, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, không làm tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp các nhà đầu tư khác.



8.12. Bên B cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 9: Các quy định và thỏa thuận khác:

9.1. Các Bên cam kết trong mọi tình huống không hủy ngang hợp đồng này.

9.2. Trường hợp Bên B chậm thanh toán đối với các thỏa thuận tại Hợp đồng này, Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng bằng 1%/ngày đối với khoản tiền nộp chậm. Thời gian nộp chậm không quá 30 ngày, nếu quá thời gian nêu trên, Bên A có quyền đơn phương ngừng cung cấp điện, nước và các dịch vụ có liên quan.

9.3. Đối với hoạt động cung cấp điện năng: Hai bên thống nhất thực hiện theo đúng các quy định tại Luật điện lực số 28/2004/QH11 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 24/2012/QH13 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

9.4. Đối với hoạt động cung cấp nước sạch: Hai bên thống nhất thực hiện theo quy định tại Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 10: Giải quyết tranh chấp:

10.1. Những nội dung không quy định trong Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

10.2. Bên A và Bên B cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, mọi sự thay đổi của hợp đồng hai bên thống nhất lập thành văn bản (Phụ lục Hợp đồng). Nếu có phát sinh tranh chấp, khiếu nại trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ cùng nhau hòa giải và giải quyết trên tinh thần hợp tác đôi bên cùng có lợi. Trường hợp hòa giải không thành công thì vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền Tỉnh Hải Dương để giải quyết. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 11: Chấm dứt Hợp đồng:

- Theo quy định tại Điều 48 Luật đầu tư.

- Bên thuê đất vi phạm Điều 64 Luật đất đai.

- Bên B không thanh toán tiền thuê hạ tầng và các chi phí theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

- Bên B vi phạm có hệ thống các thỏa thuận đã ghi tại Hợp đồng này.

- Theo thỏa thuận của Hai Bên.

Điều 12: Điều khoản cuối cùng:

12.1. Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại Hợp đồng này sẽ được hai Bên thực hiện theo quy định hiện hành có liên quan của pháp luật Việt Nam.

12.2. Hợp đồng này là bí mật kinh doanh giữa hai doanh nghiệp, các bên cam kết không cung cấp nội dung và số liệu trong Hợp đồng cho các đối tượng không có liên quan.

12.3. Hợp đồng này gồm 09 (chín) trang, 12 (mười hai) Điều, được lập thành 16 (mười sáu) bản (song ngữ tiếng Việt - tiếng Anh, bản tiếng Anh được dịch thuật và công chứng) gồm: 08 bản Tiếng Việt và 08 bản Tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Cả hai bên đã đọc và xác nhận rằng nội dung của Biên bản thể hiện đúng ý trí, mục tiêu của hai Doanh nghiệp.

Tất cả các Hợp đồng được hai bên ký trực tiếp, mỗi bên giữ 06 (sáu) bản (gồm 03 (ba) bản bằng Tiếng Việt và 03 (ba) bản bằng Tiếng Anh). 04 (bốn) bản còn lại được gửi cho Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Hải Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Hải Dương.



Phạm Trung Thái
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lu, Kuei-Lin
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lê Xuân Mỹ

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness



CONTRACT
FOR SUBLEASING LAND ATTACHED TO INFRASTRUCTURE
AT CONG HOA INDUSTRIAL PARK, CHI LINH
No.: 03/2019/HDTD

Pursuant to Land Law No. 45/2013/QH13 dated 29/11/2013 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

Pursuant to Civil Code No. 91/2015/QH13 dated 24/11/2015 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

Pursuant to Investment Law No. 67/2014/QH13 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26/11/2014;

Pursuant to Decree No. 118/2015/ND-CP dated 22/11/2015 of the Government, giving detailed regulations and instructions on the implementation of Investment Law;

Pursuant to Decree No. 82/2018/ND-CP dated 22/5/2018 of the Government regulating the management of industrial park and economic zone;

Pursuant to Decision No. 706/QĐ-UBND dated 26/03/2015 by the People's Committee of Hai Duong Province approving the amended detailed planning of the construction of Cong Hoa Industrial Park, Chi Linh;

Pursuant to Certificate of Investment No. 04221000091 issued by Industrial Parks Authority of Hai Duong Province for the first time on 09/4/2008, the fourth change dated 29/01/2018;

Pursuant to the Minutes of Agreement of Land Reservation No. 03/2018-BBTT signed on 16/11/2018 between Vietnam Rubber Industrial Zone and Urban Development Joint Stock Company and the Dainty Electric Industries, (H.K) co., LTD on reserving the land lot B2 at Cong Hoa Industrial Park, Chi Linh, Hai Duong;

Pursuant to the ability and demand of both Parties.

This Contract for subleasing land attached to infrastructure (hereinafter referred to as ("Contract")) signed on 12 February 2019, at the office of Vietnam Rubber Industrial Zone and Urban Development Joint Stock Company. We include the following parties:

I. Lesser (hereinafter referred to as Party A):

VIETNAM RUBBER INDUSTRIAL ZONE AND URBAN DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

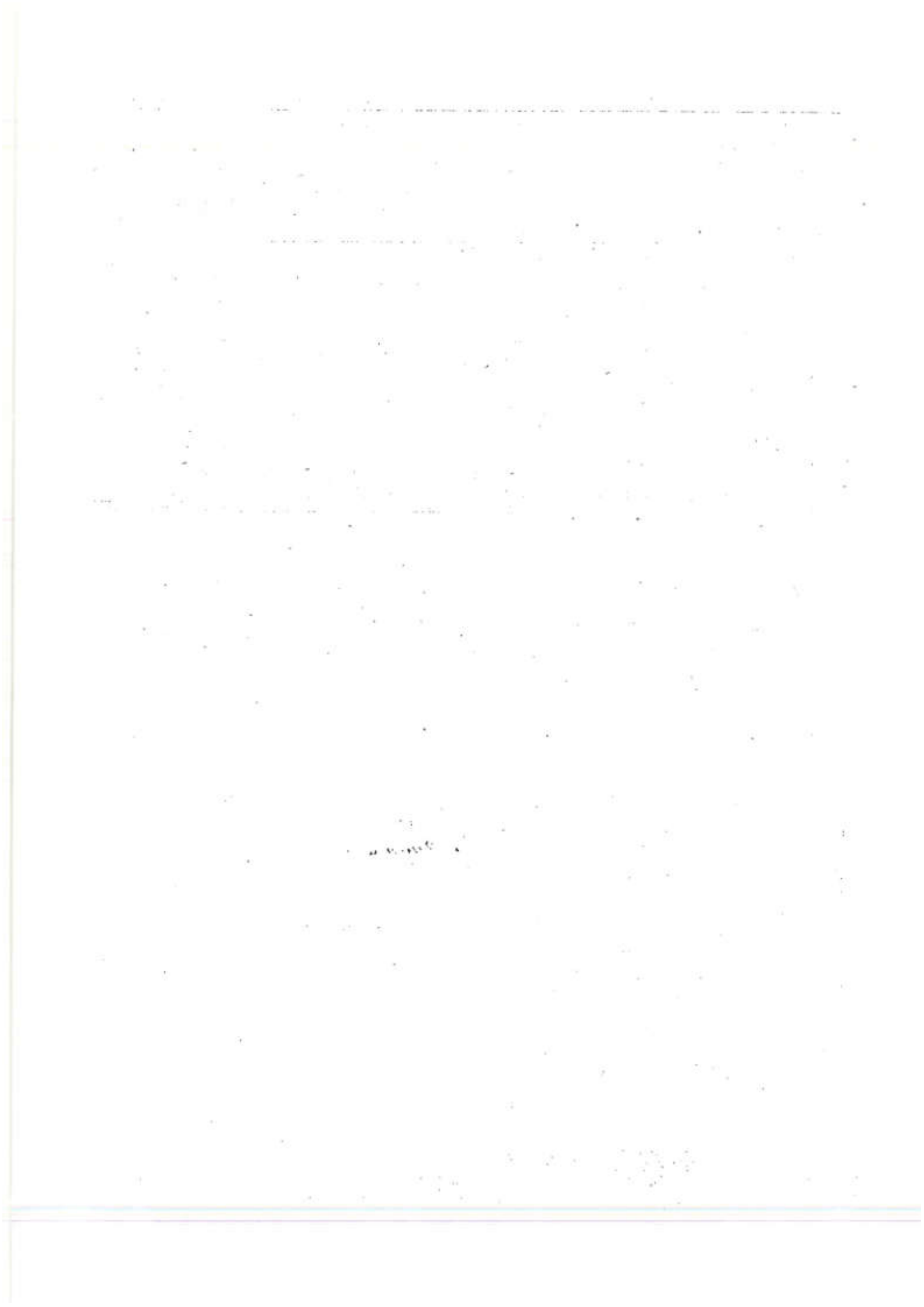
Mr.: PHAM TRUNG THAI

- Position: Legal Representative

- Chairman of Board of Directors

Headquarters: No. 12 Nguyen An Street, Hai Tan Ward, Hai Duong City, Hai Duong province, Vietnam.

Tax code: 0800300443



Telephone: 02203.838.025

- Fax: 02203.838.024

Account: 4 6 0 1 0 0 0 0 0 2 6 1 3 3 at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Hai Duong branch.



II. Lessee (hereinafter referred to as Party B):

DAINTY & GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) COMPANY LIMITED

Certificate of Investment No.: 3244233231 issued by Industrial Parks Authority of Hải Duong Province on 23/01/2019;

Certificate of enterprise establishment registration No.: 0801278060 issued by Business Registration Office - Department of Planning and Investment of Hai Duong Province on 25/01/2019;

Mr.: LU, KUEI-LIN

- Position: Legal Representative - General Director

Headquarters: Lot B2-2, Cong Hoa Industrial Park, Cong Hoa Ward, Chi Linh Town, Hai Duong Province, Vietnam.

Tax code: 0801278060

Account No.: 3342356-002 at INDOVINABANK - HAI PHONG BRANCH

Both parties mutually discussed and agreed to sign the Contract for subleasing land attached to infrastructure at Cong Hoa Industrial Park, Chi Linh Town, Hai Duong Province. The specific contents are as follows:

Article 1: Position, area and purpose of subleased site:

1.1. Party A agrees to sublease to Party B 50.067,5m² (Fifty thousand, sixty-seven point five square meters) of land at Lot B2-2, Cong Hoa Industrial Park, Chi Linh Town, Hai Duong Province for use in accordance with Investment Certificate issued by Industrial Parks Authority of Hai Duong Province to Party B.

1.2. The position of the site sub-leased to Party B is determined in the enclosed map of site and is an integral part of this contract.

1.3. The exact area of the land lot hired by Party B is determined in the Minutes of Land Hand-over between both parties and recorded in the Certificate of land use right issued by Department of Natural Resources and Environment of Hai Duong Province to Party B.

1.4. Use purpose of land: Building the factory for manufacturing and machining components of speakers. Manufacturing and machining amplifier, amplifier components.

Article 2: Term of land sub-lease and use of infrastructure at Cong Hoa Industrial Park:

2.1. Party A agrees to sublease to Party B and let Party B use technical infrastructure at Cong Hoa Industrial Park, Chi Linh with the term from the date as Party B sign the Minutes of land hand-over with Party A to 09 April 2058 inclusively (hereinafter referred to the Term of land sub-lease);

2.2. 90 days before the contract expires, if Party B has demand on extending the contract, Party B must notify Party A so that Party A will consider the extension. Both parties will discuss and re-negotiate the contract and submit it to the State competent agency for consideration and approval. The price level of land lease attached to technical infrastructure will be calculated according to the price at the time of extension and in accordance with the regulations of the State of Vietnam.

Article 3: Lease price of infrastructure and payment mode:

3.1. Lease price of infrastructure of industrial zone:

- The lease price of infrastructure is: 43 USD/m² (including VAT).
- Temporarily determined area is: 50.067,5 m²
- The rental amount of infrastructure temporarily determined is: 2.152.902,5 USD
(In words: Two million, one hundred and fifty two thousand, nine hundred and two point five US dollars).

- If the actual area of the leased land is changed, both parties will agree to sign the confirmation by contract appendix.

3.2. Payment mode, payment progress:

3.2.1. Payment mode: Party B pays by telegraphic transfer to the account of Party A opened at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Hai Duong Branch.

3.2.2. Payment currency:

Beneficiary: Vietnam Rubber Industrial Zone and Urban Development Joint Stock Company.

Account: 4 6 0 1 0 0 0 0 2 6 1 3 3 at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Hai Duong branch.

Party B pays to Party A in Vietnam dong (US dollar stated in this contract will be converted according to the selling rate of the Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam at the time of telegraphic transfer).

3.2.3. Payment progress: Party B pays to Party A according to the progress as follows:

- After 02 working days at the latest after the Contract is signed, Party B must pay to Party A 90% of the contract value (including the 10% deposit), corresponding to the amount of USD 1.937.612,25. After 02 working days at the latest after receiving the payment from Party B, Party A will hand over at field to Party B.

- After 05 working days after at the latest since the date of signing the minutes of hand-over at field, Party B must transfer 10% of the remaining value of the contract, corresponding to the amount of USD 215.290,25 to Party A.

Party B is responsible for preparing the documents for requesting the issuance of certificate of land use right at the Office of land use right registration - Department of



Natural Resources and Environment of Hai Duong province to issue the Certificate of land use right.

- Party A will coordinate with Party B to submit the documents at the Office of land use right registration - Department of Natural Resources and Environment of Hai Duong Province.

Article 4: Land rental under the Land Law of the State

4.1. Land rental under the Land Law: Every year, Party B is responsible for paying the land rental in accordance with the regulations of the law of Vietnam. At the time of signing this Contract, the unit price of land lease currently regulated by the People's Committee of Hai Duong province is: 5,082 VND/m²/year and the period is stable until 31 December 2019.

4.2. Payment mode: To the payment period of the land rental, Party A sends the notice to Party B on the amount of land rental payable, based on the notice, Party B transfers money to Party A.

4.3. The amount of land rental of the State that Party B has to pay may be adjusted (*increased or decreased*) based on the unit price of land lease and the effective time in the Decision of the People's Committee of Hai Duong Province or Notice of Department of Taxation of Hai Duong Province applied to Cong Hoa Industrial Park, Chi Linh.

Article 5: Types of fee payables:

5.1. Fees for management and maintenance of infrastructure in the Industrial Park (*calculated on total land area which Party B takes sub-lease from Party A since Party B signs the minutes of receiving the land hand-over*) is: 0.3 USD/m²/year (*excluding VAT*).

- Party B must pay to Party A the fees for management and maintenance of infrastructure in the Industrial Park once a year, the time of payment is in the first 15 days of January every year. These fees shall be adjusted once every 2 years, each time of adjustment shall not exceed 05% (Five percent) after registering with the competent agency in accordance with the regulations of the law.

5.2. Fees for sewage treatment:

- Party B pays to Party A the costs for sewage treatment (including domestic sewage and production sewage), which is discharged by Party B with the collection level at the time of signing this Contract to be 0.6 USD/m³ (*excluding VAT*) and Party B must pay on the 15th day of next month. This fee level shall be adjusted once every 02 years, the increase in each time will not exceed 05% (Five percent) under the decision of the Board of Directors of Vietnam Rubber Industrial Zone and Urban Development Joint Stock Company after being registered with competent agency in accordance with the regulations of the law.

- The time of collecting sewage treatment fee is calculated since Party B uses water supplied by Party A. The sewage volume of Party B is calculated as 95% of the

of volume of input supply water and according to the data recorded on the water meter
(Water meter is verified by the competent authority in accordance with the regulations of
of the law of Vietnam).

Hai + Rainwater and sewage drainage system in the factory of Party B must be built
separately under the inspection and supervision of Party A during the construction.

for - Party B by its own cost must commit to implement the treatment of sewage in
the site to reach the standards of Type B (QCVN 40:2011/BTNMT issued under Circular
the No. 47/2011/TT-BTNMT dated 28/12/2011 of the Ministry of Natural Resources and
the Environment) before it is connected into the common sewage treatment system of Cong
l is Hoa Industrial Park.

the + The process of sewage treatment of Party B will be subject to the supervision,
inspection of Party A and environment management authorities in accordance with the
B regulations of the law of Vietnam.

5.3. Price of clean water:

ted - Party A commits to provide water connection points at the foot of the fence of
in Party B to serve the demand on using clean water of Party B.

ent - Price of clean water: The management and use of water at the Industrial Park
will be implemented by Party A. At the time of signing this Contract, the price of water
for production and civil use will be determined as 0.65 USD/m³ (excluding VAT). Party B
ial signs the contract for water use with Party A and pays the water use charge to Party A
ice according to the actual water consumption volume through water meter tested by
ear competent agency in accordance with the regulations of the law of Vietnam on 10th day
of the next month.

5.4. Price of electricity:

of - Party A commits to provide electricity connection points at the foot of the fence
15 of Party B to serve the demand on using electricity of Party B.

ent - Price of using electricity: Party B will sign the electricity use contract with
electricity service provider and paid directly to electricity service provider according to
the price with the regulations of the Ministry of Industry and Trade of the socialist
tic republic of VietNam.

vel 5.5. Other costs: costs of information and telecommunication services and other
st services will be contracted by Party B and paid directly to service providers according to
rs, the use demand

he Article 6: Other regulations relating to the payment:

int 6.1. In case Party B does not comply with regulations on payment of money under
he the agreement in this Contract without the consent of Party A (in writing), Party A has
the right to stop supplying electricity, water and other services and facilities to Party B.

ies

he

6.2. When receiving enough payment from Party B, Party A is responsible for issuing value added tax (VAT) invoice to Party B for each payment such as: land rental of the State, infrastructure rental, operation management fee, maintenance fee of industrial zone, sewage treatment fee, etc.

Article 7: Rights and responsibilities of Party A:

7.1. After Party B implements fully the financial obligations under the commitment in this contract, Party A will hand over the site to Party B and ensure the land use right of Party B during the period of Contract implementation.

7.2. Collecting the infrastructure rental, charge of land sublease under the Land Law and other payments under the agreement in this Contract.

7.3. Requesting Party B to implement rightly the contents agreed in this Contract.

7.4. Party A is responsible for handing over the connection points: electricity, water along the approved planning axis road that Party B takes land sublease from Party A and ensuring to meet fully the demand on electricity and clean water according to the registration of Party B.

7.5. Supervising the process of organizing the construction of the Factory by Party B according to the construction licence granted by the competent authority.

7.6. Party A is responsible for investing in the construction of a common sewage treatment system for Cong Hoa Industrial Park in accordance with the National Technical Regulation on industrial sewage QCVN 24:2009/BTNMT, the Environment Protection Law of Vietnam and other relevant documents. At the same time, installing the rainwater drainage system and sewage collection system to ensure that Cong Hoa Industrial Park is not flooded, not poisoning, polluting the environment, except for the force majeure.

7.7. Party A is responsible for investing in technical infrastructure system in strict accordance with the approved planning and design of Cong Hoa Industrial Park, Chi Linh.

7.8. Party A is responsible for managing, maintaining the technical infrastructure and services committed to supply by Party A.

7.9. Together with Party B signing the documents including:

- Minutes of agreement on using technical infrastructure of the Industrial Park;
- Signing the commitment: Using the subleased land for the purpose stated in the Investment certificate of Party B and committing to always comply with the regulations on environmental protection, land use planning under approval of competent authorities.

7.10. Party A commits to realize rightly the agreement contents in this Contract.

Article 8: Rights and responsibilities of Party B:

8.1. Requesting Party A to hand over the site to Party B under the signed Contract;

8.2. Party B is issued Certificate of land use right in accordance with the current regulations of the State of Vietnam.

8.3. From the date of signing the land sublease Contract, Party B is entitled to survey, measure and drill geology and works in service of the construction on the leased Site.

8.4. The assets and architectural objects built by Party B on the leased Site are the property of Party B, Party B is entitled to determine in accordance with the regulations of the law of Vietnam.

8.5. Party B is entitled to transfer the entire project or part of the project to another Investor when the conditions of Article 45 of the Investment Law are met.

- As arising the transfer of the project associated with the land use right, Party B must pay all unpaid debts to Party A (if any) up to the time of arising the transfer to the third party.

- Party A fixes to collect an amount equivalent to USD 10,000/01 ha (Ten thousand US dollars/one hectare) and Party A will issue the financial invoice in accordance with the regulations to Party B.

- The transferee must commit to comply with the terms of this Contract.

8.6. Party B is responsible for organizing the construction in strict accordance with the planning Certificate, construction licence issued by the competent authority and complying with the regulations of the State on capital construction and must submit to Party A the drawings below:

- Drawing of general layout design of the works;
- Drawing of main architecture of the factory;
- Leveling design of entire area;
- Rainwater drainage system of entire area;
- Sewage drainage system of entire area;
- Electricity supply layout of entire area;
- Water supply layout of entire area;
- Green planting layout.

8.7. Party B must design, construct and install separate rainwater and sewage drainage lines to connect to the corresponding infrastructure systems of Cong Hoa Industrial Park as designated by Party A.

8.8. Party B is not allowed to exploit underground water in any form within the leased area.

8.9. Party B is responsible for realizing rightly the regulations on environmental protection in accordance with the regulations of this Contract and the regulations of the law of Vietnam. Party B is responsible for treating internal sewage to meet the standards of Type B, QCVN 40:2011/BTNMT promulgated in accordance with Circular No. 47/2011/TT-BTNMT dated 28/12/2011 of the Ministry of Natural Resources and Environment before connecting to the common sewage treatment system of the Industrial Park.

- Party B must build the treatment systems for sewage, smoke, dust, noise, garbage... simultaneously with the construction of the factory in accordance with current

Vietnamese standards. Party A is entitled to supervise in the process of Party B constructing, installing these systems and Party B can only put these systems into operation when it is licensed by the competent authorities.

8.10. Party B is responsible for using the infrastructure: Traffic road, rainwater drainage system, sewage drainage system and other utilities for the right purposes, complying with the regulations of Party A and regulations of the State competent agencies. If the infrastructure is damaged due to the fault of Party B, Party B shall repair for Party A or pay the costs to Party A for overcoming the damage caused by Party B.

8.11. Party B must comply with the regulations of the State on security - order, construction, environment, fire prevention and fighting, not damage the legal rights and interests of other investors.

8.12. Party B commits to strictly implement the contents agreed in this Contract.

Article 9: Other regulations and agreements:

9.1. The Parties commit in all circumstances not to cancel this contract.

9.2. In case Party B makes late payment for the agreements in this contract, Party B must be fined 1% per day for late payment amount. The deadline for late payment will not exceed 30 days, if exceeding the time stated above, Party A will be entitled to unilaterally stop supplying electricity, water and related services.

9.3. For the activity of electricity supply: Both parties agree to implement in strict accordance with the regulations of the Electricity Law No. 28/2004/QH11 as amended and supplemented in Law No. 24/2012/QH13 and relevant guidance documents.

9.4. For activity of clean water supply: Both parties agree to implement in accordance with the regulations in Decree No. 117/2007/ND-CP dated 11/7/2007 of the Government on production, supply and consumption of clean water, Decree No. 124/2011/ND-CP dated 28/12/2011 of the Government amending Decree No. 117/2007/ND-CP dated 11/7/2007 of the Government on production, supply and consumption of clean water and documents guiding the implementation.

Article 10: Dispute settlement:

10.1. The contents not regulated in this Contract will be implemented in accordance with regulations in force of the Law of Vietnam.

10.2. Party A and Party B commit to implement rightly the contents agreed in this Contract. During the implementation of the Contract, all changes of the contract will be agreed to be made in writing by both parties (Contract appendix). If any dispute arises during the performance of the Contract, Party A and Party B shall jointly mediate and settle in the spirit of cooperation for mutual benefit. In case of failing to mediate, the case will be submitted to the competent Court of Hai Duong Province for settlement. The order and procedure for settling dispute are in accordance with the regulations of the law of Vietnam.

Article 11: Termination of the contract:

- In accordance with the regulations in Article 48 of the Investment Law.
- The land lessee violates Article 64 of the Land Law.
- Party B does not pay the infrastructure rental and costs under the agreement in this Contract.
- Party B violates systematically the agreements stated in this Contract.
- Under the agreement of both Parties.

Article 12: Final terms:

12.1. Every term not specifically stated in this Contract will be implemented by both Parties in accordance with the regulations in force of the law of Vietnam.

12.2. This Contract is business secret between two enterprises, the parties commit not to provide the content and data in the Contract to the unrelated subjects.

12.3. This Contract includes 09 (nine) pages, 12 (twelve) Articles, is made into 16 (sixteen) copies (in Vietnamese and English, the English version is translated and certified), 08 copies in Vietnamese and 08 copies in English with the same validity. Both parties read and confirmed that the content of the Minutes showed right will and target of two Enterprises.

All Contracts are directly signed by both parties, each party keeps 06 (six) copies, (including 03 (three) copies in Vietnamese and 03 (three) copies in English). 04 (four) remaining copies will be sent to Hai Duong Industrial Parks Authority, Department of Natural Resources and Environment of Hai Duong Province.

REPRESENTATIVE OF PARTY A



Trần Trung Thái
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS



CÔNG CHỨNG VIÊN

Lê Xuân

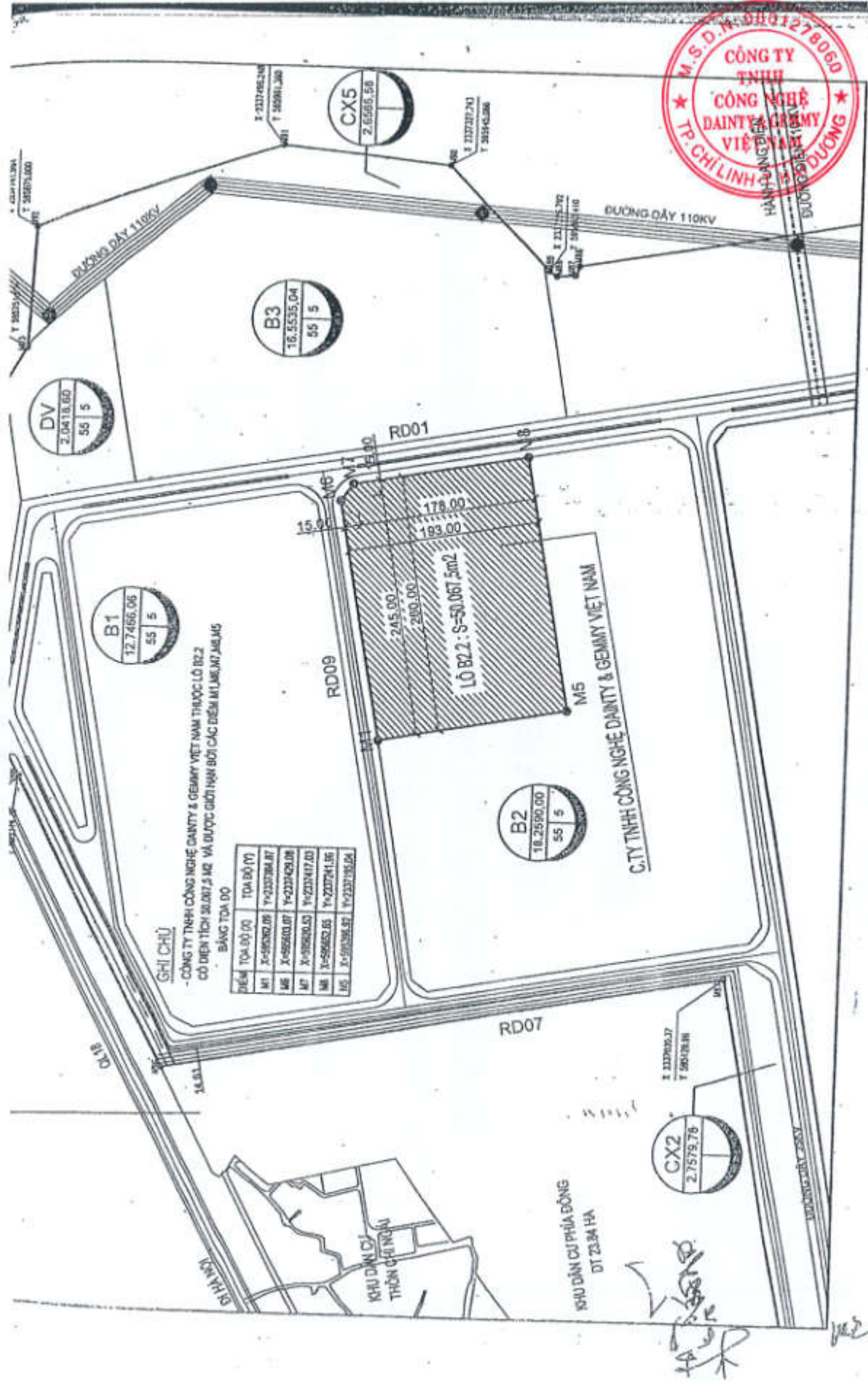
REPRESENTATIVE OF PARTY B



Lữ Kuei-Lin
GENERAL DIRECTOR



TRAN DUNG TRANSLATION CO., LTD
Certified accurate translation
52nd Hai Ba Trung St, Hanoi
Hanoi 12-02-2013



GHI CHÚ

- CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINITY & GEMMY VIỆT NAM THUỘC LÔ B2.2
CÓ DIỆN TÍCH 30.007,5 M² VÀ ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC ĐIỂM M1, M6, M7, M8, M5

BẢNG TỌA ĐỘ

ĐIỂM	TỌA ĐỘ (X)	TỌA ĐỘ (Y)
M1	X=595362,05	Y=2337384,87
M6	X=595600,07	Y=2337429,08
M7	X=595810,53	Y=2337417,03
M8	X=595832,65	Y=2337241,95
M5	X=595398,57	Y=2337195,04

KHU DÂN CƯ PHÍA ĐÔNG
DT 23,34 HA



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN THỊNH PHÁT
ĐỊA CHỈ: SỐ NHÀ 01, NGÕ 200 ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẦU, PHƯỜNG NGỌC CHÂU, TP HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

QUY TRÌNH HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA

ĐỊA CHỈ: KHU CÔNG NGHIỆP CỘNG HÒA - THÀNH PHỐ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



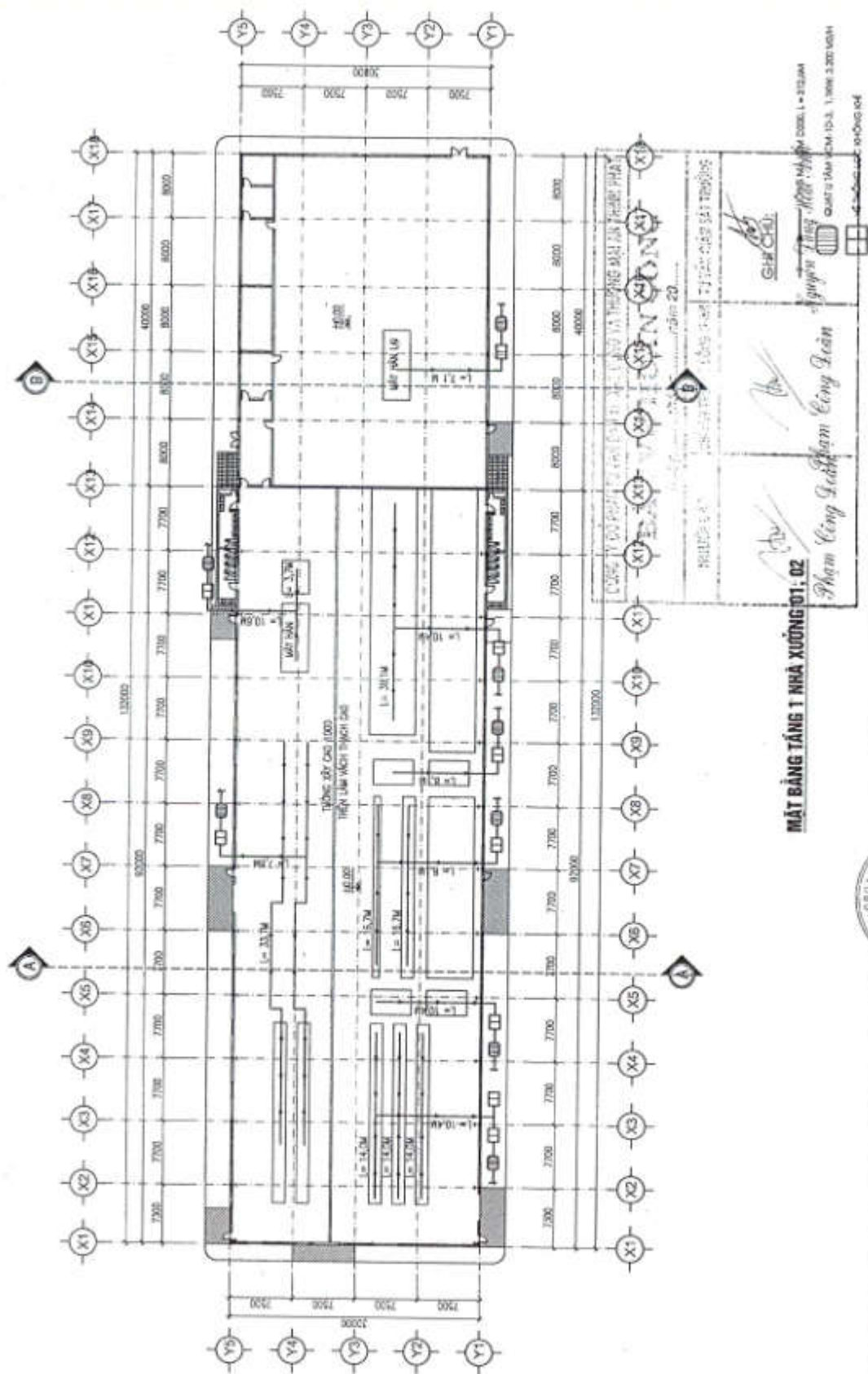
GIÁM ĐỐC
SU WEI HAO

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



GIÁM ĐỐC
PHẠM HẢI LONG

-----HẢI DƯƠNG 2021-----



MẶT BẰNG TẦNG 1 NHÀ XƯỞNG 01, 02

QUART 1 1991

Phạm Công Tuấn Phạm Công Tuấn

[illegible]



WESTERN DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TÂY

VĂN PHÒNG: Tầng 4 - Khu vực AC - Khu vực xây dựng - Cầu Giấy - Hà Nội
Số 04/04/04/04 - 04/04/04/04 - 04/04/04/04
EMAIL: WESTERN.JOINTSTOCK.COM

ADDRESS: 4 PL AC, BINH TAN STREET, CAU GIAY DIST, HAI NOI CITY
TEL: 04/04/04/04 - 04/04/04/04 - 04/04/04/04
EMAIL: WESTERN.JOINTSTOCK.COM

HỒ SƠ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN

HẠNG MỤC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG THẦU & THI CÔNG

- : NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER
- : BẾ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- : KHU CÔNG CỘNG HÒA - CỘNG HÒA - CHÍ LINH - HẢI DƯƠNG
- : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINITY&GEMMY VIỆT NAM
- : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TÂY

BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày.....tháng.....năm 20.....	
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG
Hà Văn Minh	Tổng Giám đốc
	Lưu, Ngọc-Lưu

GÓC NHÌN 3D
TỶ LỆ 1:30

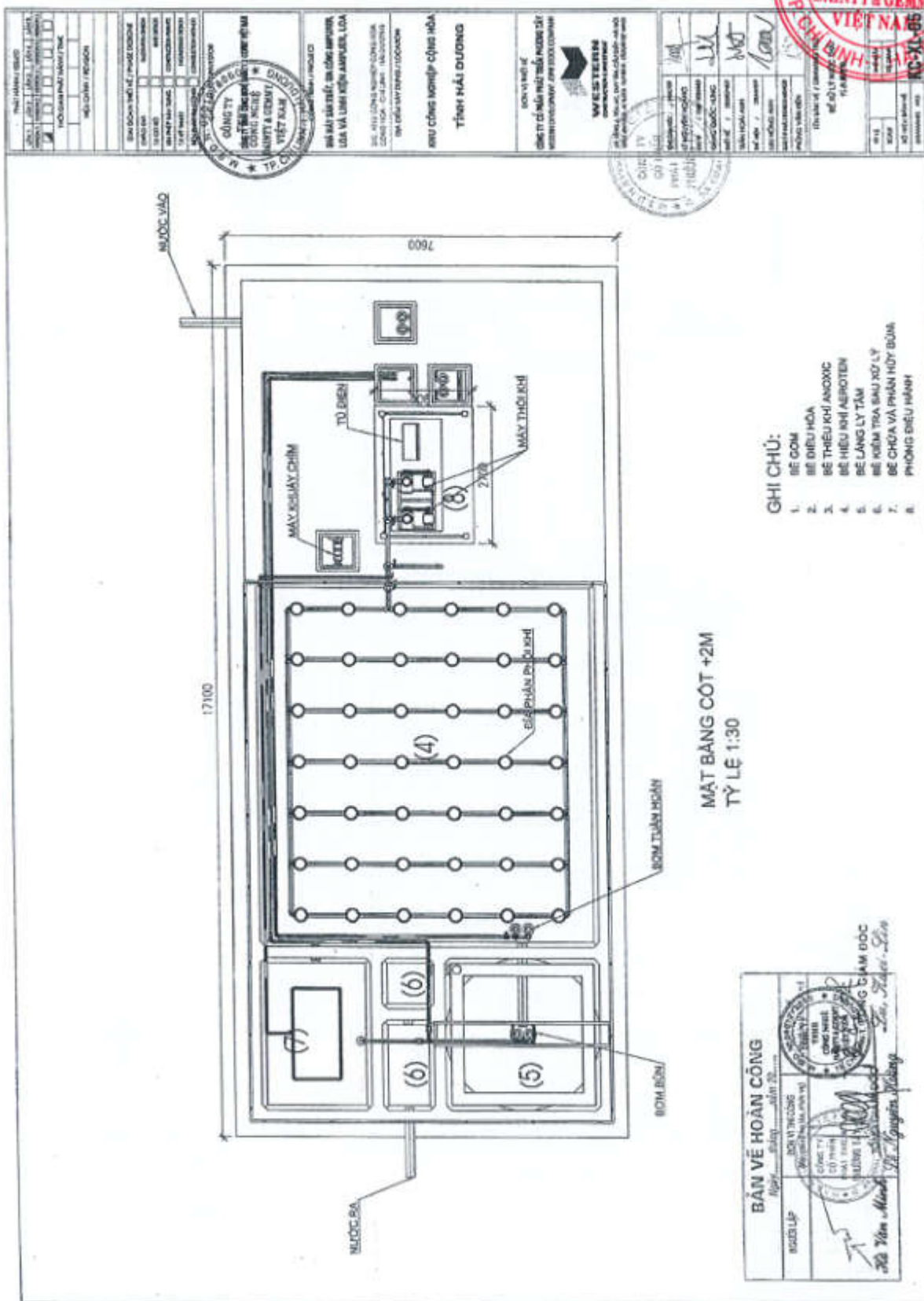
(8)

GHI CHÚ:

1. BỂ GOM
2. BỂ ĐIỀU HÒA
3. BỂ THIÊU KHÍ ANOĐIC
4. BỂ THIÊU KHÍ AEROTEN
5. BỂ LẮNG LÝ TÂM
6. BỂ LẮNG LÝ TÂM

1. BẾ GOM
2. BẾ ĐIỀU HÒA
3. BẾ THIÊU KẾ ANĐRƠ
4. BẾ HIỆU KHÍ AEROTEN
5. BẾ LĂNG LÝ TÂM
6. BẾ KẾM TRẠ SAU XỬ LÝ
7. BẾ CHỮA VÀ PHÂN HỦY BỤN

[illegible][illegible]



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

-----*-----

BẢN VẼ THIẾT KẾ

DỰ ÁN

: NHÀ XƯỞNG SỐ 03 NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA
VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA

HẠNG MỤC

ĐỊA ĐIỂM

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI, TỔNG CÔNG SUẤT 30.000 M3/H

: LÔ B2-2, KCN CỘNG HÒA, P. TRẦN HƯNG ĐẠO, TP. HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

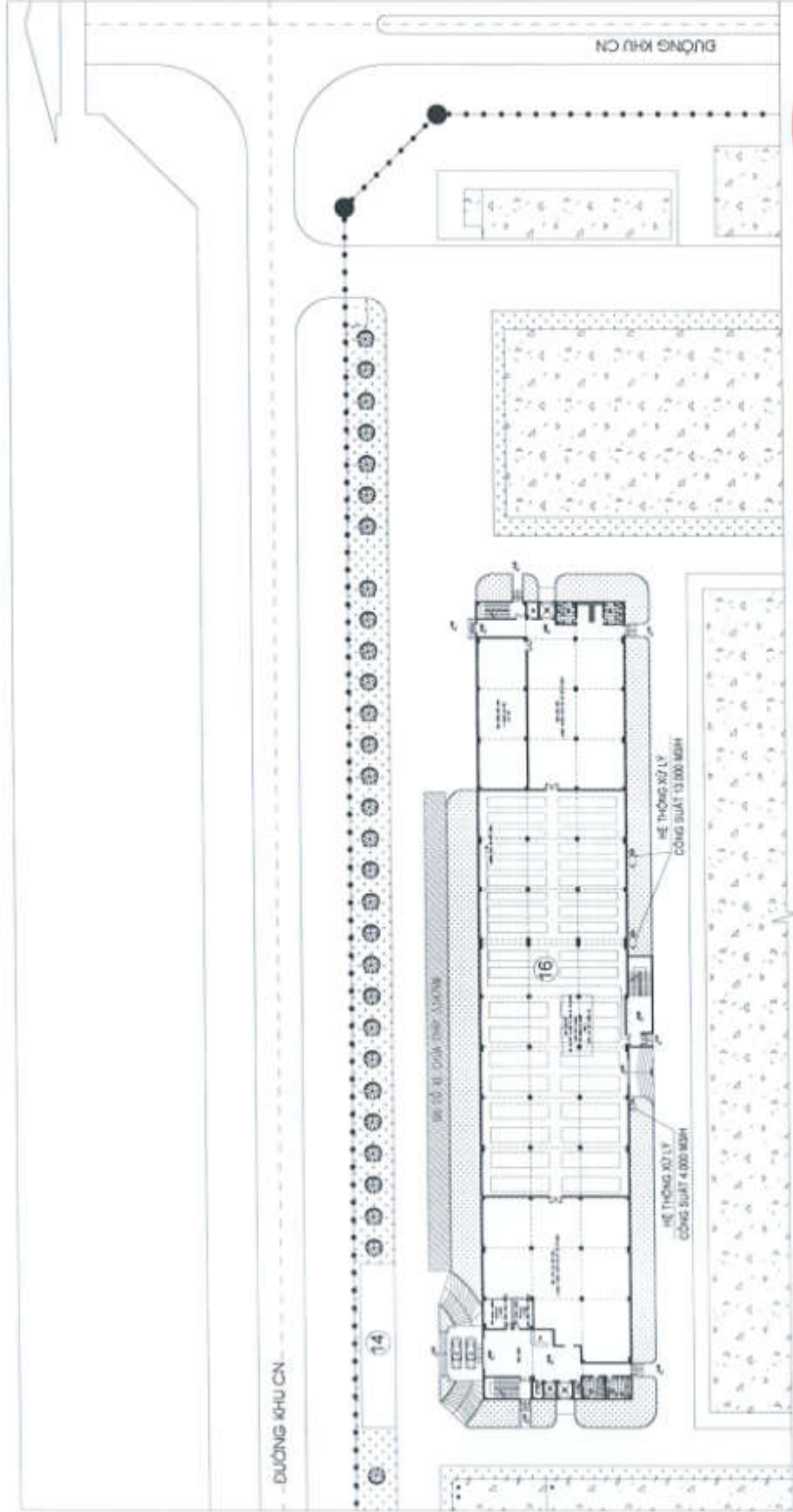
: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINITY & GEMMY VIỆT NAM

: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG AN PHÁT



HÀ NỘI - 2025

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH

[illegible]

giáo về thực tế

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA
VÀ TRÁI CỜ AMPLIFIER, LOA

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TỔNG CÔNG SUẤT 30.000 M³/M

ĐƠN VỊ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ
DUSTY & GEMMY VIỆT NAM

FROM VIOLIN TO VIOLA



**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG AN PHÁT**

2000

NGUYỄN THỊ HẰNG

Copyright © 2001 by John Wiley & Sons, Inc.

NGUYỄN QUÝ THẮNG

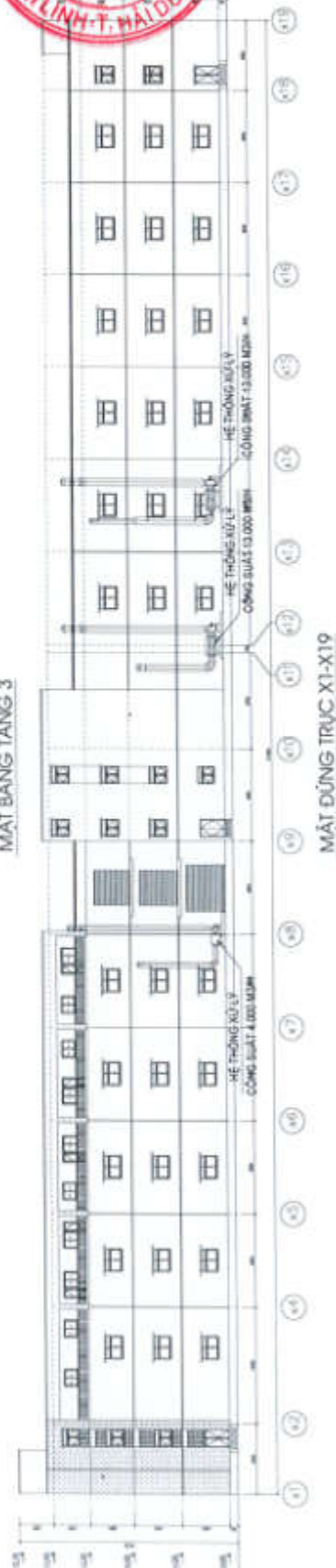
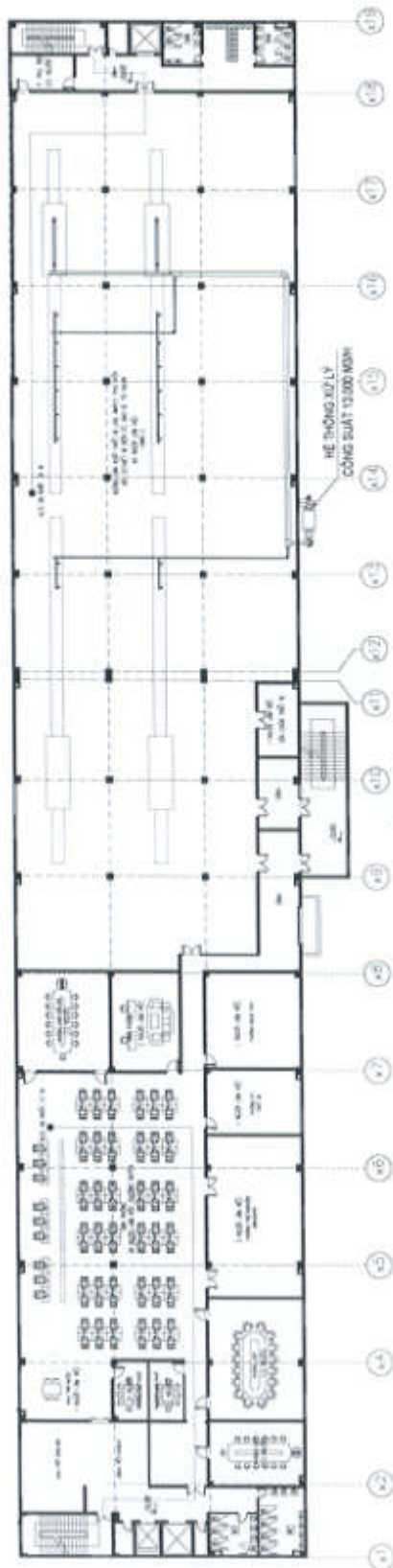
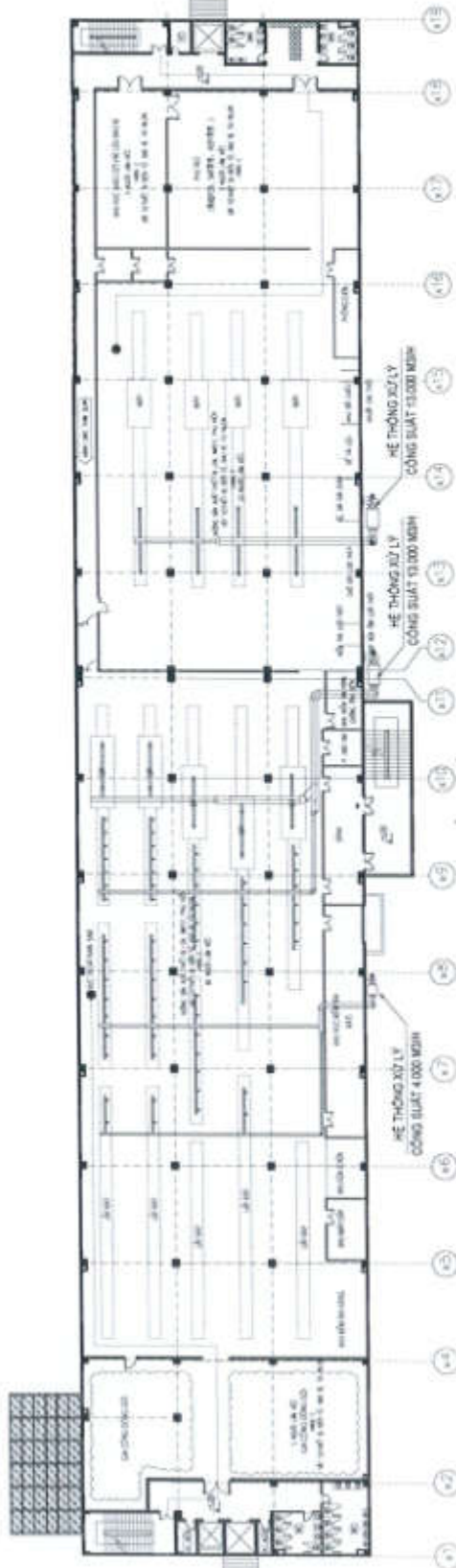
© 2011 Pearson Education, Inc. All rights reserved. This publication is protected by copyright. Any unauthorized distribution or reproduction of this work is illegal.

viên cương thủ hạ

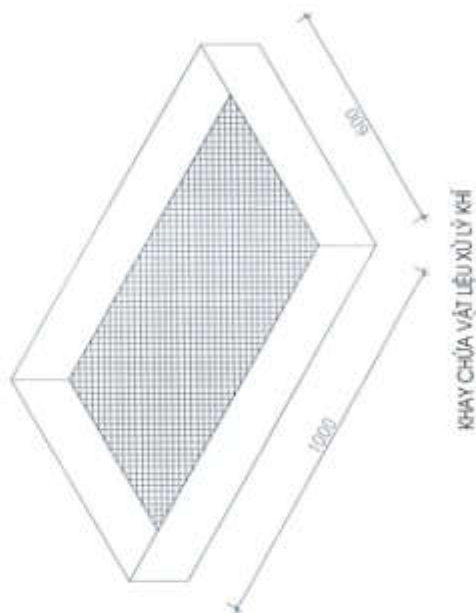
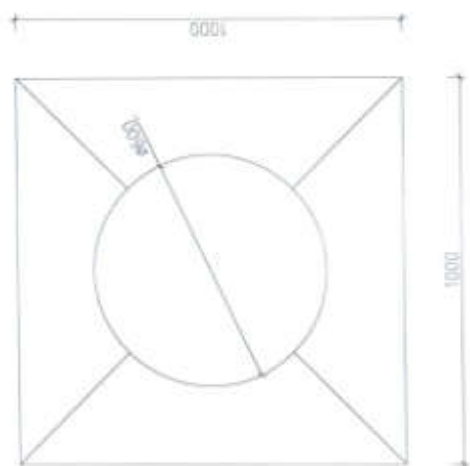
ĐƠN ĐĂNG KÝ QUẢN LÝ VÀNG VÀ ĐỒNG

sd edpsbawt

1065-CM-02



THÁP XỬ LÝ KHÍ THẢI, CÔNG SUẤT 13.000 M3/H



GIẤY CHỨNG NHẬN SỐ BẢN VỊ THIẾT KẾ	NHÀ DƯỠNG SẢN XUẤT D3 NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIẤY CÔNG AMPURIE, LÒA VIA LINH KEN AMPURIE, LÒA	HÀNG MỐC HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI TỔNG CÔNG SUẤT 30.000 M³/H	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN  CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINTY & GEMMY VIỆT NAM CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG AN PHÁT CHỖ ĐẶT: 1.1, ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHÂN LẬP KINH DOANH SỐ 10, CỘT NAM TH. 01/06/2017 P. GIÁM ĐỐC  NGUYỄN THỊ HẰNG	CHỦ TÌ ĐỀ ÁN  NGUYỄN QUÝT THẮNG	THIẾT KẾ 	GIẤY CHỨNG NHẬN SỐ M.S.D.N: 0001278080 CÔNG TY THHH CÔNG NGHỆ DAINTY & GEMMY VIỆT NAM CHỖ ĐẶT: 1.1, ĐƯỜNG SỐ 1, KHU PHÂN LẬP KINH DOANH SỐ 10, CỘT NAM TH. 01/06/2017 P. GIÁM ĐỐC  NGUYỄN THỊ HẰNG	CHỦ TÌ ĐỀ ÁN  NGUYỄN QUÝT THẮNG	THIẾT KẾ 
---	--	---	--	---	---	--	--	---

CÔNG AN TỈNH HẢI DƯƠNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: 106 /NT-PCCC
V/v nghiệm thu về PCCC

Hải Dương, ngày 26 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Công ty TNHH Công nghệ Dainty và Gemmy Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 302/TD-PCCC ngày 23/10/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Hải Dương;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 02/PCCC ngày 25/5/2021 của Công ty TNHH Công nghệ Dainty và Gemmy Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật là ông (bà): Lu, Kuei - Lin – Tổng Giám đốc;

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu ngày 21/7/2021 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của công trình Nhà máy sản xuất, gia công Amplifier, loa, linh kiện, loa với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: KCN Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, t. Hải Dương

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Công nghệ Dainty và Gemmy Việt Nam

Đơn vị thi công: Công ty TNHH Quang Hà.

Quy mô công trình gồm: Nhà văn phòng (nhà 1A): Nhà 02 tầng, diện tích 360m², bậc II chịu lửa; Nhà kho thành phẩm (nhà số 1B): Nhà 01 tầng, diện tích 2.289m², bậc II chịu lửa; Nhà xưởng số 1 (nhà số 2A): Nhà 01 tầng, diện tích 2.760m², bậc II chịu lửa; Nhà xưởng số 2 (nhà số 2B): Nhà 01 tầng, diện tích 1.200m², bậc II chịu lửa; Nhà ăn (nhà số 3): Nhà 01 tầng, diện tích 1.200m², bậc II chịu lửa; Nhà kho nguyên liệu (nhà số 4): Nhà 01 tầng, diện tích 2.160m², bậc II chịu lửa; Nhà nghỉ ca (nhà số 6): Nhà 02 tầng, diện tích 337m², bậc II chịu lửa.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Tổng mặt bằng, khoảng cách an toàn PCCC;
- Bậc chịu lửa của công trình; lối và đường thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống điện cấp cho PCCC;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
- Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước Sprinkler; sơn chống cháy;



- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; hệ thống hút khói;
- Các bình chữa cháy ban đầu; hệ thống chống sét.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng. / ĐC

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc CA tỉnh;
- Sở Xây dựng tỉnh;
- UBND thành phố Chí Linh;
- Công ty TNHH Công nghệ Dainty và Gemmy Việt Nam;
- Lưu PCCC&CNCH.



Thượng tá Hà Tiến Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

"V/v: Thỏa thuận đấu nối hạ tầng"

Căn cứ Quyết định số: 706/QĐ-UBND ngày 26/03/2015 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Cộng Hòa, thị xã Chí Linh;

Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất gắn với cơ sở hạ tầng số: 03/2019/HĐTĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 giữa Công ty CPPT đô thị và KCN cao su Việt Nam và Công ty Dainty & Gemmy Technology (Việt Nam) Co.

Căn cứ Quyết định Đánh giá tác động môi trường số 3583/QĐ-UBND tỉnh Hải Dương ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Công ty Dainty & Gemmy Technology (Việt Nam) Co được duyệt;

Căn cứ giấy phép xây dựng số 05/2020/KCN-GPXD ngày 13 tháng 01 năm 2020 của Công ty Dainty & Gemmy Technology (Việt Nam) Co được duyệt;

Hôm nay, vào hồi 08h30' ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại văn phòng Ban quản lý dự án số 1 - Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Cao su Việt Nam. Hai bên chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A - Công ty CPPT đô thị và KCN cao su Việt Nam (VRG)

Ông: Nguyễn Thế Phương

Chức vụ: Phó TGĐ Công ty

Ông: Trần Văn Thọ

Chức vụ: Phó GB Ban QLDA số 1

Ông: Nguyễn Tiến Hưng

Chức vụ: Cán bộ BQLDA số 1

II. ĐẠI DIỆN BÊN B - Công ty Dainty & Gemmy Technology (Việt Nam) Co.

Ông: LU, KUEI-LIN

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bà:

Chức vụ:

Căn cứ hồ sơ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghiệp. Các bên cùng thống nhất thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp với các nội dung cụ thể như sau:

III. ĐẤU NỐI HẠ TẦNG: (Có bản vẽ Hồ sơ thỏa thuận đấu nối hạ tầng kèm theo)





1. Vị trí đầu nối thoát nước mưa của nhà máy với hệ thống thoát nước mưa tập trung của KCN Cộng Hòa.

Điểm đầu nối 02 vị trí thoát nước mưa được thể hiện trong bản vẽ đầu nối tại vị trí có tọa độ như sau:

STT	Tên điểm đầu nối	Tọa độ		Cao độ đáy cống của KCN	Cao độ đáy cống của nhà máy	Kích thước cống BTCT của KCN	Kích thước cống BTCT tại điểm đầu nối của Nhà máy
		X	Y				
1	NM1	2337394.61	595410.87	+0.50	+0.65	D1500	D600
2	NM2	2337312.49	595640.52	+0.55	+0.87	D1500	D600

2. Vị trí đầu nối thoát nước thải của nhà máy với hệ thống thoát nước thải tập trung của KCN Cộng Hòa.

Điểm đầu nối 01 vị trí thoát nước thải được thể hiện trong bản vẽ đầu nối tại vị trí có tọa độ như sau:

STT	Tên điểm đầu nối	Tọa độ		Cao độ đáy cống của KCN	Cao độ đường ống của nhà máy	Kích thước cống BTCT của KCN	Kích thước ống HDPE đầu nối của Nhà máy
		X	Y				
1	NT1	2337243.35	595652.39	-0.14	+0.10	D300	D200

3. Vị trí đầu nối cấp nước sạch của nhà máy với hệ thống cấp nước sạch của KCN Cộng Hòa.

Điểm đầu nối 01 vị trí cấp nước sạch được thể hiện trong bản vẽ đầu nối tại vị trí có tọa độ như sau:

Tên điểm đầu nối	Tọa độ	
	X	Y
NS1	2337369.20	595630.82

Vị trí lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước được bố trí gần với công ra vào của nhà máy để thuận lợi cho bên A thực hiện công tác bảo trì và chốt chỉ số nước sử dụng.

- Các hạng mục đấu nối khi bắt đầu thi công thì bên B phải thông báo cho bên A biết để cùng kết hợp giám sát thi công. Hạng mục thoát nước mưa, thoát nước thải thì phải thi công tách biệt. Sau khi thi công hoàn thành các hạng mục phải được bên A kiểm tra nghiệm thu trước khi đắp đất.

- Tất cả các công tác xây dựng nằm ngoài phạm vi tường rào trước khi bên B thực hiện phải được bên A chấp thuận.

- Bên B phải thực hiện việc thi công xây dựng theo đúng Hồ sơ thoả thuận đấu nối được bên A chấp thuận.

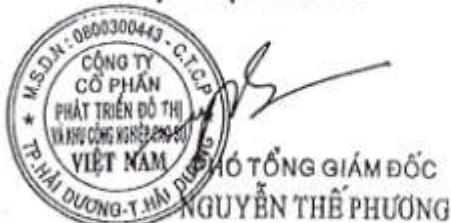
- Khi tiến hành thi công xây dựng các hạng mục đấu nối thì bên B phải thoả thuận ký quỹ với bên A một khoản tiền để đảm bảo không làm hư hỏng tài sản hạ tầng kỹ thuật của KCN Cộng Hoà.

V. KẾT LUẬN:

Hai bên thống nhất thực hiện đúng các nội dung trên. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc, hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết.

Biên bản được kết thúc vào hồi 10h30' cùng ngày. Biên bản được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, còn lại gửi các bên có liên quan (Ban quản lý các KCN; Sở xây dựng...)/.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 706 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM	
Số:	77
Ngày:	26/3/2015
Chuyển:	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng
Khu công nghiệp Cộng Hòa, thị xã Chí Linh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12-11-2013 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng V/v Hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và các quy định hiện hành khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo số 1413-TB/TU ngày 30/01/2015 của Tỉnh ủy Hải Dương Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng khu công nghiệp Cộng Hòa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng Hải Dương tại tờ trình số 22/TTr-SXD ngày 23 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Cộng Hòa, thị xã Chí Linh (Hồ sơ do Công ty TNHH dịch vụ tư vấn và đầu tư Nhân Hòa lập, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương và UBND thị xã Chí Linh thỏa thuận, Sở Xây dựng Hải Dương thẩm định trình phê duyệt) với các nội dung chính sau:

I. Tên gọi: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Cộng Hòa, thị xã Chí Linh.

- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam.

- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn và đầu tư Nhân Hòa.

- Hồ sơ gồm: 13 bản vẽ, thuyết minh quy hoạch và các văn bản kèm theo.



Bên B thông báo cho bên A về nhu cầu sử dụng, thời gian bắt đầu sử dụng và tiến hành ký hợp đồng sử dụng nước với bên A. Chi phí đầu nối và đồng hồ đo nước do bên B chịu.

Bên B phải xây dựng bể chứa dự trữ nước đảm bảo dung tích theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy và đảm bảo phục vụ sinh hoạt, sản xuất của nhà máy trong vòng 24h.

4. Đối với đầu nối giao thông.

Đầu nối 03 vị trí cống ra vào nhà máy tại vị trí như trong Hồ sơ thỏa thuận đầu nối hạ tầng.

Vị trí mở cống của nhà máy phải đảm bảo an toàn giao thông, vị trí có tầm nhìn thông thoáng từ các phía, đảm bảo mỹ quan chung của khu công nghiệp. Trước khi thi công xây dựng nhà máy, bên B phải tiến hành gia cố hệ thống hạ tầng bên dưới vỉa hè tại vị trí mở cống. Để tránh hư hỏng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm của Khu công nghiệp thì công tác đào đất chỉ được thực hiện bằng thủ công.

5. Đối với đầu nối điện.

Vị trí đầu nối cấp điện: Trạm điện được bên B xây dựng trong phạm vi nhà máy.

Bên B liên hệ trực tiếp với Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương xin chỉ tiêu điện và hướng dẫn các thủ tục liên quan đến việc lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật đầu nối cấp điện và xây dựng.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B:

- Trước khi thi công hệ thống mương/cống ngầm thoát nước mưa, nước thải của dự án, bên B phải cung cấp bản vẽ chi tiết đầu nối vào hệ thống thoát nước Khu công nghiệp (Thoát nước mưa, nước thải) và liên hệ với bên A để có thông tin về các đường ống hạ tầng kỹ thuật ngầm của khu công nghiệp để có biện pháp thi công an toàn. Mọi hư hỏng, thiệt hại (nếu có), bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường.

- Hệ thống thoát nước mưa, nước thải trong nhà máy của bên B phải được xây dựng đảm bảo tách riêng hoàn toàn và chịu sự kiểm soát của bên A trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động.

- Tại các vị trí đầu nối thoát nước từ các nhà xưởng vào hệ thống thoát nước mưa của nhà máy phải thông qua các hố thu hờ, không được đầu nối trực tiếp vào đường cống ngầm dưới đất.

- Tại các vị trí góc ngoặt, vị trí đầu nối các đường ống nước thải từ các hướng vào một điểm giao nhau phải bố trí hố ga, thể hiện hướng đi đường ống và các điểm đầu nối với nhau.

- Cao độ đỉnh các hố ga đầu nối bên ngoài tường rào cao hơn nền đất tự nhiên +20cm để ngăn nước bên ngoài tràn vào hố ga.





II. Nội dung quy hoạch điều chỉnh

1. Vị trí, quy mô, tính chất

a) Vị trí

Khu công nghiệp Cộng Hòa thuộc địa phận phường Cộng Hòa, thị xã Chí Linh; Vị trí có các phía tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp Quốc lộ 18 và Khu đô thị mới phía Đông thị xã Chí Linh;

+ Phía Nam giáp ruộng canh tác thôn Tiên Định, phường Cộng Hòa;

+ Phía Đông giáp suối chảy ra sông Đồng Mai;

+ Phía Tây giáp Khu dân cư thôn Tiên Định phường Cộng Hòa.

b) Ranh giới, quy mô nghiên cứu quy hoạch

Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch 201,43ha (giảm 155,6ha so với quy hoạch được duyệt 357,03ha) trong đó:

+ Phía Bắc: Điều chỉnh tách phần diện tích đất phía Tây Bắc chuyển mục đích sang đất Khu đô thị, giảm diện tích quy hoạch khu phía Bắc 23,83ha;

+ Phía Nam: Điều chỉnh ranh giới phía Nam Khu công nghiệp lấy theo ranh giới hiện trạng đất đã được bàn giao cho Khu công nghiệp, giảm diện tích quy hoạch khu phía Nam 131,77ha.

c) Tính chất của Khu công nghiệp

- Theo quy hoạch đã được duyệt: Khu công nghiệp công nghệ cao. Các ngành sản xuất lựa chọn vào Khu công nghiệp phải nằm trong danh mục loại hình công nghiệp sạch. Các xí nghiệp công nghiệp đầu tư sản xuất trong KCN phải có dây chuyền công nghệ tiên tiến, phải đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định (Bao gồm: các ngành có kỹ thuật và công nghệ cao; Công nghiệp điện tử, tin học, viễn thông, thiết bị điện; Công nghiệp lắp ráp ô tô, xe máy; Công nghiệp cơ khí, chế tạo máy nông nghiệp, công nghiệp; Công nghiệp sản xuất sử dụng thủy tinh cao cấp, cao su, nhựa, chất dẻo).

- Bổ sung thêm một số ngành nghề sau: Công nghiệp may, sản xuất bao bì, chế biến gỗ; Công nghiệp gốm, sứ mỹ nghệ, vật liệu xây dựng; Công nghiệp chế biến thực phẩm, nước giải khát, chế biến nông sản; Công nghiệp về hóa chất (dược phẩm, mỹ phẩm); Công nghiệp sản xuất vật liệu với công nghệ Nano.

2. Quy hoạch phân khu chức năng, cơ cấu sử dụng đất

- Khu trung tâm hành chính và cổng chào Khu công nghiệp: Quy hoạch phía Bắc Khu công nghiệp, giáp Quốc lộ 18.

- Khu dịch vụ đầu mối: Quy hoạch giáp khu trung tâm hành chính, các công trình dự kiến: Ngân hàng, thuế quan, hải quan, khu giải trí, thể thao và dịch vụ tổng hợp; Trung tâm đào tạo, trường dạy nghề...

- Đất xây dựng nhà máy gồm: 3 phân khu với các loại hình ngành nghề phù hợp tính chất Khu công nghiệp.

- Đất hạ tầng kỹ thuật gồm: Trạm điện, nhà máy cấp nước, trạm xử lý nước thải, khu tập kết rác...

- Đất cây xanh mặt nước: Quy hoạch các mảng cây xanh cách ly, cây xanh đệm giữa Khu công nghiệp với khu dân cư mới và dân cư hiện hữu. Thiết kế cây xanh cảnh quan khu vực công vào. Quy hoạch cây xanh mặt nước bao quanh ranh giới phía Đông, phía Nam và bao quanh khu vực mộ thôn Tiền Định thuộc lô B6-1.

*** Cơ cấu sử dụng đất quy hoạch sau điều chỉnh như sau:**

TT	Loại đất	QH đã phê duyệt		QH điều chỉnh	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà máy, kho tàng	245,47	68,75	145,54	72,33
2	Đất dịch vụ đầu mối	8,87	2,49	2,04	1,01
3	Đất khu trung tâm điều hành	7,15	2,00	2,06	1,02
4	Đất kỹ thuật	8,50	2,38	2,01	1,00
5	Đất giao thông	35,74	10,01	22,02	10,94
6	Đất cây xanh, mặt nước	51,30	14,37	27,56	13,70
	Tổng cộng	357,03	100	201,23	100

- Ngoài diện tích quy hoạch trên còn 0,1986ha đất nghĩa địa thôn Tiền Định, chưa giải phóng được mặt bằng. Sau khi nghĩa địa trên được di chuyển sẽ bổ sung vào đất Khu công nghiệp.

3. Quy hoạch hệ thống kỹ thuật hạ tầng

Điều chỉnh quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật sau khi điều chỉnh như sau:

a) San nền

Hướng thoát nước chính về phía Đông khu vực. Tại điểm đầu nối Quốc lộ 18 cao độ thiết kế tim đường +4,34m, tim đường nội bộ khu công nghiệp +3,10m. Cao độ san nền các lô đất từ 3,15m + 3,95m.

b) Giao thông

- Giao thông đối ngoại: Quy hoạch đường gom Quốc lộ 18 rộng 34m (8+7,5+3+7,5+8).

- Giao thông nội bộ: Trục chính rộng 32m (6+7,5+3+7,5+8); đường nội khu có các mặt cắt 31m (8+15+8); 25m (8+9+8); 22m (5+9+8); 23,5m (8+7,5+8); 23m (7,5+7+8).

c) Thoát nước

- Thoát nước mặt: nước mặt được thu vào hệ thống cống BTCT D600 + D1500 thoát về tuyến kênh mương hở (mặt kênh ≥ 15 m) trong khu công nghiệp và tuyến suối phía Đông ra sông Đồng Mai.



- Thoát nước thải: Nước thải từ các nhà máy (xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn loại B) được thu vào hệ thống ống BTCT DN300, DN400, DN600 thoát về trạm xử lý nước thải có công suất 3.500m³/ngđ, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn loại A trước khi thải ra mương. Quy hoạch 2 trạm bơm chuyển bậc công suất 20l/s và 35l/s.

d) Cấp nước

Xây dựng trạm xử lý cấp nước công suất 5.600m³/ngđ, nguồn nước ngầm lấy từ 10 giếng khoan trong khu vực quy hoạch. Quy hoạch mạng lưới đường ống cấp nước DN110 ÷ DN300 cấp nước đến các lô đất. Bố trí 44 trụ cứu hỏa trên đường ống cấp nước sinh hoạt.

e) Cấp điện

Xây dựng một trạm biến thế 110/35/22KV công suất 25MVA cấp điện cho lưới trung thế 22KV đến các lô đất. Dự kiến công suất các trạm biến áp cho các nhà máy, tổng nhu cầu dùng điện của Khu công nghiệp 21,4MVA (trừ lô B4 có trạm biến áp theo dự án riêng). Xây dựng 01 trạm phân phối cấp điện chiếu sáng và khu hạ tầng kỹ thuật công suất 320KVA.

Di chuyển đường điện: di chuyển tuyến đường 110kV đoạn qua Khu công nghiệp về sát ranh giới phía Đông và phía Nam Khu công nghiệp. Cải tạo nắn tuyến hai tuyến đường điện 35kV hiện có (chạy song song với Quốc lộ 18) phù hợp theo hệ thống giao thông của Khu công nghiệp.

f) Thông tin liên lạc

Tổng nhu cầu dung lượng thuê bao 1.498 thuê bao. Cấp thông tin được luôn trong ống bảo vệ đặt ngầm dưới vỉa hè.

** Nội dung điều chỉnh quy hoạch và các chỉ tiêu chi tiết tại Thuyết minh và bản vẽ Quy hoạch kèm theo.*

III. Nội dung liên quan

- Các Dự án thực hiện trên các lô đất trong Khu công nghiệp phải thực hiện lập hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đối với từng lô đất, trình duyệt làm cơ sở để quản lý và thực hiện.

- Sau khi Quy hoạch điều chỉnh được phê duyệt, Chủ đầu tư - Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam phải lập và trình duyệt điều chỉnh dự án đầu tư và các hồ sơ pháp lý liên quan phù hợp theo quy định.

Điều 2. Giao cho Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương, UBND thị xã Chí Linh và các đơn vị liên quan tổ chức công bố, cắm mốc giới quy hoạch đảm bảo đúng thời gian theo quy định; Tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công thương; Giám đốc Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương; Chủ tịch UBND thị xã Chí Linh, Chủ tịch UBND phường Cộng Hòa (thị xã Chí Linh); Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Anh Cường;
- Công ty TNHH dịch vụ tư vấn và đầu tư Nhân Hòa;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh Vũ Đức Chén;
- Lưu: VT, Minh (23b)/.



Nguyễn Mạnh Hiển



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STAMP: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 103
Ngày: 09/08/2006
Chuyển: ...

Một ngày 09 tháng 8 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án "Phát triển kết cấu hạ tầng
Khu công nghiệp Cộng Hòa - Chí Linh - Hải Dương"

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa Việt Nam;
Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 13/2006/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1281/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ủy quyền ký Văn bản cho Vụ trưởng Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Cộng Hòa - Chí Linh - Hải Dương", họp ngày 13 tháng 01 năm 2008 tại trụ sở cơ quan Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Cộng Hòa - Chí Linh - Hải Dương" đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản giải trình số 72/CV ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị Khu công nghiệp cao su Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường;

tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục chất thải nguy hại.

7. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường.

8. Thực hiện nghiêm túc những nội dung của Quy chế bảo vệ môi trường khu công nghiệp (được ban hành kèm theo Quyết định số 62/2002/QĐ-BKHCNMT ngày 09 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) không trái với quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

9. Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu của Quyết định này theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 03/2006/TT-BTNMT ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Trường hợp có những thay đổi về nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Ủy nhiệm Cục Bảo vệ môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường giám sát, kiểm tra và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Công ty CP Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam;
- Các Bộ: CT, KH&ĐT, XD;
- UBND tỉnh Hải Dương;
- Sở TN&MT tỉnh Hải Dương;
- TT. Nguyễn Công Thành (để b/c);
- Cục BVMT, Thanh tra Bộ;
- Văn phòng Tiếp nhận và trả kết quả;
- Lưu VT, HS, TD, C13.

TUQ. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ THẨM ĐỊNH VÀ
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG



Nguyễn Khắc Kinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3583/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 16 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công AMPLIFIER, Loa và linh kiện AMPLIFIER, Loa" tại KCN Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH công nghệ DAINTY & GEMMY Việt Nam.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công AMPLIFIER, Loa và linh kiện AMPLIFIER, Loa" tại KCN Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương của Công ty TNHH công nghệ DAINTY & GEMMY Việt Nam, họp ngày 15/8/2019 tại Phòng họp của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Hải Dương;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công AMPLIFIER, Loa và linh kiện AMPLIFIER, Loa" tại KCN Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh kèm theo Văn bản số 03/DG ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Công ty TNHH công nghệ DAINTY & GEMMY Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1771/TTr-STNMT ngày 14 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất, gia công AMPLIFIER, Loa và linh kiện AMPLIFIER, Loa" tại KCN Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (sau đây gọi là



Dự án) của Công ty TNHH công nghệ DAINITY & GEMMY Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Hoạt động sản xuất ổn định với quy mô sản xuất, gia công loa, linh kiện của loa 12.000.000 sản phẩm/năm; sản xuất Amplifier, linh kiện của Amplifier 600.000 sản phẩm/năm.

- Xây dựng toàn bộ nhà xưởng phục vụ sản xuất và các công trình phụ trợ trên diện tích 50.067,5 m².

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng các công trình phục vụ dự án phải đảm bảo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT, Quy chuẩn quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT, Quy chuẩn quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh QCVN 06:2009/BTNMT.

2.2. Trong giai đoạn vận hành Dự án phải thu gom toàn bộ nước thải phát sinh của dự án xử lý đạt giá trị thỏa thuận với Ban quản lý Khu công nghiệp Cộng Hòa và phải được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Cộng Hòa.

2.3. Trong giai đoạn vận hành toàn bộ Dự án phải xử lý khí thải đảm bảo QCVN 19:2009/BTNMT mức B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường xung quanh.

2.4. Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

2.5. Thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành Dự án phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

2.6. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án theo quy hoạch được duyệt để góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và làm đẹp cảnh quan.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Tuân thủ nghiêm những quy định về an toàn cháy nổ, an toàn lao động, xử lý sự cố môi trường và những quy phạm kỹ thuật khác có liên quan đến quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án.

3.2. Thực hiện lập sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Dự án với Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại



Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.3. Tổ chức quản lý và vận hành các công trình xử lý môi trường đảm bảo tất cả các loại chất thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đều được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về môi trường khi có thanh tra, kiểm tra về việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đối với hoạt động của toàn bộ Dự án.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm sau đây:

1. Đảm bảo đủ kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm như đã nêu trong báo cáo và thực hiện nghiêm những cam kết về bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo.

2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường. Tổ chức vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đồng thời với quá trình vận hành thử nghiệm dự án. Trường hợp gây ra sự cố môi trường thì phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nghiêm các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 của Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện những biện pháp và giải pháp công nghệ để giảm thiểu ô nhiễm và xử lý chất thải như đã nêu trong báo cáo được phê duyệt. Khi đưa dự án vào vận hành chính thức các công trình, biện pháp xử lý môi trường phải được đánh giá xác định về chất lượng và hiệu quả xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường tiếp nhận.

5. Thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường chất thải với tần suất 03 (ba) tháng một lần; chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt quan trắc phải báo cáo kết quả kiểm soát và công tác Bảo vệ môi trường về Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh và phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND thành phố Chí Linh để theo dõi.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1, Khoản 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Chí Linh, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cty TNHH công nghệ DAINITY & GEMMY Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (Để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- UBND thành phố Chí Linh;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Lưu: VT, Ô.Chính (8b) *l*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Cường

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 7-2-6-3-5. Ouyển số 4. SCT/BS
Ngày: 24-10-2019



CÔNG CHỨNG VIÊN

Hoàng Thùy Hiền

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 518 /STNMT-CCBVM

Hải Dương, ngày 21 tháng 3 năm 2022

V/v thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành
thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

Kính gửi: Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường đối với Dự án nhà máy sản xuất, gia công Amplifire, loa và linh kiện Amplifire, loa tại KCN Cộng Hòa, thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương; Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án như sau:

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải:

Công trình xử lý nước thải được vận hành thử nghiệm và đã hoạt động ổn định cụ thể:

- Hệ thống bể phốt xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt gồm 8 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích là 312m³.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 80 m³/ngày:

+ Sơ đồ công nghệ xử lý: Nước thải → bể gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → hệ thống thu nước thải của KCN.

+ Thông số kỹ thuật: bể gom 10,27 m³; bể điều hòa 47,07 m³; bể thiếu khí 34,92 m³, bể hiếu khí 134,56 m³, bể lắng 24,3 m³, bể khử trùng 8,1 m³, bể chứa bùn 17,17 m³.

+ Hóa chất sử dụng: hóa chất khử trùng là NaClO với định mức là 0,01ml/m³.

- Kết quả phân tích các mẫu nước thải trước khi xả vào hệ thống thu nước thải của khu công nghiệp Cộng Hòa do Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương thực hiện đạt mức B, QCVN 40:2011/BTNMT và đạt giá trị thỏa thuận với Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam (chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Cộng Hòa).

2. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Công trình xử lý bụi, khí thải được vận hành thử nghiệm và đã hoạt động ổn định bao gồm:



- Công trình thu hồi, xử lý bụi, khí thải toàn bộ nhà xưởng: 08 thiết bị thu hồi và xử lý khí thải (Các chuyển lắp ráp: 06 thiết bị; 02 thiết bị tại lò hàn).

+ Đường ống dẫn: ống kẽm D200, dài 312,6m

+ Quạt hút ly tâm: VCM -1D-3; P 1,1KW/chiếc; lưu lượng: 3.200m³/h/chiếc; số lượng: 08 chiếc.

+ 08 hệ thống lọc không khí: hình hộp kích thước 0,7mx0,7mx0,7m; bên trong bố trí 3 tấm lọc: 02 tấm lọc vải lọc bằng sợi tổng hợp; 01 lớp lọc than hoạt tính (loại tấm kích thước 0,7mx0,7mx0,046m). Tiêu chuẩn EN779-G4, hiệu suất lọc đạt 90 - 95%; Định kỳ từ 3 - 6 tháng toàn bộ tấm lọc sẽ được thay thế.

+ 08 ống thải ra ngoài môi trường: ống mạ kẽm D300, cao 11m.

- Hệ thống điều hòa không khí:

+ Nhà xưởng 2A: 04 chiếc; P 130KW/380v/50Hz; lưu lượng khí 420m³/s.

+ Nhà xưởng 2B: 02 chiếc; P 65KW/380v/50Hz.

- Kết quả đo đặc mẫu bụi, khí thải tại ống thải xưởng sản xuất nhà xưởng 2A do Công ty cổ phần công nghệ và phân tích chất lượng cao Hải Dương thực hiện đạt giá trị cho phép theo cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; cột B, QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

3. Đối với công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Công trình đã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường gồm: 01 kho chứa chất thải có diện tích 180m², mái lợp tôn, có biển báo, tường xây gạch trên quay tôn.

4. Đối với công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Công trình đã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường gồm: 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 40m², có biển cảnh báo CTNH, mái tôn che, tường gạch, nền cao, có cửa ra vào.

5. Đối với công trình quản lý chất thải khác:

Công trình thu gom lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt đã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: 10 thùng chứa loại 20 l tại các vị trí phát sinh chất thải sinh hoạt.

6. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Công trình đáp ứng yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường gồm:

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống hút khói và các bình chữa cháy...

- Hệ thống phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của hệ thống xử lý nước thải; hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Hệ thống chống sét.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD Sở (để B/C);
- BQL các KCN tỉnh;
- Lưu: VT, CCBVMT. *[Signature]*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Tiến Dũng



UBND TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1921 /STNMT-CCBVM
V/v thông báo kết quả kiểm tra các
công trình xử lý chất thải để
vận hành thử nghiệm

Hải Dương, ngày 11 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm đối với Dự án nhà máy sản xuất, gia công Amplifire, loa và linh kiện Amplifire, loa tại KCN Cộng Hòa, thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương của Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số 182/QĐ-STNMT, ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

1. Đối với hệ thống xử lý nước thải:

Các công trình xử lý nước thải đã xây dựng, lắp đặt theo yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, đã đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình được bàn giao, nghiệm thu theo quy định pháp luật về xây dựng và quy trình vận hành đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật bao gồm:

- Hệ thống bể phốt xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt gồm 8 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích là 312m³.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 80 m³/ngày:

+ Sơ đồ công nghệ xử lý: Nước thải → bể gom → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → hệ thống thu nước thải của khu công nghiệp.

+ Thông số kỹ thuật: bể gom 10,27 m³; bể điều hòa 47,07 m³; bể thiếu khí 34,92 m³, bể hiếu khí 134,56 m³, bể lắng 24,3 m³, bể khử trùng 8,1 m³, bể chứa bùn 17,17 m³.

+ Hóa chất sử dụng: hóa chất khử trùng là NaClO với định mức là 0,01ml/m³.

2. Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Các công trình xử lý bụi, khí thải đã hoàn thành theo yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM, đã đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình được bàn giao,



nghiệm thu theo quy định pháp luật về xây dựng và quy trình vận hành đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật bao gồm:

- Công trình thu hồi, xử lý bụi, khí thải toàn bộ nhà xưởng: Lắp đặt 08 thiết bị thu hồi và xử lý khí thải (Các chuyển lắp ráp: 06 thiết bị; 02 thiết bị tại lò hàn)

+ Đường ống dẫn: ống kẽm D200, dài 312,6m

+ Quạt hút ly tâm: VCM -1D-3; P 1,1KW/chiếc; lưu lượng: 3.200m³/h/chiếc; số lượng: 08 chiếc

+ 08 hệ thống lọc không khí: hình hộp kích thước 0,7mx0,7mx0,7m; bên trong bố trí 3 tầng lọc: 02 tầng lọc vải lọc bằng sợi tổng hợp; 01 lớp lọc than hoạt tính (loại tấm kích thước 0,7mx0,7mx0,046m). Tiêu chuẩn EN779-G4, hiệu suất lọc đạt 90 - 95%; Định kỳ từ 3 - 6 tháng toàn bộ tấm lọc sẽ được thay thế.

+ 08 Ống thải ra ngoài môi trường: ống mạ kẽm D300, cao 11m.

- Hệ thống điều hòa không khí:

+ Nhà xưởng 2A: 04 chiếc; P 130KW/380v/50Hz; lưu lượng khí 420m³/s.

+ Nhà xưởng 2B: 02 chiếc; P 65KW/380v/50Hz.

3. Đối với công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Công trình đã đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình được bàn giao, nghiệm thu theo quy định pháp luật về xây dựng gồm 01 kho chứa chất thải có diện tích 180m², mái lợp tôn, có biển báo, tường xây gạch trên quây tôn.

4. Đối với công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Công trình đã đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình được bàn giao, nghiệm thu theo quy định pháp luật về xây dựng gồm: kho chứa chất thải nguy hại diện tích 40m², có biển cảnh báo CTNH, mái tôn che, tường gạch, nền cao, có cửa ra vào.

5. Đối với công trình quản lý chất thải khác:

Công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt thông thường đã đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường: 10 thùng chứa loại 20 l tại các vị trí phát sinh chất thải sinh hoạt.

6. Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

Công trình đã đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình được bàn giao, nghiệm thu theo quy định pháp luật về xây dựng gồm:

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống hút khói và các bình chữa cháy...

- Hệ thống phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Hệ thống chống sét.

Căn cứ kết quả kiểm tra công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm Dự án như nêu trên cho thấy Dự án đã đủ điều kiện vận hành thử nghiệm.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo để Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Lưu: VT, CCBVMT.

GIÁM ĐỐC



Hoàng Văn Thực

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

Số: 1306/GPMT-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 19 tháng 5 năm 2022



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH công
nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam ngày 08 tháng 4 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
273/TTr-TNMT ngày 13 tháng 5 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam, địa chỉ tại Lô B2-2, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nhà máy sản xuất, gia công Amplifire, loa và linh kiện Amplifire, loa tại Lô B2-2, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án nhà máy sản xuất, gia công Amplifire, loa và linh kiện Amplifire, loa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô B2-2, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 3244233231 do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hải Dương chứng nhận lần đầu ngày 23/01/2019.

1.4. Mã số thuế: 0801278060.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, gia công linh kiện loa; sản xuất và gia công amplifier, linh kiện amplifier.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Sản xuất, gia công loa, linh kiện của loa: 12.000.000 sản phẩm/năm.
- Sản xuất, gia công Amplifire, linh kiện của Amplifire: 600.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban quản lý các KCN tỉnh;
- UBND thành phố Chí Linh;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Bản



Phụ lục 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1306 /GPMT-UBND
ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải của dự án được thu gom và xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu công nghiệp Cộng Hòa theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sau bể phốt 3 ngăn theo ống PVC D140, I = 0,25%, dài 691,8m tự chảy vào hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải tại khu nhà ăn chảy qua song chắn rác vào bể tách mỡ. Sau khi qua bể tách mỡ nước thải theo đường ống HDPE D200 cùng nước thải đi ra từ bể phốt vào hệ thống xử lý nước thải chung.

- Nước thải sau xử lý theo ống HDPE D200, dài 110m được dẫn vào hố ga đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp. Tọa độ điểm đầu nối: X (m) = 2337.244,13; Y(m) = 595.652,84.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- * Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

- + Sơ đồ công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → bể thiếu khí Anoxic → bể hiếu khí → bể lắng → bể khử trùng → đầu nối vào hệ thống của khu công nghiệp Cộng Hòa.

- + Tóm tắt quy trình: Nước thải sinh hoạt được dẫn về hố gom và sau đó được bơm lên bể điều hòa để ổn định lưu lượng và nồng độ. Tiếp đó, nước thải được bơm vào bể thiếu khí Anoxic để thực hiện quá trình phân hủy thiếu khí. Từ bể thiếu khí, nước tiếp tục chảy tràn sang bể hiếu khí để thực hiện quá trình phân hủy hiếu khí các chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học ở dạng hòa tan và dạng lơ lửng. Nước thải qua bể hiếu khí sẽ chảy vào bể lắng bùn, cặn và bùn sẽ lắng xuống đáy bể tạo thành bùn thải, còn nước trong sẽ chảy tràn lên phía trên qua ngăn thu nước đi vào bể khử trùng. Bùn lắng xuống đáy bể sẽ được bơm sang bể chứa bùn thải. Bể khử trùng có đặt các viên Clo. Nước thải chảy qua viên Clo nhằm tiêu diệt các mầm bệnh. Nước thải sau xử lý đạt mức cam kết với khu công nghiệp Cộng Hòa (mức B của QCVN40:2011/BTNMT).



- Công suất thiết kế hệ thống: $80\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Thông số kỹ thuật các bể: Bể gom: $10,27\text{ m}^3$ ($3,17\text{m} \times 1,2\text{m} \times 2,7\text{m}$); bể điều hòa: $47,07\text{ m}^3$ ($3,17\text{m} \times 5,5\text{m} \times 2,7\text{m}$); bể thiếu khí: $34,92\text{m}^3$ ($3,17\text{m} \times 4,08\text{m} \times 2,7\text{m}$); bể hiếu khí: $134,56\text{m}^3$ ($7,12\text{m} \times 7\text{m} \times 2,7\text{m}$); bể lắng: $24,3\text{m}^3$ ($3\text{m} \times 3\text{m} \times 2,7\text{m}$); bể khử trùng: $8,1\text{m}^3$ ($3\text{m} \times 1\text{m} \times 2,7\text{m}$); bể chứa bùn thải: $17,17\text{m}^3$ ($3\text{m} \times 2,12\text{m} \times 2,7\text{m}$).

- Hóa chất sử dụng: NaClO : $2\text{ ml}/\text{ngày}$.

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

+ Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: 01 Máy thổi khí công suất $Q=1,9\text{m}^3/\text{s}$, $H=3\text{m}$, 01 Bơm nước thải Công suất: $Q = 8\text{m}^3/\text{h}$... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

+ Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất;

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại nhà máy hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của hệ thống và tiến hành kiểm tra, sửa chữa.

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ tại bể chứa, sau khi hệ thống được sửa chữa hoàn tất nước thải sẽ được bơm trở lại quy trình xử lý.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty liên hệ làm việc với Chủ đầu tư khu công nghiệp Cộng Hòa đề xuất phương án đầu nối toàn bộ nước thải của phát sinh vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Sau khi hệ thống xử lý nước thải của nhà máy được sửa chữa, đảm bảo vận hành tốt, Công ty báo cáo để tiếp tục xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Đã vận hành thử nghiệm từ ngày 11/11/2021 đến ngày 26/3/2022.
- Gia hạn vận hành thử nghiệm: từ ngày 27/3/2022 đến ngày 27/6/2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu nước thải đầu vào hệ thống xử lý.
- 01 mẫu nước thải đầu ra tại vị trí điểm xả (trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Cộng Hoà).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT	QCVN 14:2008/ BTNMT
			Cột B	Cột B
1	pH	-	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
2	TSS	mg/L	100	100
3	TDS	mg/L	-	1.000
4	BOD ₅	mg/L	50	50
5	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	10	10
6	S ²⁻	mg/L	0,5	4,0
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	-	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	-	10
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	-	20
10	CHĐBM	mg/L	-	10
11	Coliform	MPN/100mL	5.000	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Giai đoạn gia hạn thời gian vận hành thử nghiệm: lấy mẫu 01 lần trong cả giai đoạn.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam (Chủ đầu tư khu công nghiệp Cộng Hoà) trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Cộng Hoà.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 08 nguồn phát sinh khí thải bao gồm:

- Nguồn 1: Khí thải từ chuyển lắp ráp 1 nhà xưởng 2A.
- Nguồn 2: Khí thải từ máy hàn 1 nhà xưởng 2A.
- Nguồn 3: Khí thải từ máy hàn lại nhà xưởng 2B.
- Nguồn 4: Khí thải từ chuyển lắp ráp 2 nhà xưởng 2A.
- Nguồn 5: Khí thải từ buồng bay hơi số 1 nhà xưởng 2A.
- Nguồn 6: Khí thải từ chuyển lắp ráp số 3 nhà xưởng 2A.
- Nguồn 7: Khí thải từ buồng bay hơi số 2 nhà xưởng 2A.
- Nguồn 8: Khí thải từ chuyển lắp ráp số 4 nhà xưởng 2A.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 08 dòng khí thải sau 08 hệ thống xử lý khí thải tương ứng với 08 nguồn phát sinh:

- Dòng 1: Khí thải từ chuyển lắp ráp 1 nhà xưởng 2A sau HTXL.
- Dòng 2: Khí thải sau xử lý tại máy hàn 1 nhà xưởng 2A sau HTXL.
- Dòng 3: Khí thải sau xử lý tại máy hàn lại nhà xưởng 2B sau HTXL.
- Dòng 4: Khí thải chuyển lắp ráp 2 nhà xưởng 2A sau HTXL.
- Dòng 5: Khí thải từ buồng bay hơi số 1 nhà xưởng 2A sau HTXL.
- Dòng 6: Khí thải từ chuyển lắp ráp số 3 nhà xưởng 2A sau HTXL.
- Dòng 7: Khí thải từ buồng bay hơi số 2 nhà xưởng 2A sau HTXL.
- Dòng 8: Khí thải từ chuyển lắp ráp số 4 nhà xưởng 2A sau HTXL.

2.1. Vị trí xả khí thải: Có 08 điểm xả thải tương ứng với 08 dòng thải. Toạ độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, vĩ tuyến 3°):

TT	X (m)	Y (m)
Điểm xả 1	2347894.243	624708.420
Điểm xả 2	2347914.708	624810.940
Điểm xả 3	2347831.116	624860.894
Điểm xả 4	2347809.835	624772.513

Điểm xả 5	2347805.345	624748.320
Điểm xả 6	2347798.603	624711.166
Điểm xả 7	2347780.282	624607.476
Điểm xả 8	2347777.971	624586.728

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Lưu lượng xả thải của mỗi dòng thải là 3.200 m³/h .
- Tổng lưu lượng xả khí tối đa của 8 nguồn thải: 25.600 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả thải liên tục 24h/24h.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN19:2009/BTNMT mức B với Kp = 1,0; Kv = 1,0 và QCVN20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN19:2009/BTNMT mức B với Kp = 1,0; Kv = 1,0	QCVN20:2009 /BTNMT	
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	Không thực hiện
2	Bụi	mg/Nm ³	200	-	
3	CO	mg/Nm ³	1.000	-	
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	
5	NO _x	mg/Nm ³	850	-	
6	Benzen	mg/Nm ³	-	5	
7	Toluen	mg/Nm ³	-	750	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Khí thải từ các khu vực phát sinh được thu gom vào các ống loa, thông qua ống mềm Φ100 vào đường ống chính là ống mạ kẽm D200, dài 312,6m dẫn về thiết bị lọc bụi và hấp phụ bằng than hoạt tính.

- Khí thải sau khi xử lý được thải ra ngoài theo 8 ống thải tương ứng với 8 thiết bị xử lý; ống mạ kẽm D300, cao 11m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Sơ đồ công nghệ: Khí thải → loa thu khí → đường ống dẫn → quạt hút → thiết bị lọc và xử lý → ống thải ra ngoài môi trường.

+ Tóm tắt quy trình: Quạt hút hút toàn bộ khí thải phát sinh tại các khu vực sản xuất vào các ống loa, thông qua ống mềm $\Phi 100$ vào đường ống chính là ống mạ kẽm D200, dài 312,6m. Khí thải từ đường ống chính được dẫn vào thiết bị lọc bụi và hấp phụ bằng than hoạt tính, khí sạch được thoát ra ngoài theo đường ống thải.

- Công suất thiết kế: $3.200\text{m}^3/\text{h}/\text{chiếc}$; số lượng: 08 chiếc.

- Thông số kỹ thuật: 08 hệ thống lọc khí hình hộp kích thước $0,7\text{m} \times 0,7\text{m} \times 0,7\text{m}$ được thiết kế bên trong bố trí 3 tầng lọc: 02 tầng lọc vải lọc bằng sợi tổng hợp; 01 lớp lọc than hoạt tính (loại tấm kích thước $0,7\text{m} \times 0,7\text{m} \times 0,046\text{m}$); Quạt hút: Quạt ly tâm VCM -1D-3, $P=1,1\text{KW}/\text{chiếc}$; lưu lượng: $3.200\text{m}^3/\text{h}/\text{chiếc}$; số lượng: 08 chiếc; Ống thải ra ngoài môi trường: ống mạ kẽm D300, cao 11m.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Tấm lọc vải: định mức sử dụng 5kg/năm.

+ Tấm lọc than hoạt tính: định mức sử dụng 560 kg/năm.

1.3. Biện pháp, phòng ngừa ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải:

- Biện pháp phòng tránh:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị quạt, thông gió.

+ Trang bị các thiết bị dự phòng, cụ thể như sau: Quạt hút: số lượng 02 chiếc, Quạt ly tâm VCM -1D-3, $P=1,1\text{KW}/\text{chiếc}$; lưu lượng: $3.200\text{m}^3/\text{h}/\text{chiếc}$. Vật tư thay thế cho thiết bị lọc không khí.

+ Giáo dục tuyên truyền, nâng cao nhận thức BVMT và tập huấn phòng chống ứng cứu sự cố rủi ro cho cán bộ, công nhân viên của Cơ sở.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.

+ Xác định chất lượng khí thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.

+ Giám công suất thiết bị sản xuất có hệ thống xử lý không khí bị trục trặc, khắc phục ngay các nguyên nhân gây ra trục trặc thiết bị.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Dừng hoạt động sản xuất tại khu vực bị hư hỏng thiết bị xử lý không khí cho đến khi thiết bị hoạt động bình thường.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Vận hành thử nghiệm lần 1 từ ngày 11/11/2021 đến ngày 26/3/2022: 03 hệ thống xử lý khí thải tại xưởng 2A (Hệ thống xử lý khí thải chuyển lắp ráp số 1 nhà xưởng 2A; Hệ thống xử lý khí thải tại máy hàn 1 nhà xưởng 2A; Hệ thống xử lý khí thải từ buồng bay hơi số 1 nhà xưởng 2A).

- Gia hạn vận hành thử nghiệm: từ ngày 27/3/2022 đến ngày 27/6/2022: 03 hệ thống xử lý khí thải tại xưởng 2A (Hệ thống xử lý khí thải chuyển lắp ráp số 1 nhà xưởng 2A; Hệ thống xử lý khí thải tại máy hàn 1 nhà xưởng 2A; Hệ thống xử lý khí thải từ buồng bay hơi số 1 nhà xưởng 2A).

- Tiếp tục vận hành thử nghiệm từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023 đối với 05 hệ thống thu gom và xử lý khí thải còn lại (04 hệ thống tại xưởng 2A, 01 hệ thống tại xưởng 2B).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 03 ống thải tại hệ thống xử lý tại nhà xưởng 2A (Ống thải từ hệ thống xử lý khí thải chuyển lắp ráp số 1 nhà xưởng 2A; Ống thải từ hệ thống xử lý khí thải tại máy hàn 1 nhà xưởng 2A; Ống thải từ hệ thống xử lý khí thải buồng bay hơi số 1 nhà xưởng 2A).

- 04 mẫu ống thải xưởng sản xuất nhà xưởng 2A (Ống thải từ hệ thống xử lý khí thải chuyển lắp ráp 2 nhà xưởng 2A; Ống thải từ hệ thống xử lý khí thải chuyển lắp ráp số 3 nhà xưởng 2A; Ống thải từ hệ thống xử lý khí thải buồng bay hơi số 2 nhà xưởng 2A; Ống thải từ hệ thống xử lý khí thải chuyển lắp ráp số 4 nhà xưởng 2A).

- 01 mẫu ống thải xưởng sản xuất nhà xưởng 2B (Ống thải sau hệ thống xử lý tại máy hàn lại nhà xưởng 2B).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	
			QCVN19:2009/BTNMT mức B với $K_p = 1,0$; $K_v = 1,0$	QCVN 20:2009/ BTNMT
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-
2	Bụi	mg/Nm ³	200	-
3	CO	mg/Nm ³	1.000	-
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	-
5	NO _x	mg/Nm ³	850	-
6	Benzen	mg/Nm ³	-	5
7	Toluen	mg/Nm ³	-	750

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Giai đoạn gia hạn vận hành với 3 ống thải: Lấy mẫu 01 lần trong quá trình gia hạn.
- Giai đoạn vận hành thử nghiệm 05 hệ thống xử lý khí thải còn lại: 3 ngày liên tiếp trong toàn bộ giai đoạn vận hành.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.



Phụ lục 3

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Từ hoạt động của dây chuyền sản xuất tại nhà xưởng số 2A, 2B bao gồm các nguồn phát sinh từ các khu vực sau: Máy hàn; chuyển lắp ráp.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tại nhà xưởng số 2A, tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN2.000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X_1 (m) = 2347854.699; Y_1 (m) = 624645.270.

- Tại nhà xưởng số 2B, tọa độ vị trí (theo hệ tọa độ VN2.000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X_2 (m) = 2347865.041; Y_2 (m) = 624872.750.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian tiếp xúc trung bình 8 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Dải tần số (Hz)	Gia tốc rung cho phép (m/s ²)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Rung đứng	Rung ngang		
1 (0,08-1,4)	1,10	0,39	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Các máy móc được thường xuyên bảo dưỡng, định kỳ 1 năm/lần.



- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực nhà máy để che nắng, giảm lượng bức xạ mặt trời, tiếng ồn, ngăn bụi phát tán ra bên ngoài nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND
ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Dầu mỡ thải, dầu nhiên liệu thải	Lỏng	17 02 03	100
2	Giẻ dính dầu, Tấm lọc bằng vải tổng hợp	Rắn	18 02 01	280
3	Bao bì nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	900
4	Bộ phận linh kiện thải	Rắn	16 01 13	500
5	Dung dịch nước tẩy rửa thải chứa các thành phần nguy hại	Lỏng	19 05 02	760
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	50
7	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	10
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	02 11 02	100
	Tổng			2.700

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Nhựa, nilon	11 02 04	127.000
2	Palet gỗ	11 02 02	
3	Bìa carton	18 01 05	
4	Sản phẩm lỗi không chứa bản mạch	19 02 07	
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	50
	Tổng khối lượng		127.050

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 110,76 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:



- Thiết bị lưu chứa: 5 thùng loại 50 lít/thùng, có khả năng lưu chứa khối lượng chất thải 30kg/thùng; bên ngoài có biển dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Diện tích 40m² (trong khu vực bố trí nhà rác tổng diện tích 220m², kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, nền bê tông, có cửa ra vào kiểm soát. Bên ngoài cửa được dán các biển hiệu cảnh báo chất thải nguy hại; bố trí thiết bị PCCC (2 bình bột MF24, 1 bình MT3, có vật liệu hấp thụ (1 xô cát khô) và 1 xẻng để sử dụng trong trường hợp, rò rỉ, rơi vãi chất thải nguy hại dạng lỏng).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Tại khu vực sản xuất có 15 thùng nhựa, dung tích 20 lít, có khả năng lưu chứa khối lượng chất thải 5kg/thùng. Chất thải được thu gom, tập kết về kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Diện tích 170m² (trong khu vực bố trí nhà rác tổng diện tích 220m²), kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, nền bê tông, có cửa ra vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 10 thùng chứa loại 20 lít/thùng, bố trí tại khu vực văn phòng, nhà xưởng, nhà vệ sinh.

- Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt: Diện tích 10m² (trong khu vực bố trí nhà rác tổng diện tích 220m²), kết cấu tường xây gạch, mái lợp tôn, nền bê tông, có cửa ra vào.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

1.1. Biện pháp phòng cháy:

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh lửa, nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn.

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc.

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải nắm vững các tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của các loại nguyên vật liệu, vật tư hóa chất có trong cơ sở.

- Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư, nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng

gây cháy, nổ.

- Bố trí các thiết bị, dây chuyền sản xuất và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài.

- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại nhà máy về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.

- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất.

- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác.

- Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ theo quy định.

- Thành lập đội PCCC trong Công ty.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót về công tác PCCC.

1.2. Biện pháp chữa cháy:

- Khi phát hiện có sự cố cháy nổ phải báo ngay cho toàn nhà máy biết bằng hệ thống đèn báo.

- Cắt điện tại khu vực cháy.

- Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại nhà máy.

- Thông báo cho cơ quan PCCC đến chữa cháy.

2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Hằng ngày yêu cầu đội vệ sinh thu gom rác thải từ các khu vực phát sinh để tập kết về thùng chứa đặt trong kho chứa rác thải.

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải.

- Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải.

- Các thùng chứa rác thải phải là loại có nắp đậy, có dung tích đủ để lưu chứa chất thải phát sinh.

- Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND
ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; thực hiện việc đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam (Chủ đầu tư KCN Cộng Hòa).
2. Thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
3. Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi khó chịu; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt.
4. Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

建築合約書

(Số HD 合約編號: 2606 / 2019 / TAIYU - WESTERN)

BÊN A : DAINTY & GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) CO; Ltd.

甲方 : 越南台郁 (越南) 电子有限公司

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TÂY

乙方 : WESTERN DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công trình : Xây dựng nhà máy DAINTY & GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) CO; Ltd.- Lô B2-2 khu Công Nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

工程名稱 : 越南台郁 (越南) 电子有限公司廠房建築工程 - 越南 海洋省 至靈市 共和坊 共和工業區 B2-2 地塊 .

Hà Nội, Ngày 26 Tháng 06 Năm 2019

河內 · 2019 年 06 月 26 日

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社會主義共和國

獨立-自由-幸福

----- 3.80 -----

Hà Nội, Ngày 26 Tháng 06 Năm 2019

河內 · 2019 年 06 月 26 日

HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

建築合約

V/v: XÂY DỰNG NHÀ MÁY DAINITY & GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) CO; Ltd. - Lô B2-2 khu Công Nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

關於：越南台郁(越南)電子有限公司 建築工程 - 越南 海洋省 至靈市 共和坊 共和工業區 B2-2 地塊。

Các căn cứ để ký kết hợp đồng:

簽約依據：

- Căn cứ Bộ luật dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

據越南社會主義共和國第 11 屆第 7 次開會於 2005 年 6 月 14 日通過的民事法律部。

- Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội khoá XI, kỳ họp thứ 4.

據國會於 2003-11-23 日 · 第 XI 屆第 4 會議結論之 16/2003/QH11 號建築法。

- Căn cứ luật xây dựng số 50/2014/QH13

50/2019/QH13 號建築法



- Căn cứ Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 về "Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

據政府於 2009/02/10 日，第 12/2009/ND-CP 文號議定書，關於工程建設投資案管理規定。

- Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

據政府於 2010/05/07 日第 48//2010/ND-CP 文號議定書，關於建築領域的合約。

- Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về Quản lý chất lượng công trình xây dựng.

據政府於 2013/02/06 日，第 15/2013/ND-CP 文號議定書，關於工程建設品質管理規定。

- Các Quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định hiện hành của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

越南社會主義共和國現行的各規定、標準、規準。

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

根據雙方需求及能力。

Chúng tôi gồm có:

簽約雙方為：

BÊN A : DAINTY & GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) CO; Ltd. (Chủ đầu tư)

甲方：：越南台郁(越南)電子有限公司 (業主)

Địa chỉ : Lô B2-2 khu Công Nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

地址：越南 海洋省 至靈市 共和坊 共和工業區 B2-2 地塊。

Điện thoại/
電話 : 13602621358

Fax:

MST/稅號 : 0801278060

Giấy chứng nhận ĐKĐT/投資登記證 : 3244234231

Số TK VND / 越幣賬號 : 3342356-002

Tại/在 : INDOVINABANK – HAI PHONG BRANCH
SWIFT CODE: IABBVNVX

Đại diện : Ông LU KUEI LIN

Chức vụ: TỔNG GIÁM ĐỐC

代表人 : 卢桂林

職務: 总经理

Dưới đây gọi tắt là " BÊN A " 以下簡稱為 "甲方"

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TÂY (Nhà thầu)

乙方 : WESTERN DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY (承包商)

Địa chỉ : số 1 ngõách 22 ngõ 575 đường Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội.

地址 : 河内市, 巴亭郡 · 金马路 575 县 1 号

Điện thoại/
電話 : 024. 66646892

Fax: 024. 66646892

MST/稅號 : 0105025516

Giấy phép ĐKKD / 營業執照 : 0105025516

Số TK 1 VND / 越幣賬號: : 0561156669999

Tại / 在 MB bank – Hoang Quoc Viet branch, Ha Noi.

Số TK 2 VND/ 越幣賬號: : 100000729951

Tại / 在 NCB – chi nhánh Hà Nội

Đại diện : Ông LÊ NGUYỄN HOÀNG

Chức vụ: TỔNG GIÁM ĐỐC

代表人 黎元黄先生

職務: 总经理

Dưới đây gọi tắt là " BÊN B " 以下簡稱為 "乙方"

Sau khi thỏa thuận hai bên cùng ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:



經雙方協議後 訂立此經濟合約書條款如下：

ĐIỀU 1. GIÁ TRỊ, NỘI DUNG CÔNG VIỆC, QUY ĐỊNH HỢP ĐỒNG

第壹條: 合約總額 · 工作內容 · 合約規定

I. Tổng giá trị hợp đồng / 合約總額 :

- Giá trị hợp đồng: 49,818,000,000 VND
- Chưa thuế: 49,818,000,000 VND
- Thuế VAT 10%: 4,981,800,000 VND
- Thuế GTGT 10%: 4,981,800,000 VND
- Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế: 54,799,800,000 VND
- Tổng giá trị hợp đồng: 54,799,800,000 VND

(Bằng chữ: Năm mươi tư tỷ, bảy trăm chín mươi chín triệu, tám trăm nghìn Việt Nam đồng)

(大寫: 伍佰肆拾柒億玖千玖佰捌拾萬圓整)

II. Nội dung công việc/工作內容 :

- Bên A đồng ý giao cho Bên B: Xây dựng nhà máy DAINITY & GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) CO; Ltd.- Lô B2-2 khu Công Nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Nội dung công trình và đơn giá căn cứ theo bảng Khối lượng dự thầu đã được đóng dấu ký tên bởi hai bên.

甲方同意交給乙方: 越南合都(越南)電子有限公司 廠房建築工程 - 越南 海洋省 至靈市共和坊 共和工業區 B2-2 地塊 · 工程內容以經雙方用印簽名的工程報價單內容為準 ·

- Trừ khi có thỏa thuận khác ngoài Hợp đồng này, giá trị Hợp đồng bao gồm tất cả các vật tư, máy móc thi công, kim khí, công nhân ... để thi công công trình này hoàn thành đúng theo bản vẽ thiết kế, đều do Bên B chịu trách nhiệm. Bên B bảo đảm tất cả các vật liệu sử dụng trong công trình này là hàng mới, chưa qua sử dụng, hợp pháp, có đủ tiêu chuẩn và có giấy chứng nhận xuất xưởng, phù hợp với chất lượng và tiêu chuẩn của Bên A yêu cầu (Nếu không có thỏa thuận đặc biệt nào khác, thì theo tiêu chuẩn chung của ngành).

除本合約另有約定 · 本合約價格包含依照設計圖完成本工程的所有材料、機械機具、五金、人工等 · 都由乙方負責 · 乙方保證工程中所使用的材料 · 為全新、未使用、合法、具有合格及出廠證明 · 且符合甲方要求的標準及品質 (若未特別約定 · 則為業界一般平均標準) ·

Hợp đồng này không bao gồm thi công gói hệ thống điện, hệ thống PCCC. Bên B thi công thực hiện đúng theo vị trí xây dựng công trình thể hiện trên bản vẽ thiết kế, để tạo thuận lợi cho các giai đoạn tiếp theo của Bên A, thời gian thi công do hai

bên thoả thuận. Hợp đồng không bao gồm hệ thống điện, hệ thống phòng cháy chữa cháy. Nhưng bên B sẽ thi công theo thiết kế dự kiến trên bản vẽ để lại trong hồ sơ kỹ thuật, để bên A có thể tiếp tục thi công các hạng mục khác. Thời gian thi công do hai bên thỏa thuận.

- Bên B đã tiến hành khảo sát thực địa khu vực cần thi công và xung quanh, dựa trên hiểu biết chuyên môn, theo yêu cầu của Bên A cung cấp Bản vẽ thiết kế, cung cấp Báo giá thi công. Nếu trong quá trình thi công phát hiện trên bản vẽ thiết kế có chỗ không hợp lý hoặc khó khăn trong việc thi công, có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên A, đồng thời đề xuất phương án để giải quyết, bao gồm cả phương án sửa lại thiết kế, sau khi thông qua Bên A đồng ý bằng văn bản, thì Bên B theo yêu cầu mới, thiết kế mới tiến hành cân đối điều chỉnh, nhưng không được thu thêm chi phí và không ảnh hưởng đến tiến độ bàn giao công trình.

Bên B đã tiến hành khảo sát thực địa khu vực cần thi công và xung quanh, dựa trên hiểu biết chuyên môn, theo yêu cầu của Bên A cung cấp Bản vẽ thiết kế, cung cấp Báo giá thi công. Nếu trong quá trình thi công phát hiện trên bản vẽ thiết kế có chỗ không hợp lý hoặc khó khăn trong việc thi công, có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên A, đồng thời đề xuất phương án để giải quyết, bao gồm cả phương án sửa lại thiết kế, sau khi thông qua Bên A đồng ý bằng văn bản, thì Bên B theo yêu cầu mới, thiết kế mới tiến hành cân đối điều chỉnh, nhưng không được thu thêm chi phí và không ảnh hưởng đến tiến độ bàn giao công trình.

Bên B đã tiến hành khảo sát thực địa khu vực cần thi công và xung quanh, dựa trên hiểu biết chuyên môn, theo yêu cầu của Bên A cung cấp Bản vẽ thiết kế, cung cấp Báo giá thi công. Nếu trong quá trình thi công phát hiện trên bản vẽ thiết kế có chỗ không hợp lý hoặc khó khăn trong việc thi công, có nghĩa vụ thông báo ngay cho Bên A, đồng thời đề xuất phương án để giải quyết, bao gồm cả phương án sửa lại thiết kế, sau khi thông qua Bên A đồng ý bằng văn bản, thì Bên B theo yêu cầu mới, thiết kế mới tiến hành cân đối điều chỉnh, nhưng không được thu thêm chi phí và không ảnh hưởng đến tiến độ bàn giao công trình.

III. Quy định hợp đồng / Hợp đồng quy định:

1. Giá của hợp đồng này đã bao gồm tất cả các công việc cần thiết dưới đây để hoàn thành công trình:

Hợp đồng này đã bao gồm tất cả các công việc cần thiết dưới đây để hoàn thành công trình:

- A. Về công trình nhà tạm để phục vụ cho thi công công trình này, Bên B dựng lán trại trong khu vực chủ đầu tư cấp, Bên B bắt buộc phải chấp hành các quy định do chủ đầu tư đề ra.

Do công trình này cần có lán trại để phục vụ cho thi công, Bên B dựng lán trại trong khu vực chủ đầu tư cấp, Bên B bắt buộc phải chấp hành các quy định do chủ đầu tư đề ra.

- B. Bên B cung cấp nguồn điện tạm thời sử dụng thi công.

Bên B cung cấp nguồn điện tạm thời sử dụng thi công.

2. - Trong thời gian thi công, Bên B cử người đại diện phù hợp phụ trách tại công trình (đính kèm hồ sơ lý lịch), đại diện Bên B ở tại công trình, giám sát thi công, quản lý công nhân, thiết bị, vật liệu và phụ trách tất cả các công việc mà Bên B cần xử lý. Nếu Bên A thấy người phụ trách công trình của Bên B không đủ năng lực, yêu cầu Bên B thay người, Bên B không được từ chối. Ngoài ra, Bên B phải cử ít nhất một người kỹ sư thành thạo tiếng Trung hoặc phiên dịch thường trú tại hiện trường.



trường, để thuận tiện trong việc liên hệ với giám sát hiện trường của Bên A.

合約施工期間，乙方應指派適當之代表人為工地負責人（身分資料如附件），代表乙方駐在工地，督導施工，管理其員工及器材，並負責一切乙方應辦理事項。甲方如認為乙方工地負責人不稱職時，得要求乙方更換，乙方不得拒絕。此外，乙方需派一名以上熟諳中文之現場工程師或翻譯長駐現場，以便與甲方現場人員溝通。

- Bên B theo tiến độ thi công đã dự định, tuyển dụng nhân sự có đủ kỹ năng phù hợp và tất cả các vật liệu, máy móc, thiết bị... chuyển đến công trình, để ngăn nắp gọn gàng, theo tiến độ hoàn thành các hạng mục quy định trong hợp đồng. Trong thời gian thi công, tất cả các việc như quản lý, phí điện, nước, cấp dưỡng, phúc lợi, vệ sinh, an toàn... của công nhân viên Bên B, và bảo vệ, bảo quản tất cả máy móc, thiết bị, vật liệu thi công đều do Bên B chịu trách nhiệm.

乙方應按預定施工進度，僱用足夠且具備適當技能的員工，並將所需材料、機具、設備等運至工地，妥善存放，如期完成合約約定之各項工作。施工期間，所有乙方員工之管理、水電費、給養、福利、衛生與安全等，及所有施工機具、設備及材料之維護與保管，均由乙方負責。

3. Công nhân Bên B và nhân viên phân công hỗ trợ Bên B đều phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định của chính quyền sở tại và Chủ đầu tư, tiếp nhận chỉ dẫn liên quan đến công việc của Bên A. Nếu người nào không thực hiện theo sự chỉ dẫn, ngăn cản hoặc làm ảnh hưởng đến triển khai công việc, hoặc có những việc làm trái quy định, không phù hợp lý lẽ thì Bên A buộc phải yêu cầu Bên B thay thế ngay người đó bất kỳ lúc nào và Bên B không được từ chối. Nếu công nhân viên có tranh chấp hoặc có hành vi vi phạm pháp luật, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm, nếu xảy ra thương vong hoặc các sự việc ngoài mong muốn, đều do Bên B tự xử lý, không liên quan đến Bên A.

乙方員工及協助乙方分工之人員均應遵守有關法令規定，包括施工地點當地政府的規定及業主訂定之規章，並接受甲方對有關工作事項之指示。如有不照指示辦理，阻礙或影響工作進行，或其他非法、不當情事者，甲方得隨時要求乙方更換員工，乙方不得拒絕。該等員工或人員如有任何糾紛或違法行為，概由乙方連帶負完全責任，如遇有傷亡或意外情事，亦應由乙方自行處理，與甲方無關。

4. Dự án này tính theo giá trị thực tế, giá đã bao gồm thuế VAT, Bên B cần phải tuân thủ theo phạm vi thi công quy định trong Hợp đồng này để hoàn thành công trình, phạm vi thi công như bản vẽ đính kèm Hợp đồng, nếu có sự thay đổi trong phạm vi thi công, thì thời gian và đơn giá thi công phạm vi thay đổi đó sẽ do hai Bên A và Bên B thương lượng.

本項工程為實作實算，價格含增值稅 VAT，乙方必須依照完成合約規定的施工範圍，施工範圍詳合約圖，若有變更施工範圍，變更範圍的施工價格及工期由甲、乙方雙方協商。

5. Thời gian bảo hành: Bên B bảo hành một (01) năm, tính từ ngày hoàn công toàn bộ công trình này và nghiệm thu đạt yêu cầu bằng văn bản có sự xác nhận của Bên A. Phạm vi bảo hành là những hạng mục Bên B thi công và cung cấp vật liệu, nhưng những thiệt hại do sự cố bất khả kháng nêu trong Điều 5 của hợp đồng này gây nên thì không thuộc phạm vi bảo hành của Hợp đồng.

保固期：本工程自全部完工經甲方書面驗收合格日之日起，由乙方保固 1 (壹) 年，保固範圍為乙方在施工項目及提供材料範圍，但是合約第五條不可抗力事件造成的損傷不在合約保固範圍內。

6. Thỏa thuận về chất lượng dự án và tiêu chí chấp nhận: Nên quy định tiêu chuẩn chất lượng xây dựng được quốc tế chấp nhận làm tiêu chuẩn để chấp nhận trong tương lai.

工程质量和验收标准的约定：建议在此约定一个国际通用的建筑物质量标准，作为日后验收的标准。

7. Nếu có vấn đề về chất lượng trong tòa nhà do Bên B xây dựng, Bên A có quyền yêu cầu làm lại, sửa chữa hoặc ủy thác cho bên thứ ba sửa chữa và các chi phí phát sinh sẽ do Bên B chịu.

如果因为乙方承建的建筑存在质量问题的，甲方有权要求返工、维修或者委托第三方维修，所发生的费用由乙方承担。

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

第貳條：實行合約時間

- Thời gian hoàn thành công trình: chậm nhất đến ngày 31 tháng 03 năm 2020 bàn giao (Các nhà sản xuất 1A, 2A, 2B, 03, 04 và nhà phụ trợ 11, 12 bàn giao chậm nhất đến ngày 31 tháng 03 năm 2020). Nếu quá thời gian quy định bên B không bàn giao được hạng mục công trình sẽ bị phạt 0.4% của tổng giá trị hợp đồng/l ngày.
- 最晚期限 2020 年 3 月 31 日完工 (厂房 1A, 2A, 2B, 03, 04 及辅助工程 11, 12 最晚到 2020 年 3 月 31 日完工) · 超过甲方规定的时间，乙方不能完成交接项目给甲方，将每日按照合同价值之 0.4% 罚款。
- Phối hợp với Bên A để kịp tiến độ thi công, nếu phải làm tăng ca buổi tối cũng phải toàn lực phối hợp, không vì đó mà yêu cầu tăng thêm chi phí.



配合甲方施工進度需求施作。如需夜間施作也要全力配合，並不因此要求追加費用。

- Tiến độ có thể bị ảnh hưởng kéo dài trong các trường hợp sau:
下列情況之下可影響延後完工期限：

+ Phát sinh giá trị Hợp đồng.

本合約總額變更。

+ Thay đổi thiết kế do Bên A yêu cầu.

甲方要求更改設計圖。

Bên B sẽ cung cấp tiến độ xây dựng dự án hoặc tiến độ dự án, cho biết các nút dự án cần hoàn thành ở mỗi giai đoạn. Nếu Bên B trì hoãn việc hoàn thành nút dự án trong hơn 30 ngày ở bất kỳ giai đoạn nào, Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng này và chỉ định bên thứ ba tiếp tục xây dựng.

乙方应当提供一份工程建设时间表或者工程进度表，列明每个阶段应当完成的工程节点，如果乙方任一阶段延误完成工程节点超过 30 天的，甲方有权解除本协议，另外委托第三方继续建设。

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

第叁條：結算方式

1. Khoản tạm ứng: Sau khi hai bên ký hợp đồng xong, Bên A tạm ứng cho Bên B: 30% tổng giá trị hợp đồng.

預付款：雙方合同簽訂之後，甲方付給乙方合約總額為：30%。

2. Tạm ứng lần 2: Bên A tạm ứng cho Bên B: 20% tổng giá trị hợp đồng trước VAT. Để bên B triển khai các công tác đặt hàng sản xuất kết cấu thép tại xưởng sản xuất và các công tác liên quan khác cho việc chuẩn bị mặt bằng thi công.

第二次預付款：甲方預付款給乙方合約總額為：20% (不含稅)，乙方進行預訂鋼結構在生產加工廠商以及進行其它工作有關準備平面施工。

Tạm ứng lần 3: Bên A tạm ứng cho Bên B: 20% tổng giá trị hợp đồng trước VAT. Bên B tiến hành các công tác tập kết máy móc và thiết bị vật tư cho việc chuẩn bị thi công công trình.

第三次預付款：甲方預付款給乙方合約總額為：20% (不含稅) 乙方進行集合機械及材料物資設備準備工作施工項目。

Tạm ứng lần 4: Bên A tạm ứng 10% giá trị hợp đồng trước VAT cho bên B, sau khi nhận được tạm ứng lần 4 bên B sẽ đồng loạt tiến hành triển khai thi công các hạng mục công trình.

第四次預付款：甲方預付款給乙方合約總額為 10% (不含稅)。收到第四次預付款乙方同時進行施工全部工程項目。

Đồng tiền thanh toán 付款貨幣:

- Đồng tiền áp dụng để thanh toán: Tiền Việt Nam đồng.

付款貨幣為: 越南盾

- Thời gian thanh toán: thanh toán trong 05 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ của Bên B.

付款期限: 甲方收到乙方的計價文件在 05 天之內付款。

ĐIỀU 4: KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

第肆條: 投訴與爭議解決

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp Hợp đồng, hai bên sẽ cùng nhau thương thảo trên lập trường bình đẳng.

在合約履約中, 若發生合約爭議時, 雙方必以平等的立場協商。

- Hai bên đồng ý dựa trên tinh thần thương lượng giải quyết các tranh chấp xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu thương lượng không thành, hai bên đồng ý căn cứ vào các luật có liên quan của Nhà nước Việt Nam và giao cho Trung tâm trọng tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) tiến hành theo quy định liên quan, quy tắc trọng tài và thủ tục tố tụng, trọng tài tiến hành tại TP. Hà Nội, thủ tục tố tụng trọng tài xét xử theo tiếng Anh. Quyết định trọng tài nói ra là quyết định bắt buộc cuối cùng.

甲乙雙方同意由本合約所生的爭議, 應協商解決, 如協商不成, 雙方同意準據法為越南社會主義共和國相關之法律, 並提交越南國際仲裁中心(VIAC)在河內市進行仲裁, 仲裁程序以該中心的仲裁規則及相關規定進行, 仲裁程序以英語進行, 前述仲裁決定有最終之拘束力。

ĐIỀU 5: BẤT KHẢ KHÁNG

第伍條: 不可抗力

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: Thiên tai, động đất, bão gió, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất; hỏa hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... Do công nhân của Bên B đình công hoặc phá hoại, hoặc do vô tình, hoặc cố ý, hoặc người lạ dẫn đến thiệt hại, biến động giá cả vật liệu, hoặc giá nhân công tăng cao,... thì không được xem là điều kiện bất khả kháng.



và các thẩm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

不可抗力事件是帶有客觀性及雙方無法控制事件如:天災、地震、水災、雷擊引起的火災、戰爭等。乙方人員採取罷工或怠工的,或任一方或其人員因故意或過失所導致的災害、物料價格或人工成本劇烈變動等,皆不屬於不可抗力。

- Khi phát sinh sự việc bất khả kháng dẫn đến một trong hai bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình, thì không thể xem là thông tin xác thực bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đó phải có nhiệm vụ như sau:

由於發生不可抗力事件導致任何一方無法完成任務時,則不能列為另一方終止合約之憑據。惟受不可抗力事件影響著有義務執行下列內容:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

進行各預防設施及更換方案以能降低不可抗力造成的影響、損失。

- Thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết trong vòng 7 ngày kể từ ngày phát sinh sự việc bất khả kháng đó.

在發生不可抗力事件7天內以書面通知另一方知會。

- Trong trường hợp xảy ra sự việc bất khả kháng, thì được gia hạn Hợp đồng, và được sự đồng ý của hai Bên A, B thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài đến khi sự việc bất khả kháng được khắc phục xong, nhưng một trong hai bên tự ý kéo dài thời hạn quá một tháng, thì bên kia có quyền bằng văn bản đơn phương chấm dứt hợp đồng này và cũng không bị xem là vi phạm trách nhiệm Hợp đồng.

在發生不可抗力事件情況下,履約期間將展延,除非甲乙雙方同意可以延長時間為不可抗力事件發生後至克服該事件為止,但是任一方得於延展1個月後,單方書面終止本合約,並對於他方不用負擔違約責任。

ĐIỀU 6: TẠM DỪNG, HUỖ BỎ HỢP ĐỒNG

第陸條: 合約暫停、終止

Tạm dừng thực hiện Hợp đồng 合約暫停:

- Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng 下列情況下可暫停合約:
 - ◆ Các trường hợp sự việc bất khả kháng.

不可抗力事件者狀況之下。

- ◆ Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận bằng văn bản.

雙方書面協商者狀況之下。

- Do lỗi của một bên gây ra, bên còn lại có quyền tạm dừng Hợp đồng, tuy nhiên phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết và bằng văn bản cùng bản bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng Hợp đồng không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

因一方造成的錯誤，另一方有權利暫停本合約，惟要書面通知對方並一致書面協商解決並能繼續執行合約；若暫停方不通知造成的損失則要給予另一方賠償。

- Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận, khắc phục.

合約暫停期限及賠償損失額度由雙方協商、克服。

Hủy bỏ hợp đồng 終止合約:

- Nếu một trong hai bên vi phạm Hợp đồng, bên kia có quyền tìm cách khắc phục, từ chối bồi thường hoặc sau khi bồi thường vẫn không thể đáp ứng được yêu cầu của Hợp đồng, trong quá trình thương thảo nội dung hoặc pháp luật quy định tạm dừng Hợp đồng. Bên vi phạm Hợp đồng phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

- 若任一方違反合約，另一方有權利隨時要求進行補救，拒絕補救或補救後仍無法達到合約要求的，在雙方協商內容中或法律規定終止本合約，違反合約者必須負責賠償損失。

- Nếu một trong hai bên vi những lý do không chính đáng, dẫn đến một giai đoạn nào của dự án bị chậm quá hai (02) tháng.

任一方因可歸責於己的事由，造成工程任一階段延後完成2個月以上。

- Nếu một trong hai bên bị phá sản, thanh lý, chuyển nhượng tài sản, nợ xấu dẫn đến chủ nợ xiết nợ mà không có khả năng thực hiện Hợp đồng.

任一方進行破產、清算、重大資產移轉、債信不良遭債權人請求而有履約不能的風險時。

- Bên hủy hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết về việc tạm dừng; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường vi phạm hợp đồng.



終止合約者必即時書面通知另一方關於終止事宜；若無通知造成另一方的損失則需按違約賠償。

- Hai bên đồng ý thông báo của Hợp đồng này, cần thông báo theo địa chỉ dưới đây, thì thông báo mới có hiệu lực:

雙方同意本合約之通知，應以如下地址進行通知，即生通知的效力：

Nếu thông báo cho Bên A:

Tên công ty: DAINTY & GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) CO; Ltd.
Địa chỉ: Lô B2, Khu công nghiệp Cộng Hòa, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

Email: s

如通知甲方：

公司名稱：越南台郁(越南)電子有限公司

地址：.....

收件人：.....

郵件：.....

Nếu thông báo cho Bên B:

Tên công ty: WESTERN DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ văn phòng: Tầng 6, tòa CT2 khu C14 Bắc Hà, đường Tố Hữu, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Người nhận: Trần Thu Huyền

Email: occi.western@gmail.com

如通知乙方：WESTERN DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

公司地址: Tầng 6, tòa CT2 khu C14 Bắc Hà, đường Tố Hữu, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

收件人：Trần Thu Huyền

郵件：occi.western@gmail.com

ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HAI BÊN

第柒條: 雙方權益及義務

7.1 Quyền và nghĩa vụ của bên A 甲方權益及義務:

+ Nghĩa vụ 義務:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan của dự án cho Bên B
提供齊備相關工程案的資料給乙方
- Tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng này.
協助及創造順利條件給予乙方執行本合約工程。
- Thanh toán cho Bên B đúng theo Điều 3 của hợp đồng này.
滿足本合約之第 3 條規定付款。
- Tiếp nhận, bảo quản các tài liệu liên quan đến dự án do Bên B cung cấp.
接收、保管由乙方作業所提供之各相關資料。

+ Quyền lợi 權益:

- Có thể yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại Hợp đồng gây ra, trong các trường hợp sau:

可要求乙方對於違反本合約之約定造成的損失賠償。如下列:

* Khi chất lượng công trình hoặc mục đích dự định sử dụng không thể đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng, không đảm bảo an toàn hoặc không thể xin được phê duyệt của các cơ quan chức năng.

工程品質不能滿足本合約要求的質量或預定使用目的、未能取得相關機構的核准、或有安全疑慮時。

- Các quyền theo Luật của nước CHXHCN Việt Nam.

其他根據越南社會主義共和國的法律權益。

7.2 Quyền và nghĩa vụ của bên B 乙方權益及義務:

+ Nghĩa vụ 義務:

- Có trách nhiệm thực hiện các điều khoản đã nêu trong hợp đồng.
具責任執行本合約之各條款。
- Theo yêu cầu của Bên A hoặc thường xuyên báo cáo kế hoạch và tiến độ thi công công trình cho Bên A, nhằm bàn bạc và đưa ra quyết định kịp thời.



時常或按甲方要求隨時向甲方報告工程施工計劃及進度，以便即時協商提出解決方案。

- Tuân thủ các quy định an toàn lao động của nhà Nước và địa phương sở tại. Trong phạm vi công trình Bên B có trách nhiệm về bảo vệ môi trường và trách nhiệm với công an trong suốt quá trình thi công và Bên A không liên quan. Trong quá trình thi công phát hiện đột nhiên địa chất biến động, những sự cố thi công chưa lường trước được, tình huống khẩn cấp ảnh hưởng đến an toàn thi công, Bên B cần báo cáo ngay với Bên A, và đề cơ quan chức năng thực hiện biện pháp khẩn cấp.

遵守國家及工程所在地的勞動安全規定。在乙方工程範圍內負責工作期間一切公安責任及環保責任屬於乙方責任與甲方無關。對於施工中發現突發地質變動、事先未知的施工障礙、影響施工安全的緊急情況，乙方應即時報告甲方，及政府部門採取應急措施。

- Đối với bảo hiểm trách nhiệm và con người của lao động phải đóng đầy đủ.

對於施工人員投保足額的人身及責任保險。

- Đối với các công trình thi công ngầm thì trước khi xây dựng, cần phải thông báo cho Bên A tiến hành kiểm tra, nếu không thông báo mà xây đè lên, Bên A có thể yêu cầu Bên B chịu chi phí phá bỏ, dẫn đến tiến độ bị kéo dài, thì do Bên B chịu trách nhiệm.

對於隱蔽工程進行覆蓋前，應先通知甲方進行檢查。若未通知即覆蓋的，甲方得要求乙方承擔鑿開的費用。由此產生的工期延長，由乙方負責。

- Trong quá trình thi công, sửa chữa và hoàn thiện dự án cần (bao gồm nhưng không chỉ giới hạn những vấn đề dưới đây): chính phủ phê duyệt thiết kế, xây dựng, nghiệm thu, chứng nhận., Bên B chịu trách nhiệm Bên B chịu trách nhiệm xin duyệt, và tự trả phí (đã bao gồm trong dự án, Bên A) Không cần thanh toán thêm).

Trừ khi Bên A đồng ý, Bên B không được phát thầu phụ và bán thầu thực hiện dự án.

對於工程進行、修改及完成所需要的包括但不限于：设计、施工、验收、办证等各环节需要的政府核批，由乙方負責申請、取得並支付費用（已经包含在工程款内，甲方无需再額外支付）。

除非甲方同意，乙方不得就本工程進行轉包及分包

Đảm bảo năng lực nhà thầu xây dựng theo theo yêu cầu pháp luật, nhưng không được có hành vi mượn hoặc gian lận sử dụng các chứng nhận năng lực của bên khác.

保證具有法律要求下的承包建造工程的資質，但不得存在挂靠或者冒用他人建筑資質的行為。

- Chịu trách nhiệm về các biện pháp phòng chống thiên tai (bao gồm nhưng không giới hạn như cháy nổ, lũ lụt, bão gió, bạo động,...), đồng thời chịu thiệt hại do thiên tai gây nên trong quá trình thi công.

負責災害(包括但不限於火災、水災、風災、暴動等)的預防措施，並承擔工程期間災害所造成的損害。

- Bên B có trách nhiệm cung cấp hồ sơ hoàn công phần xây dựng cho bên A.
- 乙方有責任提供土建部分的完工資料給甲方

+ Quyền lợi 權益：

- Đơn phương hủy hoặc tạm dừng Hợp đồng, nếu Bên A vi phạm các điều khoản sau của hợp đồng:

可單方終止或暫停合約，若甲方違反下列合約條款：

- * Chậm thanh toán quá hai tháng so với kỳ hạn đã thoả thuận thanh toán, sau khi nhắc nhở mà Bên A vẫn chưa thanh toán.

超過約定付款期限2個月未付款，經催告後甲方仍未付款的。

- Các quyền khác theo luật của nước CHXHCN Việt Nam

其他根據越南社會主義共和國的法律權益。

ĐIỀU 8: NGÔN NGỮ HỢP ĐỒNG

第捌條：合約語言

Ngôn ngữ của Hợp đồng là tiếng Việt và tiếng Trung có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự tranh chấp, lấy tiếng Việt làm chuẩn.

本合約語言為中越文，同等生效。若發生爭議時，以越文為準。

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第玖條：總則

- Những thay đổi bổ sung của mỗi Bên phải được thể hiện bằng văn bản và phải được hai Bên thống nhất bằng các phụ lục của Hợp đồng và các phụ lục sau sẽ trở thành một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.

本合約之各補充條款或內容變更必經雙方書面同意並列為合約附件，以下資料是本合約不可分開的一部份。



Hợp đồng này và tất cả các tài liệu, thông tin hai bên Bên sẽ được quản lý bảo mật theo quy định hiện hành của nhà Nước.

本合約及附屬所有資料、資訊雙方將依照國家現行的保密規定管理。

- Hai Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng.

雙方具結遵照合約各條款執行。

- Hợp đồng này được lập 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

本合約一式 04 份，同等生效，各執 02 份。

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và đóng dấu xong.

本合約自簽署日起生效。

Đại diện bên A

甲方代表



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lu, Kuei-Lin

Đại diện bên B

乙方代表



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Nguyễn Hoàng

TÀI LIỆU
ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH -
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

CHƯƠNG I- GIỚI THIỆU HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

1.1. Nguồn gốc, tính chất khí thải của nhà máy

Đặc điểm tính chất của khí thải

Khí thải được thu bởi các chụp hút bố trí bên trong nhà máy dẫn theo hệ thống thu khí thải về buồng xử lý khí. Tại đây qua các quá trình hấp phụ khí thải trước khi xả ra môi trường đạt QCVN 19:2024/B TNMT, mức B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

1.2. Thuyết minh công nghệ

Đối với xưởng 2A, 2B

Công ty di chuyển toàn bộ dây chuyền sản xuất âm ly và SMT sang khu vực xưởng sản xuất mới. Tại xưởng 2A và 2B sẽ bố trí cho dây chuyền sản xuất loa. Công ty sẽ tận dụng lại 08 hệ thống xử lý khí thải đã xây dựng để xử lý khí thải phát sinh từ các công đoạn: hàn tay, tra keo.

+ Số lượng: 08 hệ thống;

+ Đường ống dẫn: ống kẽm D200, dài 312,6m

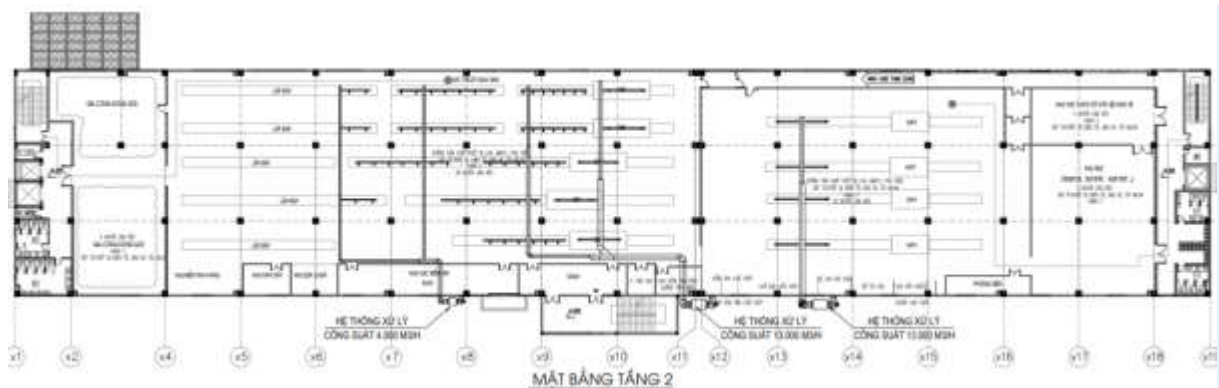
+ Quạt hút: Quạt ly tâm VCM -1D-3, P=1,1KW/chiếc; lưu lượng: 07 quạt lưu lượng 3.200m³/h/chiếc; 01 quạt lưu lượng 4500m³/h/chiếc.

+ Hệ thống lọc không khí: 08 hệ thống; hình hộp kích thước 0,7mx0,7mx0,7m; bên trong bố trí 3 tấm lọc: 02 tấm lọc vải lọc bằng sợi tổng hợp; 01 lớp lọc than hoạt tính (loại tấm kích thước 0,7mx0,7mx0,046m). Hệ thống xử lý theo tiêu chuẩn EN779-G4, hiệu suất lọc đạt 90 - 95%; Định kỳ từ 6 tháng toàn bộ tấm lọc sẽ được thay thế. tấm lọc vải: định mức sử dụng 5 kg/năm, tấm lọc than hoạt tính: định mức sử dụng 15 kg/năm/hệ thống.

+ Ống thải ra ngoài môi trường: ống mạ kẽm D300, cao 11m.

Đối với các dây chuyền tại nhà xưởng 3 (xây dựng mới)

Nhà xưởng 3 lắp đặt dây chuyền sản xuất âm ly, SMT, thiết bị xử lý tín hiệu âm thanh, bộ phận âm thanh và các thiết bị âm thanh.



- Nguyên lý hoạt động của hệ thống như sau: Khí thải → đường ống dẫn → quạt hút → thiết bị than hoạt tính → ống thải ra ngoài môi trường.

- Thuyết minh:

Quạt hút hút toàn bộ khí thải phát sinh tại các khu vực sản xuất được thu gom vào các ống loa, thông qua ống mềm $\Phi 100$ vào đường ống chính là ống mạ kẽm D300-D600. Khí thải từ đường ống chính được dẫn vào thiết bị lọc bụi và hấp phụ bằng than hoạt tính.

Tại nhà xưởng 3: lắp ráp 03 hệ thống xử lý.

+ Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền lắp ráp: 01 hệ thống 4.000 m³/h; 01 hệ thống 13.000 m³/h.

++ Kích thước tháp xử lý: 1,2mx0,8mx0,8m

++ Khối lượng than sử dụng: 100 kg/năm đối với hệ thống 4.000 m³/h; 300 kg/năm đối với hệ thống 13.000 m³/h.

++ Ống thải ra ngoài môi trường: ống mạ kẽm D300, cao 11m.

+ Hệ thống xử lý khí thải dây chuyền SMT: 01 hệ thống 13.000 m³/h.

++ Kích thước tháp xử lý: 2mx1,0mx1,0 m

++ Khối lượng than sử dụng: 300 kg/năm đối với hệ thống 13.000 m³/h.

++ Ống thải ra ngoài môi trường: ống mạ kẽm D300, cao 11m.

1.3. Yêu cầu chất lượng khí thải sau xử lý

Tính chất khí thải sau xử lý: Khí thải sau xử lý sẽ đạt QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn Việt Nam về khí thải công nghiệp trước khi xả thải ra môi trường.

CHƯƠNG II- QUY TRÌNH VẬN HÀNH VÀ KIỂM SOÁT HỆ THỐNG

2.1 *Yêu cầu trước khi chạy các thiết bị*

- Kiểm tra hệ thống đường ống có xảy ra hiện tượng rò rỉ nước trong tháp không, các liên kết giữa thiết bị và tháp xử lý
- Kiểm tra và pha chế hóa chất để đảm bảo đủ hóa chất cho quá trình xử lý.
- Đảm bảo là điện được cấp tới tủ điều khiển tại chỗ [đủ điện áp, 3 đèn báo pha (Đỏ-Vàng-Xanh)]
- Đảm bảo là aptomat của mạch điều khiển trong tủ điện ở vị trí “ON” (Bật).
- Kiểm tra các thông số về điện (kiểm tra các thông số cài đặt bảo vệ trong tủ điện có phù hợp với động cơ, hệ thống hay không. Nếu không phù hợp cần điều chỉnh lại).
- Kiểm tra các đèn báo tại nút bấm điều khiển của các máy (để kiểm tra phát hiện sự cố).
- Kiểm tra đảm bảo chiều quay của quạt hút không
- Kiểm tra tất cả các bu lông, đinh vít kẹp chặt...các phụ kiện đầy đủ, đảm bảo chắc chắn.
- Kiểm tra tất cả các bộ phận bảo vệ, bảo hiểm đảm bảo độ tin cậy.
- Kiểm tra vỏ quạt và đường ống, xem xét loại bỏ các chướng ngại vật và kim loại bên trong, bên ngoài có thể gây tổn hại tới guồng cánh quạt.
- Kiểm tra còi báo và giải quyết sự cố (nếu có)

Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống

2.2 *Các bước khởi động hệ thống*

- + Cấp điện cho các thiết bị
- + Bơm hóa chất bật sang chế độ “AUTO”
- + Bơm tuần hoàn bật sang chế độ “AUTO”
- + Quạt hút khí thải bật sang chế độ “AUTO”
- + Đóng cửa chính của tủ điện, chỉ mở khi cần thiết
- + Pha hóa chất và kiểm soát quá trình vận hành

2.3 *Các bước vận hành hệ thống (áp dụng hàng tuần)*

- + Kiểm tra tủ điện điều khiển
- + Bổ sung, thay thế hoá chất trong tháp xử lý
- + Trong quá trình vận hành có các hiện tượng mà người vận hành không xử lý được phải chụp lại hiện tượng và báo ngay cho nhà thầu để xử lý.

2.4 *Nguyên lý vận hành các máy móc thiết bị trong hệ thống:*

+ ***Quạt hút khí thải:***

* *Số lượng: 01 cái, hoạt động theo thời gian cài đặt sẵn*

+ ***Máy bơm hoá chất hấp thụ mùi:***

- *Số lượng: 01 cái, hoạt động theo thời gian cài đặt sẵn*
- + ***Máy bơm tuần hoàn hoá chất hấp thụ mùi:***
- *Số lượng: 02 cái, hoạt động theo thời gian cài đặt sẵn*

Chú ý:

- + Khi đang vận hành ở chế độ tự động người vận hành muốn dừng hoặc bật các máy vì một lý do nào đó (gặp sự cố...) thì phải chuyển nút điều khiển về chế độ bằng tay (MAN).

Chú ý:

- + ***Để đảm bảo hiệu quả của công trình cần phối hợp cả hai chế độ vận hành tự động và bằng tay (khi không thực hiện vận hành ở chế độ bằng tay cần chuyển sang chế độ tự động)***
- + ***Khi hệ thống xảy ra sự cố ta ấn nút dừng khẩn cấp để dừng toàn bộ hoạt động của hệ thống.***

Tiến hành pha hóa chất và vật liệu hấp phụ

STT	HÓA CHẤT	LIỀU LƯỢNG	TẦN SUẤT	CÁCH BỔ SUNG
1	Than hoạt tính	0,54m ³	2 – 3 tháng	Bước 1: Tắt quạt hút mùi nắp cửa thăm của thiết bị xử lý và để thoáng trong 3 – 5 phút. Bước 2: Thu gom than hoạt tính đã hết tác dụng ra khỏi tháp xử lý, vệ sinh khay đỡ đặt than hoạt tính. Bước 3: Đổ than hoạt tính mới vào với số lượng đã tính toán, san đều mặt than để hiệu quả xử lý đồng đều trên toàn bề mặt khay Bước 4: lắp đặt lại cửa thăm và khởi động quạt hút mùi chạy bình thường

2.5. Lấy mẫu khí thải để kiểm tra

Vị trí lấy mẫu : Ống thu lấy mẫu phía trên sàn thao tác của ống khí thải sau xử lý

Thời gian định kỳ lấy mẫu : 1 tháng/lần

CHƯƠNG III- XỬ LÝ SỰ CỐ

3.1. Sự cố quá nhiệt của các động cơ quạt

a.1. Biểu hiện

- Khi xảy ra quá nhiệt của bất cứ động cơ nào thì tủ điện lập tức ngắt bơm đó ra khỏi chu trình làm việc. Các thiết bị khác nếu không bị quá nhiệt vẫn hoạt động bình thường.

a.2. Nguyên nhân.

- Giá trị rơ le nhiệt đang đặt ở mức nhỏ hơn dòng định mức của động cơ. Cần tham khảo tài liệu để đặt lại giá trị cho phù hợp.

a.3. Khắc phục

- Điều chỉnh giá trị của rơ le nhiệt bằng 1,2 đến 1,5 lần giá trị định mức của động cơ điện.
- Kiểm tra quạt hút và bơm có bị vào nước hay không

3.2. Sự cố thông thường của động cơ thiết bị

TT	Sự cố	Nguyên nhân	Biện pháp giải quyết
1	Không khởi động được Chạy nhưng dừng ngay lập tức	(1) Mất điện (2) Có sự khác biệt lớn giữa nguồn điện và điện áp (3) Sụt điện áp đáng kể. (4) Đấu sai pha của động cơ (5) Đấu nối mạch điện sai (6) Nối sai mạch điều khiển (7) Nhảy aptomat (8) Đấu sai contactor (9) Mức nước không ở mức phao chỉ định (10) Phao không ở mức nước phù hợp (11) Phao không hoạt động (12) Áp tô mát ngắt mạch hoạt động (13) Cháy động cơ (14) Ổ trục động cơ hỏng	(1)-(3) Liên hệ với đơn vị quản lý cấp điện cho toàn trạm xử lý để điều tra sự cố. Kiểm tra lại nguồn điện và liên hệ với đơn vị quản lý cấp điện để kiểm tra và cung cấp đủ nguồn điện. (4) Kiểm tra điểm đấu và contactor (5) Kiểm tra mạch điện (6) Đấu lại dây cho đúng (7) Kiểm tra và thay đúng chủng loại, công suất aptomat (8) Thay đúng loại contactor (9) Nâng cao mức nước (10) Di chuyển phao tới mức nước khởi động thích hợp (11) Sửa chữa hoặc thay thế phao (12) Sửa đổi vị trí ngắt mạch (13) Sửa chữa hoặc thay thế
2	Vận hành nhưng thiết bị dừng sau một thời gian chạy	(1) Việc vận hành kéo dài làm cho thiết bị bảo vệ động cơ hoạt động và làm dừng thiết bị	(1) Nâng cao mức nước dùng thiết bị

3	Quá dòng	(1) Dòng điện và điện áp mất cân bằng (2) Sụt điện áp đáng kể (3) Đấu sai pha của động cơ (4) Ngược chiều quay (5) Ổ trục động cơ bị mòn hoặc bị hỏng	(1) Liên hệ với đơn vị điện lực tòa nhà và đề ra giải pháp (2) Liên hệ với đơn vị điện lực tòa nhà và đề ra giải pháp (3) Kiểm tra điểm đấu và contactor (4) Chỉnh đúng chiều quay (xem mục 2 phần Vận hành) (5) Thay ổ trục
4	Động cơ thiết bị rung, vượt quá độ ồn cho phép	(1) Ngược chiều quay (2) Lòng quạt hút hoặc bơm có dị vật (3) Đường ống có tiếng dội (4) Van chặn bị đóng quá chặt	(1) Chỉnh lại chiều quay (2) Kiểm tra riêng các thiết bị (3) Cải tạo đường ống (4) Mở van chặn

CHƯƠNG IV: AN TOÀN LAO ĐỘNG

Đối với hệ thống xử lý, các nhân viên cần phải được hướng dẫn kiến thức chi tiết và bảo hộ lao động an toàn. Trong quá trình làm việc nhân viên không chỉ tiếp xúc với 1 vấn đề an toàn mà là sự tổng hợp các môi trường làm việc điện – nước – hóa chất – khí độc hại. Chính vì vậy khi làm việc nhân viên phải hiểu và tuân thủ các quy chuẩn an toàn và bảo hộ lao động trong quá trình làm việc.

4.1. Các thiết bị bảo hộ lao động

- Mũ bảo hộ lao động (BHLĐ) : Trang bị mũ nhựa hay mũ vải trong quá trình thực hiện thao tác các công tác vận hành thiết bị, trang bị mũ có kiến phía trước trong trường hợp thao tác với các thiết bị điện tại tủ điều khiển hoặc khu vực pha hóa chất.

- Kính BHLĐ : Trang bị kính trong quá trình thực hiện thao tác các công tác vận hành thiết bị, trang bị trong trường hợp thao tác với các thiết bị điện tại tủ điều khiển hoặc khu vực lưu và pha hóa chất. Tùy thuộc vào từng công việc mà sử dụng từng loại kính khác nhau.

- Bịt tai chống ồn : Được thường sử dụng trong quá trình thao tác tại khu vực quạt hút có độ ồn rất cao sẽ ảnh hưởng đến tai người lao động.

- Giày – dép - ủng BHLĐ : Trang bị thường xuyên khi người lao động vào làm việc

- Găng tay BHLĐ : Trang bị thường xuyên khi người lao động vào làm việc

- Quần áo BHLĐ : Trang bị thường xuyên khi người lao động vào làm việc.

- Đèn : Trang bị trong quá trình thực hiện lao động vào ban đêm, những nơi không có ánh sáng như bên trong các bể kín.

- Mặt nạ phòng độc : Trang bị khi người lao động thao tác tại những nơi có khí độc, những nơi có hóa chất dễ bay hơi...

4.2. Các hoạt động vận hành cần trang bị BHLĐ

(Các công tác được phân tích trong trạm xử lý nước thải)

- Công tác vận hành hệ thống bằng tay tại các tủ điện và kiểm tra hệ thống điện :

+ Các vấn đề cần chú ý : Phải đảm bảo hệ thống điện được kiểm soát, các thiết bị kiểm tra phải tất hoàn toàn

- Công tác pha hóa chất:

+ Các vấn đề cần chú ý : Phải định hướng chính xác nơi có vòi nước sạch trước khi thực hiện, phải đảm bảo quá trình thực hiện an toàn và dễ dàng. Tuyệt đối không được thực hiện vào các thời điểm thiếu hoặc không có ánh sáng.

4.3. Lưu ý các khu vực dễ gây cháy nổ

- Hệ thống điện và tủ điện
- Các thiết bị điện
- Khu vực hóa chất

4.4. Yêu cầu an toàn đối với người vận hành

Yêu cầu chung

- Khi làm việc quanh các bể, cần tuyệt đối chấp hành:

- Đi giày, ủng có khả năng chống trượt
- Giữ vệ sinh sạch sẽ khu vực xử lý
- Không để rơi dụng cụ, thiết bị và vật liệu có thể gây ảnh hưởng đến quá trình hoạt động
- Thực hiện các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với các thiết bị điện
- Khu vực xử lý phải có đủ ánh sáng để làm việc vào buổi tối và khi có sự cố xảy ra.

- Khi làm việc với hóa chất:

- Cần có đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động
- Thực hiện đúng các bước chỉ dẫn pha hóa chất
- Tránh để hóa chất tiếp xúc với nước trong quá trình bảo quản
- Khi đưa hóa chất vào thùng pha chế nên đổ từ từ và ít một. Tránh để bụi hóa chất bay lên cũng như văng vãi dung dịch hóa chất
- Dùng nước sạch vệ sinh khu vực pha chế.

4.4.1 An toàn về điện

- Cần thường xuyên tiến hành kiểm tra sự an toàn của các thiết bị điện, dây dẫn, ổ cắm, các lớp bảo vệ chống tiếp xúc, kiểm tra điện rò. Sửa chữa, bổ sung và thay thế hệ thống điện khi cần thiết
- Trước khi tiến hành sửa chữa cần cắt điện một phần hay toàn bộ khi việc liên quan. Thử điện trước khi sửa cũng như sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân
- Khi có sự cố cháy nổ, chập điện cần lập tức nhấn nút DỪNG KHẨN trên mặt tủ điện.
- Trước khi bắt đầu tiến hành kiểm tra hoặc bảo dưỡng, cần liên hệ với những người chịu trách nhiệm liên quan và cần có biện pháp tránh cho người khác do bất cẩn có thể bật điện lên trong khi kiểm tra.

Phòng tránh điện giật

- Để tránh dòng điện rò, cần hoàn thiện đầu dây và cách điện cho từng thiết bị.
- Đối với bất kỳ thiết bị tiếp điện hoặc thiết bị điện nào có nguy cơ bị điện giật, cần dùng vỏ bảo vệ an toàn, có biển cảnh báo và đồng thời cung cấp hệ thống chiếu sáng đầy đủ.
- Trước khi tiến hành kiểm tra hoặc sửa chữa, cần chắc chắn là công tắc điện đã tắt.
- Không tiến hành kiểm tra hoặc sửa chữa ngoài trời khi trời mưa, hoặc tại bất kỳ vị trí nào trong nhà bị ướt hoặc xung quanh có tích tụ nước.
- Công nhân phải mặc trang phục khô, không để lộ da và nên đi ủng cao su và găng tay cao su.

4.4.2. An toàn khi pha chế hóa chất

- Phải chắc chắn đã tắt thiết bị và đảm bảo hóa chất trong đường ống không rơi vãi ảnh hưởng tới quá trình kiểm tra

- Trong quá trình pha hóa chất nhất thiết người lao động phải chuẩn bị : găng tay, ủng, quần áo bảo hộ lao động, kiến bảo hộ, khẩu trang phòng độc và người lao động phải có sẵn nước sạch, vòi nước sạch hoặc phải nắm rõ nơi có nước sạch trong bán kính không quá 15m.

4.5. Những cảnh báo chung khi thao tác với thiết bị

*** Âm thanh:**

- Hiểu rõ những âm thanh ở trạng thái vận hành bình thường, như vậy sẽ có thể phát hiện bất kỳ âm thanh khác thường ngay tức khắc.
- Nếu như nghe được âm thanh từ những bộ phận thường không phát ra tiếng thì đây là hiện tượng bất thường, cần ngay lập tức kiểm tra sửa chữa.

*** Hơi nóng**

- Hơi nóng quá mức sinh ra ở động cơ là biểu hiện máy hoạt động quá tải hoặc không đủ dầu và như vậy máy đang trong tình trạng nguy hiểm. Lập tức phải có các biện pháp giải quyết.

*** Độ rung**

- Nếu thấy có hiện tượng rung bất thường, cần dừng máy ngay và điều chỉnh lại
- Thông thường rung thường đi kèm với tiếng kêu, vì vậy cũng cần kiểm tra tất cả các âm thanh

CHƯƠNG V. BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG

Mục đích

Bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc được tiến hành theo định kỳ bằng các phương tiện để đảm bảo sự vận hành các thiết bị máy móc được liên tục.

Việc bảo trì, bảo dưỡng nhằm hạn chế, phòng ngừa những sự cố rủi ro do máy móc thiết bị gây nên, làm ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Thực hiện các công tác kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng định kỳ sẽ giúp bảo quản máy tốt và không làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành của máy.

5.1. Các sự cố thường gặp, nguyên nhân và khắc phục

LỖI	NGUYÊN NHÂN	CÁCH KHẮC PHỤC
Động cơ	Không có điện áp	Kiểm tra điện áp nguồn
	Bị trip rơ le nhiệt	Reset lại rơ le nhiệt và tìm ra nguyên nhân
	Bị kẹt rotor	Tìm nguyên nhân tháo ra sửa chữa
	Bảo vệ quá nhiệt bị trip	Tự động reset
	Động cơ bị hỏng	Sửa chữa hoặc thay thế
Thiết bị bảo vệ motor bị ngắt	Động cơ bị hỏng	Sửa chữa hoặc thay thế
	Bơm hoá chất hoạt động trong không khí 1 thời gian dài. Do mực nước quá cạn.	Dừng bơm sau đó kiểm tra lại mức nước
	Cường độ dòng điện bị quá tải	Kiểm tra lại hệ thống: bơm, đường ống, van...

5.2 Bảo hành, bảo trì

THỜI GIAN	NỘI DUNG	KIỂM TRA
Mỗi ngày	Kiểm tra tiếng ồn, rung động bất thường Kiểm tra rò rỉ chất lỏng, dầu máy	√
Mỗi tháng	Vệ sinh, làm sạch bề mặt Kiểm tra kết nối dây điện, cáp điện Kiểm tra kết nối các bộ phận của bơm và đường ống (đinh vít, đai ốc, bulong)	√
1 năm	Kiểm tra dầu máy và không có sự rò rỉ Kiểm tra và thay thế van bi phải đều và không có dấu hiệu ăn mòn hay vết lõm	√

2 năm	Kiểm tra và thay thế bộ phận hư hỏng	√
2 - 5 năm	Kiểm tra toàn bộ (đại tu) Máy bơm phải được đại tu ngay cả khi chạy bình thường trong quá trình vận hành, đặc biệt máy bơm có thể cần phải được đại tu sớm nếu nó được sử dụng liên tục Để đại tu máy bơm, liên hệ với bên mua	√

5.3. Hệ thống điện điều khiển

Thực hiện giám sát, kiểm tra, vệ sinh và tiến hành đo đạc các thông số xem có phù hợp với các chỉ số ghi trên nhãn máy hay không. Các thông số gồm: dòng điện, điện áp, độ cách điện và độ ồn... nhằm phát hiện kịp thời các nguyên nhân có thể dẫn đến hư hỏng máy.

Độ ồn của các thiết bị được lắp chìm trong chất lỏng lag 70 Db.

Tủ điện điều khiển cần được kiểm tra, đèn báo 3 pha đảm bảo phải sáng, điện cấp vào tủ phải đủ 3 pha (không được mất pha hoặc ngược pha). Các thiết bị đóng cắt hoạt động tốt, các dây dẫn, cầu đầu không bị lỏng. Nếu phát hiện có sự hỏng hóc hoặc thay đổi trạng thái hoạt động bất thường của các thiết bị trong tủ điện thì cần ngắt nguồn để kịp thời kiểm tra sửa chữa hoặc thay thế thiết bị mới.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TÂY



HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY

Dự án : Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt

Địa chỉ : Nhà máy Dainty & Gemmy, Khu công nghiệp Cộng Hòa, Phường Cộng Hòa,
Chí Linh, Hải Dương

Chủ đầu tư : CÔNG TY DAINITY & GEMMY VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

1. Vì lý do an toàn, xin vui lòng đọc kỹ hướng dẫn vận hành này và các tài liệu đính kèm trước khi vận hành hệ thống.
2. Người vận hành cần hiểu rõ các thông tin về kỹ thuật của thiết bị, của hệ thống được đề cập trong cuốn hướng dẫn vận hành này và các catalog trước khi vận hành hệ thống.
3. Đọc kỹ sổ tay hướng dẫn và bảng thông số an toàn cho hóa chất được ấn hành bởi nhà sản xuất trước khi sử dụng hóa chất.

Công ty Cổ phần phát triển Phương Tây không chịu trách nhiệm bảo hành đối với những hư hỏng hay thiệt hại như: vận hành và bảo trì hệ thống không đúng theo hướng dẫn đã nêu trong cuốn hướng dẫn này.



1. Tổng quát

Công ty cổ phần phát triển Phương Tây đã chuẩn bị Sổ tay hướng dẫn vận hành này cho Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của nhà máy

Hệ thống bao gồm những thành phần sau:

- Bể nước thải
- Hệ thống đường ống và phụ kiện
- Tủ điện, dây cáp và các phụ kiện cần thiết
- Thiết bị hỗ trợ

2. Cơ sở thiết kế

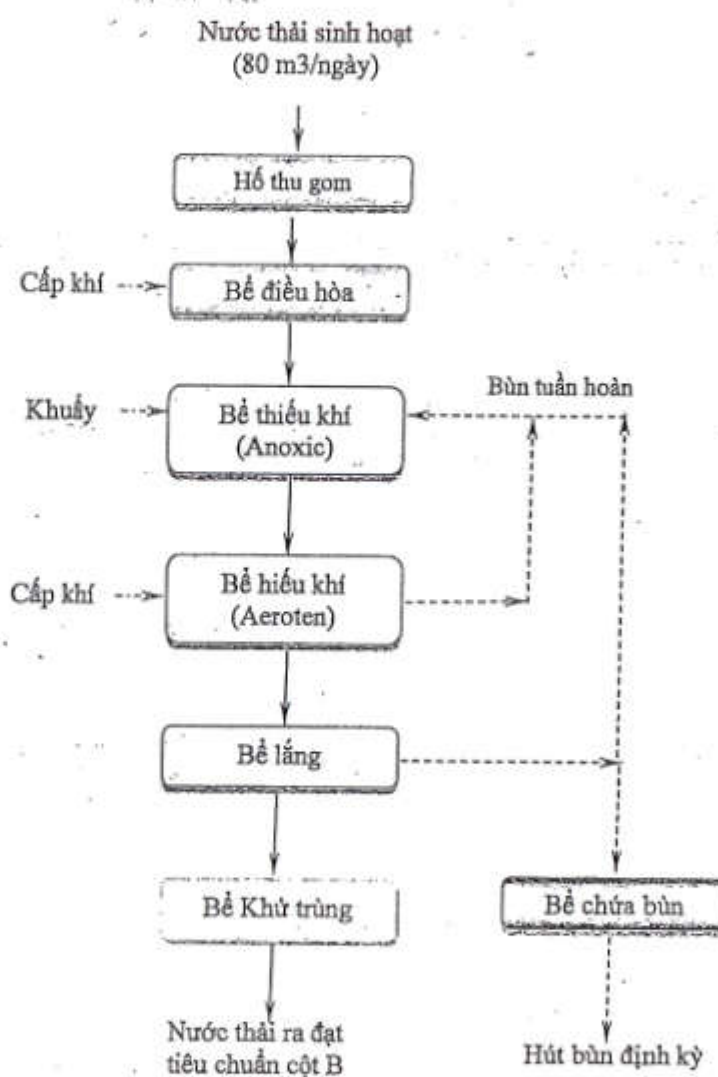
2.1 Công suất thiết kế

- Công suất: 80 m³/ngày
- Thời gian vận hành: 24h/ngày

2.2 Chỉ tiêu thiết kế

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị	
			Nước đầu vào	Cột B QCVN 40-2011
1	pH	-	6-8	5,5-9
2	BOD5	mg/l	≤ 300	≤ 50
3	COD	mg/l	≤ 350	≤ 150
4	SS	mg/l	≤ 200	≤ 100
5	T-N	mg/l	≤ 100	≤ 40
6	T-P	mg/l	≤ 16	≤ 6
7	NH3-N	mg/l	≤ 100	≤ 10
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 30	≤ 10
9	Coliform	MPN/100ml		≤ 5000

3. Sơ đồ công nghệ



4. Mô tả hệ thống

4.1 Hố thu nước thải

Hố thu nước thải được thiết kế để thu gom toàn bộ nước thải trong nhà máy trước khi bơm lên hệ thống xử lý

4.2 Bể điều hòa



Nước thải từ hồ thu được bơm qua bể này. Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và chất lượng nước thải. Từ bể này, nước thải được chuyển đến bể khử Nito bằng bơm chìm. Đồng thời bể này cũng có vai trò làm bể chứa nước thải khi hệ thống dừng lại để sửa chữa hoặc bảo trì trong thời gian nhất định.

4.3 Bể thiếu khí

Bể này được thiết kế để loại bỏ hợp chất chứa Nito có trong nước thải bằng bùn hoạt tính. Tại đây, nước thải đầu vào được hòa trộn với dòng Nitrat tuần hoàn từ bể hiếu khí. Vi khuẩn sẽ tham gia vào quá trình khử Nitrat hóa để chuyển NO_3^- thành N_2 và thải vào không khí. Bơm khuấy trộn chìm được thiết kế để xáo trộn hỗn hợp bùn và nước thải, tạo điều kiện tiếp xúc giữa nước thải và vi sinh vật, tăng hiệu quả xử lý Nito và Amonia có trong nước thải.

4.4 Bể hiếu khí

Bể hiếu khí có 2 chức năng chính là khử BOD và oxy hóa N-NH_4 thành NO_2^- và NO_3^- . Vi sinh vật hiếu khí được nuôi cấy để phân hủy các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Bên cạnh đó, quá trình Nitrat hóa sẽ chuyển hóa N-NH_4 thành NO_3^- . Nhờ duy trì nồng độ vi sinh (MLSS) trong bể mà BOD và N-NH_4 sẽ được loại bỏ để có thể đạt tiêu chuẩn xả thải. Hệ thống được thiết kế với nồng độ MLSS từ 2000-4000 mg/l để có thể xử lý tốt tải lượng ô nhiễm trong nước thải.

Oxy hòa tan sẽ được cấp vào bể nhờ máy thổi khí và hệ thống đĩa phân phối dạng bọt mịn. Từ bể hiếu khí, một phần nước thải sẽ được tuần hoàn về bể thiếu khí để cung cấp Nitrat NO_3^- cho quá trình khử Nitrat hóa. Các bơm tuần hoàn sẽ được lắp đặt ở đầu ra của bể hiếu khí.

4.5 Bể lắng

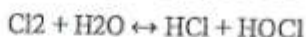
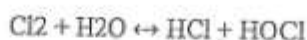
Hỗn hợp bùn/nước từ bể hiếu khí sẽ đi vào bể lắng để tiến hành tách pha. Tại đây, bùn sẽ được phân tách khỏi nước và lắng xuống đáy bể. Sau đó bùn được thu gom để bơm tuần hoàn lại bể thiếu khí nhằm duy trì sinh khối cho hệ AO. Một phần bùn dư sẽ được bơm về bể chứa bùn.

4.6 Bể khử trùng

Khử trùng là biện pháp bắt buộc theo quy định của nhà nước, nhằm loại bỏ tất cả các loại vi khuẩn, vi rút có trong nước thải sau quá trình xử lý, để đảm bảo điều kiện vệ sinh và tránh các dịch bệnh mà các vi khuẩn đó gây ra.

Ngoài việc diệt các loại vi khuẩn gây bệnh, quá trình này còn tạo điều kiện để oxy hóa các chất hữu cơ và đẩy nhanh các quá trình làm sạch nước thải. Hóa chất dùng trong quá trình này là clo.

- Khi đưa Cl vào nước, Cl sẽ bị thủy phân theo phản ứng sau:



- Axit hypochloric HOCl rất yếu, không bền và dễ phân hủy ngay thành HCl và ôxy nguyên tử, hoặc có thể phân ly thành H^+ và OCl^-



Tất cả các chất HOCl, OCl^- và O là các chất oxy hóa mạnh, các chất này oxy hóa nguyên sinh chất và khử hoạt tính của men, làm tế bào bị tiêu diệt.

5. Danh sách thiết bị trong hệ thống

TT	Tên thiết bị Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bơm hồ gom Loại : bơm chìm Công suất : 8m ³ /h x 6mH x 0.25kW	02	Cái
2	Phao báo mức Loại : phao quả	02	Cái
3	Bơm bể điều hòa Loại : bơm chìm Công suất : 8m ³ /h x 6mH x 0.25kW	02	Cái
4	Bơm khuấy trộn chìm Loại : bơm chìm Công suất : 8m ³ /h x 10mH x 0.4kW	02	Cái
5	Bơm tuần hoàn Loại : bơm chìm Công suất : 8m ³ /h x 6mH x 0.25kW	02	Cái
6	Đĩa phân phối khí Loại : đĩa, bọt khí mịn	01	Hệ
7	Máy thổi khí Công suất : 1.9m ³ /min x 3mH x 2.2kW	02	Cái
8	Bơm bùn bể lắng Loại : bơm chìm Công suất : 8m ³ /h x 6mH x 0.25kW	01	Cái

6. Nguyên lý điều khiển hệ thống

Ở chế độ AUTO, các thiết bị điện tự động hoạt động như sau:

6.1 Bơm hồ thu gom nước thải

- Số lượng: 2 cái; 1 hoạt động và 1 dự phòng
- Vị trí: Hồ thu nước thải
- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng bơm) được kiểm soát bởi công tắc mức nước đặt trong bể thu gom. Khi mức nước trong bể ở dưới mức thấp thì bơm dừng, khi mức nước trong bể cao thì bơm hoạt động.



- Nếu motor bị lỗi thì đèn báo MOTOR TRIP sẽ sáng ON, đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động
- 2 bơm này hoạt động luân phiên. Thời gian hoạt động luân phiên này có thể điều chỉnh cho phù hợp.

6.2 Bơm bể điều hòa

- Số lượng: 2 cái; 1 hoạt động và 1 dự phòng
- Vị trí: bể điều hòa
- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng bơm) được kiểm soát bởi công tắc mực nước đặt trong bể điều hòa. Khi mực nước trong bể ở dưới mức thấp thì bơm dừng, khi mức nước trong bể cao thì bơm hoạt động.
- Nếu motor bị lỗi thì đèn báo MOTOR TRIP sẽ sáng ON, đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động
- 2 bơm này hoạt động luân phiên. Thời gian hoạt động luân phiên này có thể điều chỉnh cho phù hợp.

6.3 Bơm khuấy trộn chìm

- Số lượng: 2 cái; 1 hoạt động và 1 dự phòng
- Vị trí: bể thiếu khí
- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng bơm) được kiểm soát bằng cách đóng mở công tắc của bơm trên tủ điện. Nếu motor bị lỗi thì đèn báo MOTOR TRIP sẽ sáng ON, đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động
- 2 bơm này hoạt động luân phiên. Thời gian hoạt động luân phiên này có thể điều chỉnh cho phù hợp.

6.4 Bơm tuần hoàn

- Số lượng: 2 cái; 1 hoạt động và 1 dự phòng
- Vị trí: bể hiếu khí
- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng bơm) được kiểm soát bằng cách đóng mở công tắc của bơm trên tủ điện. Bơm này hoạt động liên tục ngay cả khi hệ thống dừng (vì không có nước thải vào) chỉ dừng lại để bảo trì hoặc sửa chữa
- Nếu motor bị lỗi thì đèn báo MOTOR TRIP sẽ sáng ON, đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động
- 2 bơm này hoạt động luân phiên. Thời gian hoạt động luân phiên này có thể điều chỉnh cho phù hợp.

6.5 Bơm bùn bể lắng

- Số lượng: 2 cái

- Vị trí: bể lắng
- Hoạt động của bơm (khởi động/dừng bơm) được kiểm soát bằng cách đóng mở công tắc của bơm trên tủ điện. Bơm này hoạt động theo thời gian cài đặt trong bộ điều khiển PLC
- Nếu motor bị lỗi thì đèn báo MOTOR TRIP sẽ sáng ON, đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động

6.6 Máy thổi khí

- Số lượng: 2 cái
- Vị trí: khu vực máy thổi khí
- Hai máy này hoạt động luân phiên theo thời gian cài đặt trong bộ điều khiển PLC
- Nếu motor bị lỗi thì đèn báo MOTOR TRIP sẽ sáng ON, đồng thời đèn xoay và còi báo sẽ báo động

7. Hướng dẫn vận hành

7.1 Các bước chuẩn bị (các hạng mục cần kiểm tra trước khi vận hành)

- Kiểm tra các thiết bị đang sửa chữa đã hoàn thành chưa
- Kiểm tra còi báo và giải quyết sự cố nếu có
- Kiểm tra dòng, cách điện máy thổi khí, máy khuấy chìm, bơm chìm
- Kiểm tra chế độ đóng mở các van của bơm, máy thổi khí
- Vệ sinh và kiểm tra hoạt động của phao báo mức
- Kiểm tra tình trạng bùn nổi trong bể lắng, vớt bùn nếu có hiện tượng bùn bị nổi
- Kiểm tra điện, nước cấp cho hệ thống

Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống theo những bước sau:

7.2 Các bước khởi động hệ thống (áp dụng khi hệ thống mới khởi động lần đầu hoặc khởi động trở lại sau khi dừng một thời gian dài)

- Cấp điện cho các thiết bị
- Các máy thổi khí, máy khuấy trộn chìm, bơm tuần hoàn đều bật sang chế độ AUTO hoặc ON. Các thiết bị này luôn ở chế độ AUTO hoặc ON ngay cả khi hệ thống dừng vì không có nước thải, chỉ dừng lại để bảo trì hoặc sửa chữa hoặc dừng hệ thống trong thời gian dài.
- Bơm nước thải vào/ra đều bật chế độ AUTO
- Đóng cửa chính của tủ điện, chỉ mở khi cần thiết
- Trong thời gian đầu khởi động lại hệ thống không nên xả bùn về bể bùn, vì lúc này bùn chưa đủ để xử lý. Thông thường sau 03-06 tháng khởi động lại thì hệ thống mới có bùn dư cần xả về bể chứa bùn.



Hướng dẫn vận hành BXLNT

7.3 Các bước vận hành hệ thống (áp dụng hàng ngày, khi dừng bơm nước thải sau mỗi ngày hoặc khi hệ thống bị mất điện)

- Cấp điện cho các thiết bị đang bị ngắt điện
- Bơm nước thải vào/ra đều bật chế độ AUTO
- Đóng cửa chính của tủ điện, chỉ mở khi cần thiết
- Hàng ngày, cần kiểm tra thể tích bùn (SV30 – thể tích bùn trong 30 phút) ở bể hiếu khí, để quyết định có xả bùn dư về bể chứa bùn hay không. Cách thức kiểm tra SV30 như sau: dùng ống đong 1000ml có khắc vạch mỗi 100ml, cho bùn từ bể hiếu khí vào đến vạch 1000ml rồi để trong 30 phút, sau đó đọc thể tích bùn chiếm được. Nếu thể tích trong 30 phút lớn hơn 800ml thì tiến hành xả bùn dư về bể chứa bùn. Thời gian xả bùn khoảng 1-5 phút, sau đó kiểm tra lại SV30 một lần nữa sau khi xả, nếu thể tích bùn vẫn >800ml thì tiếp tục xả 1-2 phút nữa.

8. Giải quyết sự cố

8.1 Các sự cố có đèn báo trên tủ điện

TT	Còi báo	Nguyên nhân và cách xử lý
1	Thiết bị điện lỗi Báo lỗi MOTOR TRIP trên tủ điện Đối với các thiết bị: Bơm nước thải, bơm bùn, máy khuấy trộn chìm, máy thổi khí	Chạm mạch hoặc quá tải Cách xử lý: nhấn nút STOP-BUZZER để tắt còi báo rồi kiểm tra xem thiết bị nào bị lỗi và sửa chữa.
2	Nước trong bể nhận nước thải ở mức cao Báo lỗi trên tủ điện	Nguyên nhân do mực nước cao Cách xử lý: nhấn nút STOP-BUZZER để tắt còi báo rồi kiểm tra công tắc mực nước và mực nước trong bể để xác nhận báo động đúng. Nếu: - Bơm nước thải bị nghẹt → vệ sinh bơm - Công tắc phao bị kẹt rác, không kích hoạt → vệ sinh phao - Lưu lượng xả quá cao → kiểm tra lưu lượng xả từ nhà máy

8.2 Các sự cố không có đèn báo trên tủ điện

TT	Sự cố	Nguyên nhân và cách xử lý
1	Các thiết bị điện trên tủ điện đều ở vị trí AUTO hoặc ON nhưng các đèn tín hiệu không sáng và các thiết bị điện không hoạt động.	Nguyên nhân: - Mất ít nhất 1 trong 3 pha - Điện áp > 420V hoặc < 360V Cách xử lý - Kiểm tra điện áp cấp vào. Đầu cos dây cáp điện có lỏng không → siết chặt lại nếu lỏng - Kiểm tra điện áp
2	Khi có sự cố nguy hiểm đối với các thiết bị điện hoặc nguy hiểm cho người hoặc quan sát thấy có gì bất thường	Cách xử lý Nhấn ngay nút EMERGENCY STOP, sau đó kiểm tra và giải quyết

8.3 Các sự cố với hệ vi sinh

Biểu hiện	Nguyên nhân	Giải pháp
1. Có mùi hôi thối quanh khu vực trạm/	- Do hệ thống ngừng hoạt động lâu, bùn lưu trong các bể bị yếm khí - Lưu lượng nước vào hệ thống quá tải	- Duy trì sục khí trong bể điều hoà, nếu nhiều bùn quá phải tiến hành vệ sinh bể - Nên duy trì máy thổi khí, bơm hồi lưu bùn để cấp DO, thức ăn cho vi sinh vật.
2. Bùn nổi trên bề mặt bể lắng thứ cấp	- Vi sinh sinh vật dạng sợi (Filamentous) chiếm số lượng lớn trong bùn/ - Quá trình Denitrat hóa xảy ra trong bể lắng thứ cấp; các bóng khí Nitơ xâm nhập vào hạt bùn và kéo bùn nổi lên trên bề mặt nước	- Tăng lượng khí thổi vào bể Aeroten để DO > 2mg/l/ - Giảm F/M đến 0,09, - Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn/ - Tăng pH đến 7 - Tăng tốc độ, thời gian bùn hồi lưu - Giảm lưu lượng nước thải nếu sự tăng tốc độ và thời gian hồi lưu bùn không có hiệu quả./

Hướng dẫn vận hành BXLNT



3. Có bùn nhỏ lơ lửng trong nước thải sau xử lý dòng ra đục.	- Bùn bị oxy hóa quá mức - Tình trạng yếm khí trong bể Aeroten.	- Tăng lượng xả bùn, giảm bùn hồi lưu để tăng F/M. - Tăng DO trong bể Aeroten đến ít nhất đến 2mg/l
4. Váng bọt màu nâu đen bền vững trong bể Aeroten /	F/M quá thấp/	Tăng lượng bùn thải để tăng F/M. Tăng lên ở tốc độ vừa phải và phải kiểm tra cẩn thận./
5. Lớp sóng bọt trắng dày trong bể Aeroten	- MLSS quá thấp. - Sự có mặt của những chất hoạt động bề mặt không phân hủy sinh học.	- Giảm bùn thải để tăng MLSS, có nghĩa là sẽ giảm F/M./ - Giám sát những dòng thải mà có thể chứa các chất hoạt động bề mặt.
6. Bùn trong bể Aeroten có xu hướng trở nên đen.	- Sự thông khí không đủ, tạo vùng chết và bùn nhiễm khuẩn thối.	- Tăng sự thông khí bằng điều chỉnh van, áp suất máy thổi khí.
7. Nồng độ MLSS ở hai bể Aeroten khác nhau.	- Lưu lượng nước thải phân phối tới các bể Aeroten không đều nhau.	- Điều chỉnh van để điều hòa lưu lượng phân phối.
8. Đệm bùn nổi lên bề mặt bể lắng thứ cấp và trôi theo dòng ra.	- Tốc độ bùn hồi lưu, xả bùn không đủ.	- Tăng lưu lượng bơm bùn hồi lưu, xả bùn.
9. Có rất nhiều bọt hoặc một số vùng trong bể Aeroten bọt bị kết thành khối.	- Một số đĩa phân phối khí bị tắc.	Điều chỉnh van tay mở to cho thông đĩa phân phối khí sau đó điều chỉnh lại.
10. Nước có mùi hôi sau xử lý dòng ra	- Quá trình xử lý NH_3 , H_2S khí còn tồn tại trong nước gây mùi	- Tăng liều lượng hóa chất NaOH

9. Kiểm soát bảo trì hệ thống

Việc kiểm soát bảo trì hàng ngày của hệ thống xử lý nước rất quan trọng. Thực hiện bảo trì theo loại thiết bị hay theo cấp độ, điều này tùy thuộc vào mức độ ưu tiên bảo trì của từng thiết bị và dụng cụ. Một hư hỏng nhỏ về cơ khí cũng làm giảm khả năng xử lý hay thậm chí còn

ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hệ thống. Một hệ thống chạy tự động cũng không ngoại lệ, do đó việc bảo trì hàng ngày đòi hỏi phải chính xác và có kiến thức đầy đủ về khả năng vận hành và giới hạn của hệ thống.

Chuẩn bị một bảng tập trung những điểm chính cần kiểm tra trước khi thực hiện việc bảo trì, và thiết lập tiêu chuẩn để kiểm soát bảo trì hệ thống dựa trên những số liệu báo cáo theo dõi hàng ngày.

Đối với những hạng mục mà khi kiểm tra buộc phải dừng hệ thống thì cần phải xem xét tính cần thiết của việc bảo trì hàng ngày và xây dựng kế hoạch cho việc kiểm tra hàng năm đối với những thiết bị đó.

9.1 Các sự cố thường gặp và cách khắc phục

TT	Hiện tượng	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Bơm chìm nước thải không hoạt động	- Chưa cấp điện cho bơm - Nước trong bể quá ít - Van máy bơm chưa mở - Bơm bị chèn vật lạ hay bị sự cố	- Đóng tất cả các thiết bị điều khiển bơm (CB, contactor, công tắc mở bơm tại tủ điện) - Chờ nước đầy - Mở van và điều chỉnh van ở vị trí phù hợp - Kiểm tra bơm để tìm cách khắc phục
2	Máy thổi khí quá nhiệt và tiếng ồn bất thường	- Hết dầu - Bạc đạn bị hư	- Cấp dầu vào - Yêu cầu nhà sản xuất kiểm tra
3	Máy thổi khí công suất giảm	- Bị nghẹt ở bộ lọc khí	- Vệ sinh bộ lọc khí

9.2 Các hạng mục chính cần kiểm tra hàng ngày

TT	Hạng mục	Lỗi	Biện pháp kiểm tra
1	Bồn hóa chất	- Ăn mòn, rò rỉ - Kiểm tra lượng hóa chất còn lại	- Kiểm tra giá đỡ, sơn bọc lại những chỗ bị rỉ sét. Phải tìm ra nguyên nhân và sửa chữa. - Kiểm tra và điền thêm hóa chất vào bồn
2	Van	- Rò rỉ	- Kiểm tra sự hư hỏng của các con vít và các bộ phận bọc bên ngoài, sửa

Hướng dẫn vận hành BXLNT



			chữa hoặc thay thế
3	Ống	- Ống bị biến dạng hay đổi màu - rò rỉ	- ước định khả năng chịu áp và thời tiết... của ống và thay thế nếu cần - thay thế những đoạn ống bị rò rỉ
4	Kệ, giá đỡ	- Lỏng ra do rung động	- Siết chặt bu lông lại
5	Thiết bị trong tủ điện	- Sự rung động hoặc vật lạ vướng vào công tắc từ hoặc rơi le hỗ trợ - Nổ cầu chì - Nhiệt độ tăng bất thường trong tủ điện - Mối nối không chặt	- Siết chặt lại tiếp điểm, lấy vật lạ ra và thay thế những bộ phận nếu cần - Kiểm tra công suất và tìm ra nguyên nhân - Không vấn đề gì nếu nhiệt độ dưới 40 độ. Nếu nhiệt độ tăng bất thường phải tìm ra nguyên nhân - Siết chặt lại ốc nối

9.3 Các hạng mục cần bảo trì định kỳ

TT	Chu kỳ	Hạng mục	Biện pháp
1	4 năm	- Máy thổi khí	- Thay bánh răng - Thay giảm âm đầu hút/đầu đẩy - Kiểm tra hay thế khớp nối mềm
2	2 năm	- Máy thổi khí	- Thay đệm - Thay ổ bi - Vệ sinh vỏ máy
3	Hàng năm	- Thùng/bể - Bom - Nền móng	- Kiểm tra và sửa chữa ăn mòn/ rò rỉ/ hư hỏng - Kiểm tra tình trạng mài mòn. Đại tu và thay thế các bộ phận nếu cần thiết - Kiểm tra và sửa chữa những chỗ bị xói mòn, hư hại

Hướng dẫn vận hành BXLNT

		- Tủ điện và các thiết bị điện	- Kiểm tra các thiết bị điện, độ cách điện, dòng điện, các mối nối của thiết bị trong tủ điện, kiểm tra thiết bị định giờ - Ngắt CB tổng, làm vệ sinh tất cả các linh kiện (khởi động từ, công tắc điện...) bên trong và bên ngoài tủ bằng cọ khô
4	Định kỳ 3 tháng	- Máy thổi khí	- Kiểm tra van an toàn - Kiểm tra cách điện của motor - Kiểm tra siết chặt các bu lông, mối nối - Kiểm tra sức căng của dây đai - Cấp dầu mỡ cho bánh răng, bạc đạn - Thay dầu mỡ
5	Hàng tháng	- Bơm chìm	- Vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra các cánh bơm và sự rò rỉ điện của bơm
6	Hàng tuần	- Bùn nổi bề lắng	- Vớt bùn nổi trên bề mặt bể lắng và cho vào bể bùn
7	Hàng tuần	- Máy thổi khí	- Theo dõi mức dầu - Theo dõi áp hoạt động của máy - Kiểm tra cường độ dòng điện, điện thế - Kiểm tra tiếng ồn, rung động, nhiệt độ của máy

CTY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TÂY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Nguyễn Hoàng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社會主義共和國

獨立-自由-幸福

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

經濟合同

Trung tâm máy lạnh thiết bị cung cấp, phụ kiện lắp đặt và gỡ lỗi

中央空调设备供应,辅材安装以及调试

GIỮA

對

BÊN GIAO THẦU:

發包商

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINTY VÀ GEMMY VIỆT NAM

VÀ

與

BÊN NHẬN THẦU:

承包商

Công ty TNHH Thương Mại Kỹ Thuật Phạm Gia Nguyên

范家原技术和贸易有限公司

HẢI DƯƠNG, THÁNG 01 NĂM 2021

海陽, 2021 年 01 月

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社會主義共和國

獨立-自由-幸福

Hải Dương, Vào ngày 21 tháng 01 năm 2021

海陽, 2021 年 01 月 21 日

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

經濟合同

Số 编号: 20210121

(V/v: Trung tâm máy lạnh thiết bị cung cấp, phụ kiện lắp đặt và gỡ lỗi)

(关于: 中央空调设备供应, 辅材安装以及调试))

Công trình 工程 I: Nhà máy sản xuất, gia công Amplifier, loa, linh kiện loa.

Địa điểm xây dựng: Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

施工地點: 越南海陽省至靈市共和坊 共和工業區 B2-2 地塊

Căn cứ Luật dân sự 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

根據 2015 年《民法》及其執行文件。

Căn cứ Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

根據 2005 年商法及其實施文件。

Căn cứ vào Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

根據政府於 2009 年 2 月 12 日發布關於建築投資項目的管理的第 12/2009/ND-CP 號法令;

Căn cứ Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi Bổ sung một số điều Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;



根據政府 2009 年 10 月 15 日頒布對政府 2009 年 2 月 12 日發布關於建築投資項目的管理的第 12/2009/ND-CP 號法令的一些條款進行了補充和補充的第 83/2009/ND-CP 號法令;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; 根據建設部 2009 年 3 月 26 日頒布詳細介紹了第 12/2009/ND-CP 號法令中有關建設投資項目管理的一些內容建築工程的第 03/2009/TT-BXD 號通知;

Căn cứ vào nhu cầu về năng lực của hai bên.

根據雙方的能力要求。

Chúng tôi gồm có 我們包括:

A. Bên giao thầu (gọi tắt là bên A)

發包商(以下簡稱甲方)

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINITY & GEMMY VIỆT NAM

單位名稱: DAINITY & GEMMY TECHNOLOGY (VIETNAM) CO.,LTD

Người đại diện: Ông Lu, Kuei - Lin

Chức vụ: Tổng giám đốc

代表人: Lu, Kuei - Lin 先生

職位:總經理

Địa chỉ: Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

地址:越南海洋省 至靈市 共和坊共和工業區 B2-2 地塊。

Tài khoản 帳戶: 3342356-002

Tại 在: Ngân hàng Indovinabank - Chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế 稅碼: 0801278060

B. Bên nhận thầu (gọi tắt là bên B)

承包商(以下簡稱乙方)

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT PHẠM GIA NGUYỄN



范家原技术和贸易有限公司

Địa chỉ: 26/30 Nguyễn Quý Anh, Phường Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP. HCM

地址:越南胡志明市新福县新山二坊阮贵英 26/30 号

Người đại diện: Phạm Trường An

代表人: 范长安

職務:經理

Điện thoại 电话: 0931868225

Tài khoản: 258 942 499 tại Ngân Hàng Thương Mại Á Châu (ACB) – CN Tân Sơn Nhất - TPHCM

Mã số thuế 稅碼: 0314933007

Hai bên cùng nhau ký kết hợp đồng với những điều khoản sau đây:

雙方簽訂的合同如下:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

第壹條:合同内容

Nhà thầu được trao thầu để thực hiện gói thầu thi công hạng mục cung cấp thiết bị, vật tư phụ và nhân công lắp đặt hệ thống máy lạnh cho công trình trên với chi tiết cụ thể như trong bảng báo giá chi tiết đính kèm (theo Bảng "PHỤ LỤC SỐ 1" đính kèm).

甲方被授权执行该工程施工合同, 并提供设备, 辅助材料和人工以安装本项目涉及的空调系统, 具体细节如所附详细报价单所示 (根据所附表格 "附录一") .

Địa điểm xây dựng: Lô B2-2 khu Công nghiệp Cộng Hoà, Phường Cộng Hoà, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

施工現場:越南海洋省至靈市共和坊 共和工業區 B2-2 地塊。

ĐIỀU 2: SỐ LƯỢNG VÀ GIÁ CÀ

第貳條:數量和價格

1. Số lượng và giá cả: Xem danh sách cung cấp:

数量和价格: 详见报价清单

2. Tổng giá trị hợp đồng 合同总价:

Tổng giá trị hợp đồng bao gồm thuế : 2,658,000,000 VNĐ (Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm năm mươi tám triệu đồng chẵn).

含稅合約總額:越南盾 2,658,000,000

(大寫:越南幣 貳拾陸億伍仟捌佰萬元整)

3. Giá trị này bao gồm 10% thuế VAT và bao gồm chi phí hoàn thành công việc

上述價值包括 10%的增值稅,包括完成工程的費用

ĐIỀU 3: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

第參條:合同的執行進度

Trung tâm máy lạnh hoàn thành thi công và bàn giao thời gian: tổng 120 ngày (theo tiến độ xây dựng nhà thầu), bên B bắt đầu thi công khi nhận được tiền tạm ứng của bên A (ngoại trừ cuối tuần và ngày lễ theo quy định quốc gia).

中央空調施工完成並移交時間:共 120 天(根據營建承包商的施工進度).從 乙方收到甲方預付款之日起開始施工(根據國家規定的週末和節假日除外)

ĐIỀU 4: NGHIỆM THU - BÀN GIAO

第肆條: 驗收和移交

4.1. Phương thức nghiệm thu:工程驗收方式:

Sau khi bên B lắp đặt và vận hành thử hệ thống điều hòa, thông báo cho bên A nghiệm thu tại hiện trường, nếu sau 15 ngày bên A không có thông báo lại sẽ được coi là tự động chấp nhận nghiệm thu.

- 乙方將空調系統調試完畢后, 通知甲方現場驗收, 超過 15 天視為自動驗收

ĐIỀU 5: TẠM ỨNG VÀ THANH TOÁN

第伍條:預付款和付款

Thanh toán làm 05 đợt như sau 分為 05 期付款如下:

5.1 Thanh toán lần 1: Bên A tạm ứng cho bên B 30% của tổng giá trị của hợp đồng ngay sau khi hai bên ký hết hợp đồng, tương ứng với số tiền: 797,400,000 VNĐ (Bảy trăm chín mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).



第一次: 甲乙雙方簽訂合同後, 立即向乙方預付相當於合同總價值 30% 的預付款項, 對應金額: 越南盾 797,400,000

5.2 Thanh toán lần 2: Sau khi hoàn thành lắp đặt hệ thống dây ống điều hòa, bên A sẽ chi trả cho bên B 40% tổng giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền là: 1,063,200,000 VNĐ (Một tỷ không trăm sáu mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

第二次: 當空調系統管線完成施工之後, 甲方支付給乙方合同總價為 40%, 相應的金額是: 越南盾 1,063,200,000

5.3 Thanh toán lần 3: Sau khi máy chủ được đưa về công trường và lắp đặt xong, bên A thanh toán cho bên B số tiền là 20%, tương ứng với số tiền là: 531,600,000 VNĐ (Năm trăm ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

第三次: 當空調主機到達現場并安裝好, 甲方支付給乙方合同總價為 20%, 相應的金額是: 越南盾 531,600,000

5.4 Thanh toán lần 4: Sau khi bên B chạy thử điều hòa và nghiệm thu xong, bên A sẽ thanh toán 7% tổng số tiền trong hợp đồng, Tương ứng với số tiền là: 186,060,000 VNĐ (Một trăm tám mươi sáu triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

第四次: 乙方將空調調試完畢后, 甲方支付給乙方合同總價為 7%, 相應的金額是: 越南盾 186,060,000

5.5 Thanh toán lần 5: Phần còn lại của 3% hợp đồng sẽ được bên A giữ lại làm chi phí bảo hành, sau một năm sẽ trả nốt cho bên B, tương ứng với số tiền là: 79,740,000 VNĐ (Bảy mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

第五次: 剩餘 3% 合同款由甲方在調試之日起一年后, 由甲方支付給乙方, 相應的金額是: 越南盾 79,740,000

ĐIỀU 6: THỜI HẠN BẢO HÀNH

第陸條: 質保時間

6.1. Thời gian bảo hành hệ thống ống là 12 tháng kể từ ngày sử dụng

管路系統質保時間為自使用之日起 12 個月

6.2. Chất lượng sản phẩm do cung cấp đảm bảo, bên B chịu trách nhiệm hợp tác

設備質保由廠家提供質保, 乙方負責配合

6.3. Phạm vi bảo hành : Lỗi lắp đặt của bên B.

保修範圍:乙方安裝的產品是由製造商的過錯

Bên B không bảo hành đối với các trường hợp:

非保固範圍:

- Khi sản phẩm tiếp xúc với các loại axit và hóa chất đặc biệt.

產品接觸特殊酸和化學物質時。

Sản phẩm bị hỏng hóc do lỗi người sử dụng hoặc bên thứ 3 gây ra.

由於用戶錯誤或第三方原因導致的產品故障。

- Trong các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt...

在不可抗力的情況下,例如自然災害,火災,洪水

ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HAI BÊN

第柒條:雙方的責任和承諾

7.1 Trách nhiệm của bên A:

甲方的責任:

- Cấp cần thiết cho điều hòa không khí sẽ được bên A chuyển đến nơi đầu nối điều hòa

空調所需電纜由甲方負責放至空調設備接線處

-Cơ sở máy chủ do bên A chịu trách nhiệm,

主機基礎由甲方負責,

-Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng, vị trí lắp đặt cho bên B để kịp tiến độ cho bên B thi công.

為乙方的場所,安裝位置創造有利條件,以與乙方的建設保持同步。

-Đầu chờ điều hòa do bên A chịu trách nhiệm thi công.

空调风口开挖由甲方负责

- Cung cấp nguồn điện đủ áp để bên B tiến hành thi công.

提供足夠的電壓供乙方執行施工。

- Kiểm tra đúng, đủ số lượng, chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu.



根據所需的技術標準,充分地檢查質量和數量。

- Tổ chức nghiệm thu theo đúng quy định khi bên B có yêu cầu.

乙方要求時,按規定組織驗收。

- Thanh toán đúng thời hạn hợp đồng.

準時支付合同。

7.2. Trách nhiệm của bên B:

乙方的責任:

- Cung cấp thiết bị, vật tư đúng chủng loại đảm bảo chất lượng, đúng tiêu chuẩn, lắp đặt các vật dụng phòng cháy và chữa cháy đúng chủng loại.

根據批准的設計,提供具有質量保證,標準以及防火和滅火物品安裝正確類型的設備和材料。

- Kết toán và xuất hóa đơn cùng các tài liệu liên quan

結案相關的文件和發票。

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng do bên A bàn giao.

接收和管理甲方移交工地及資料。

- Đảm bảo an toàn PCCC, an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

確保施工期間的消防安全、勞工安全、環境保護。

- Trong quá trình thi công nếu làm hư hỏng công trình, hạng mục của nhà thầu khác đã thi công tại dự án thì bên B phải chịu trách nhiệm sửa chữa, khắc phục những hư hỏng đó hoặc bồi thường theo giá trị thực tế phát sinh.

在施工過程中,如果在該項目中對其他承包商的工程和物項造成損壞,則由乙

方負責修復和賠償損壞。

- Hướng dẫn nhân viên bên A sử dụng và điều hành hệ thống máy lạnh.

指導甲方人員使用和操作空調系統。

- Cung cấp hóa đơn tài chính hợp lệ cho bên A

提供甲方的有效財務發票。

Bên B có trách nhiệm cung cấp hồ sơ quản lý chất lượng thiết bị chính lắp đặt tại công trình cho bên A.

乙方負責提供項目安裝主要設備的質量控制記錄。

Đảm bảo tính chính xác của hồ sơ giấy tờ, tiến độ thi công theo quy định.

確保相關文件記錄的準確性,按規定進行施工進度。

ĐIỀU 8. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

第捌條:違反合同的罰款

8.1 Nếu Bên A phát hiện Bên B làm giả giấy tờ về quy cách, chất lượng, kiểm định vật tư sản phẩm (nếu có), hoặc giao vật tư, sản phẩm kém chất lượng, Bên A có quyền trả lại một phần hoặc toàn bộ vật tư sản phẩm có liên quan. Bên B bắt buộc phải thực hiện và vẫn đảm bảo tiến độ hợp đồng.

8.1.如果甲方發現乙方偽造了有關規格、質量、檢定材料產品(如有)的文

件,或交付了質量較差的材料和產品,則甲方有權退回該項產品或所有相關產

品材料。乙方一定必須履行並仍確保合同進度。

8.2 Trong thời gian bảo hành, nếu có một vấn đề kỹ thuật hoặc cài đặt hệ thống, bên A phải ngay lập tức thông báo cho bên B. Trong vòng 3 ngày sau khi thông báo, bên B phải sắp xếp để giải quyết. Nếu không, bên A có quyền thuê một đơn vị khác để xử lý. Tất cả các chi phí sẽ do bên B chi trả, bên B không được quyền phản đối

8.2 在保固期內,如果系統存在技術或安裝問題,甲方應立刻通知乙方。在接到通知後的3天內,乙方必須安排解決。否則,甲方有權僱用另一單位處理,所有產生的費用將由乙方負責,乙方不得異議。

ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT HỢP ĐỒNG

第玖條:合同的清償:

Hợp đồng tự động thanh lý khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình được quy định trong hợp đồng.

雙方均完成合同中規定的義務和責任時,合同將自動清除。

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第拾條:一般條款



Hai bên cam kết thực hiện theo đúng hợp đồng đã được ký kết. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên chính thức ký kết đến khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng quy định.

雙方保證遵守已簽署的合同。合同自雙方正式簽署之日起生效,直至雙方依法清算合同為止。

Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng (nếu có) sẽ được hai bên thực hiện bằng các phụ lục hợp đồng.

合同的修訂和補充(如有)將通過兩個合同附件進行。

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh thì hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng giải quyết. Nếu các tranh chấp không thể hòa giải được thì sẽ được đưa ra Tòa án cấp cao để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là căn cứ để hai bên thực hiện, các phí tổn, án phí do bên thua kiện chi trả.

在執行過程中,如有任何問題,雙方必須及時書面通知彼此,以相互解決。如果無法解決爭端,則將其移交給人民法院解決。法院的裁決是當事雙方履行的基礎,費用,案費由敗訴人承擔。

Hợp đồng này lập thành 04 (Bốn) bản song ngữ Việt và tiếng Trung, lấy tiếng Việt làm chuẩn; có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 (hai) bản./.

本合同以越南文為標準,以越文和中文寫之,分成 04 (四)份;具有相同的法律效力,每一方保留 02(兩)份./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



甲方代表人

[Handwritten signature]

Lu, Kuei - Lin

ĐẠI DIỆN BÊN B



乙方代表人

[Handwritten signature]
Phạm Trường An



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT PHẠM GIA NGUYỄN

Địa chỉ: 26/30 Nguyễn Quý Anh, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TPHCM

ĐT: 0931 868.225

Email: project@pgn-tech.com

Số: BG.21012021

Ngày: 21-01-2021

PHỤ LỤC SỐ 1
附录1-合同金额明细

Dự Án/项目: Nhà máy sản xuất, gia công Amplifiers, loa tính toán KCN Công Hòa, tỉnh Hải Dương
Hệ thống/系统: Trung tâm máy lạnh, thiết bị cung cấp, phụ kiện lắp đặt và vệ sinh.

STT	Diễn Tả / 描述	Công suất / 规格	Xuất xứ / 品牌	Đơn vị / 单位	Số lượng / 数量	Đơn giá/đơn vị (VNĐ)	Tổng cộng/đơn vị (VNĐ)	Ghi chú/ 备注
I	Thiết bị chính / 设备							
1	Chiller giải nhiệt gió / 风冷热泵							
	Model: CA0070EAND	65Kw	Aqua	set/套	2	158,900,000	317,800,000	
	Model: CA0130EAND	130Kw	Aqua	set/套	3	281,400,000	844,200,000	
2	Dàn xử lý không khí - FCU / 风盘管							
	Máy lạnh công nghiệp FCB-238C/D2B		Aqua	Cái/台	48	6,800,000	326,400,000	
II	Khác / 安装费用							
1	Nhận công lắp đặt thiết bị / 设备安装费用			lao/批	1	185,000,000	185,000,000	
2	Thi công bố thông ống nước chiller / 管道系统安装费用			lao/批	1	642,963,636	642,963,636	
3	Chi phí quản lý và vận chuyển / 运输及管理费用			lao/批	1	100,000,000	100,000,000	
TỔNG CỘNG TRƯỚC THUẾ / TOTAL 合计金额 (未含税)							2,416,363,636	
THUẾ VAT (10%) / VAT TAX (10%) 税金 (10%)							241,636,364	
TỔNG CỘNG SAU THUẾ / GRAND TOTAL 含税金额合计							2,658,000,000	

CTV TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT PHẠM GIA NGUYỄN

CTV CHỦ ĐẦU TƯ 业主

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT PHẠM GIA NGUYỄN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KỸ THUẬT PHẠM GIA NGUYỄN

TRƯỜNG DẠY THỰC HÀNH

CÔNG NGHỆ DẠY THỰC HÀNH

PHẠM GIA NGUYỄN

DAINTY & GEMMY VIETNAM

TP. HỒ CHÍ MINH

TP. CHÍ LÍNH - T. LIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CHẤT THẢI

Số: 14022023/HD/BN-D&G

- Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/ND-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều khoản của luật bảo vệ môi trường
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3-4-5-6.122.VX của Công ty Cổ phần Phát triển Môi trường Bình Nguyên được Bộ tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 10/01/2022;
- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 02 năm 2023, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINTY & GEMMY VIỆT NAM

Người đại diện: Ông Lu, Kuei-Lin Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ: Lô B2-2, KCN Cộng Hòa, Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Điện thoại:
Mã số thuế: 0801278060

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Duân Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Thôn Đồng Sải, xã Phù Lãng, huyện Quế võ, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0222.6535.666 fax: 0222.6535.666
Mã số thuế: 2300796280
Tài khoản số: 25610000106106 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh Kinh Bắc.

(Bên A, Bên B được gọi riêng là "Bên", gọi chung là "các Bên" hoặc "hai Bên")

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Chung loại chất thải và đơn giá:

Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B nhận chuyển giao các loại chất thải theo danh mục được liệt kê trong (các) Phụ lục đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

Khối lượng, chung loại của từng loại chất thải được xác nhận theo Biên bản bàn giao chất thải theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển chất thải từ Bên A về Bên B.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh thêm loại chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung (các) phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.

Khi có đề xuất thay đổi về bảng giá Bên B phải gửi công văn cho Bên A để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng.

Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển:

1. Đặc tính chất thải:

Chất thải xử lý (Chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý, chất thải sinh hoạt) và Chất thải tái chế, tái sử dụng (Chất thải rắn công nghiệp thông thường tái chế, tái sử dụng) và với đặc tính và trạng thái chi tiết theo phụ lục đính kèm.

2. Địa điểm giao nhận chất thải:

Tại kho chứa chất thải của Bên A, Địa chỉ: Lô B2-2, KCN Cộng Hòa, Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.

3. Phương tiện vận chuyển:

Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.



Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán:

1. Điều khoản thanh toán:

Đối với chất thải xử lý: Bên B sẽ xuất hóa đơn tương ứng với khối lượng chất thải (thể hiện qua phiếu cân, Biên bản bàn giao) theo từng lần chuyển giao và đơn giá quy định tại Phụ lục Hợp đồng.

Đối với chất thải tái chế, tái sử dụng: Giá trị thanh toán hàng tháng dựa trên hóa đơn tài chính và Biên bản nghiệm thu khối lượng đã được hai bên thống nhất.

Hai bên có trách nhiệm thanh toán cho nhau bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của các bên trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính (hóa đơn điện tử) qua email và các giấy tờ khác liên quan (nếu có).

Trường hợp bên B (bên A) thay đổi phương thức chốt số liệu thì sẽ gửi thông báo cho bên B (bên A) dưới dạng văn bản trước ít nhất 10 ngày làm việc.

2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên:

Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A:

1. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A.
2. Bố trí đại diện giám sát quá trình giao nhận chất thải giữa hai bên. Hướng dẫn các thủ tục xuất nhập trong nhà máy, khu công nghiệp để thuận lợi cho bên B ra, vào giao nhận chất thải.
3. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
4. Chất thải công nghiệp nguy hại phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu chứa theo quy định, đảm bảo thành phần chất thải công nghiệp nguy hại như đã thông báo với Bên B. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.

5. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
6. Bên A được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.
7. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B:

1. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.
2. Cung cấp cho Bên A toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại.
3. Chịu chi phí chuyên chở và bốc xếp, chọn lựa và vận chuyển đúng chủng loại chất thải và chi phí cân điện tử (nếu có) theo hợp đồng đã được ký.
4. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên A theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.
5. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.
6. Đảm bảo đúng các quy định về bốc xếp, xử lý, tiêu hủy và bảo vệ môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các sự cố xảy ra trong quá trình bốc xếp, vận chuyển, xử lý, tiêu hủy.
7. Bên B có trách nhiệm đảm bảo khối lượng chất thải được thu gom, nhận chuyển giao từ Bên A không vượt quá công suất xử lý và khối lượng được cấp phép trong giấy phép xử lý chất thải của Bên B.
8. Hoàn thiện đầy đủ hóa đơn, chịu trách nhiệm lập chứng từ chất thải nguy hại cho mỗi lần bàn giao và hoàn trả lại chứng từ chất thải nguy hại cho bên A sau khi xử lý xong để bên A có căn cứ báo cáo chất thải định kỳ đúng theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 5. Thực thi hợp đồng:

Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.



Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:

1. Hết hạn hợp đồng.
2. Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan quyền lực của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.
3. Bên A hoặc Bên B ngừng sản xuất hoặc phá sản.
4. Bên A hoặc Bên B có liên quan đến bất kỳ một vụ việc vi phạm pháp luật nào.
5. Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.
6. Việc thực hiện Hợp đồng bị hạn chế hoặc bị trì hoãn vì bất cứ sự kiện nào vượt khỏi sự kiểm soát hợp lý của bất cứ bên nào (sau đây gọi là “Bất Khả kháng”), bao gồm nhưng không giới hạn ở chiến tranh, đình công, lệnh của chính phủ về xuất nhập khẩu, thiên tai, thảm họa... thì thời gian thực hiện sẽ được gia hạn thêm 45 ngày. Nếu sự kiện Bất Khả Kháng đó diễn ra quá 45 ngày thì các bên có thể thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng mà không bên nào bị phạt. Bên nào bị tác động của các trường hợp Bất khả kháng phải thông báo cho bên kia nội dung của các trường hợp đó bằng văn bản trong thời gian chậm nhất là (03) ba ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp Bất Khả Kháng đó. Các trường hợp này phải được điều tra và có xác nhận của các cơ quan có thẩm quyền.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp:

Hợp đồng này được lập, điều chỉnh, thực hiện và giải quyết theo các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Bắc ninh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

Điều 7. Những điều khoản khác:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 02 năm 2023 đến ngày 14 tháng 02 năm 2024.

Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

Khi hết thời hạn Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 03 (ba) năm nếu không Bên nào gửi thông báo cho Bên còn lại về ý định chấm dứt hợp đồng (thông báo bằng văn bản được gửi cho bên còn lại ít nhất 30 ngày trước khi hợp đồng hết thời hạn).

Hợp đồng được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để làm căn cứ thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A

Lu, Kuei-Lin

TỔNG GIÁM ĐỐC,
Lu, Kuei-Lin



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Duẩn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

Phụ lục hợp đồng số 01 là một phần không thể tách rời của HỢP ĐỒNG CHUYÊN GIAO CHẤT THẢI SỐ: 14022023/HĐ/BN-D&G ký ngày 14 tháng 02 năm 2023. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 14 tháng 02 năm 2023, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ DAINTY & GEMMY VIỆT NAM

Người đại diện: Ông Lu, Kuei-Lin Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Lô B2-2, KCN Cộng Hòa, Phường Cộng Hòa, TP Chí Linh, tỉnh Hải Dương

Mã số thuế: 0801278060

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Duẩn Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Mã số thuế: 2300796280

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng số 01 theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải xử lý và đơn giá:

STT	TÊN CHẤT THẢI	MÃ CTNH	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (đồng)	GHI CHÚ
1	Rác thải công nghiệp thông thường		Kg	2,000	
2	Rác thải sinh hoạt		Tấn	2,000,000	
3	Dầu mỡ thải, dầu nhiên liệu thải	170203	kg	2,000	
4	Giẻ dĩnh dầu, tấm lọc bằng vải tổng hợp	180201	kg	2,600	
5	Bao bì nhiễm TPNH	180101	kg	2,600	
6	Bộ phận linh kiện thải	160113	kg	2,000	
7	Dung dịch nước tẩy rửa thải chứa các TPNH	190502	kg	5,000	
8	Pin, ắc quy thải	160112	kg	2,600	
9	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	kg	2,800	
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng	021102	kg	2,600	

Ghi chú: - Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được thành lập thành 04 bản tiếng việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ hai bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lu, Kuei-Lin



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Duẩn

Số: 82 /QĐ-KCN

Hải Dương, ngày 04 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng dự án “Nhà máy sản xuất gia công Amplifier, loa và linh kiện Amplifier, loa”

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quy định một số nội dung quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh Hải Dương sửa đổi, bổ sung Điều 4 của Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh Hải Dương quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương; Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh Hải Dương quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của UBND Tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Cộng Hòa, thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương.

Theo đề nghị của của Trưởng phòng Quản lý quy hoạch, xây dựng và môi trường tại tờ trình số 42/2025/TTr-QHXDMT ngày 02/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng dự án “Nhà máy sản xuất gia công Amplifier, loa và linh kiện Amplifier, loa” với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng dự án “Nhà máy sản xuất gia công Amplifier, loa và linh kiện Amplifier, loa”.

2. Địa điểm quy hoạch: Lô B2-2 Khu công nghiệp Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Quy mô diện tích đất: 50.067,5 m².

4. Đơn vị tổ chức lập đồ án: Công ty TNHH Công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam.

5. Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bắc Ninh.

6. Phạm vi, ranh giới:

Dự án “Nhà máy sản xuất gia công Amplifier, loa và linh kiện Amplifier, loa” của Công ty TNHH Công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam nằm trong lô đất B2.2 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 708823 ngày 26/9/2023.

+ Phía Đông: Giáp đường nội bộ của KCN;

+ Phía Tây: Giáp Công ty TNHH điện tử Poyun (HD) Việt Nam;

+ Phía Nam: Giáp Công ty TNHH Sun Acoustic;

+ Phía Bắc: Giáp đường nội bộ của KCN.

7. Mục đích, nội dung lập điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng:

Làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng và cấp giấy phép xây dựng cho hạng mục quy hoạch mới.

8. Quy hoạch sử dụng đất:

8.1. Nội dung điều chỉnh:

- Giữ nguyên diện tích, tính chất chức năng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các điểm đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án và khu công nghiệp Cộng Hòa.

Xây dựng các công trình mới tại các ô đất hiện trạng là đất trồng cây và dự trữ xây dựng trong quy hoạch đã duyệt.

8.2. Danh mục các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch:

STT	Tên hạng mục	Ký hiệu	Số tầng	Diện tích xây dựng	Ghi chú
1	Văn phòng	1A	2	360,0	Hiện trạng
2	Kho thành phẩm	1B	1	2.289,0	Mở rộng
3	Nhà xưởng 01	2A	1	2.700,0	Hiện trạng
4	Nhà xưởng 02	2B	2	1.200,0	Hiện trạng
5	Nhà WC khu xưởng 1	2C	1	60,0	Hiện trạng
6	Nhà ăn	3	1	900,0	Hiện trạng
7	Kho nguyên liệu	4	1	3.225,0	Hiện trạng
8	Nhà nghỉ ca	6	3	340,0	Hiện trạng
9	Nhà xưởng 03	16	4	3.150,0	Xây mới
10	Nhà xưởng 04	17	2	5077,4	Xây mới
11	Nhà xưởng 05	18	3	5160	Xây mới
1	Nhà bảo vệ	5	1	40,5	Hiện trạng
2	Lán xe máy	7	1	585	Hiện trạng
3	Bể nước ngầm	8	0	391,5	Hiện trạng
4	Trạm bơm	9	1	0	trên bề nc
5	Khu xử lý nước thải	10	1	115,5	Hiện trạng
6	Nhà chứa rác	11	1	220	Hiện trạng
7	Nhà phụ trợ	12	1	220	Hiện trạng
8	Trạm biến áp + Máy phát	13	1		
9	Bãi xe ô tô	15	0	117	Hiện trạng
11	Lán xe máy mới	19	1	300	Xây mới
12	Nhà cầu xưởng 03	20	1	81	Xây mới
13	Nhà cầu xưởng 04 & 05	21	2	133,8	Xây mới

8.3. Tổng hợp Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích XD	Tỷ lệ (%)
1	Công trình xây dựng chính	24.461,4	48,9%
2	Công trình phụ trợ và hạ tầng	2.204,3	4,4%
3	Diện tích trồng cây xanh	10.277,2	20,5%
4	Diện tích giao thông và sân đường	13.124,6	26,2%
5	Diện tích đất	50.067,5	

8.4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: Hệ thống sân và đường nội bộ giúp các hạng mục công trình được kết nối với nhau và kết nối với hệ thống giao thông của khu công nghiệp.

- Cấp nước: Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ nguồn nước hiện có của khu công nghiệp.

- Cấp điện: Nguồn điện cấp cho dự án được lấy từ nguồn điện hiện hữu của khu công nghiệp.

- Thoát nước mưa: Nước mưa được thu gom bởi hệ thống ga thu nước, trung chuyển qua hệ thống cống ngầm rồi đầu nối với hệ thống thoát nước mưa hiện có của khu công nghiệp.

- Thu gom và xử lý nước thải: Nước thải được thu gom tới trạm xử lý nước thải của dự án để xử lý sau đó đầu nối với hệ thống thoát nước thải hiện có của khu công nghiệp theo quy định.

- Thu gom và xử lý chất thải rắn: Được thu gom vào nơi quy định sau đó thuê đơn vị có năng lực thực hiện việc xử lý theo quy định.

9. Thành phần hồ sơ:

- Bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ	Ký hiệu	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng	QH-01	1/500
2	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng hiện trạng sử dụng đất	QH-02	1/500
3	Bản vẽ quy hoạch hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.	QH-03	1/500
4	Bản vẽ quy hoạch sử dụng đất (điều chỉnh)	QH-04	1/500
5	Bản vẽ quy hoạch kiến trúc cảnh quan (điều chỉnh)	QH-05	1/500
6	Bản vẽ quy hoạch giao thông (điều chỉnh)	QH-06	1/500
7	Bản vẽ quy hoạch hệ thống cấp điện (điều chỉnh)	QH-07	1/500
8	Bản vẽ quy hoạch hệ thống cấp nước (điều chỉnh)	QH-08	1/500
9	Bản vẽ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa (điều chỉnh)	QH-09	1/500
10	Bản vẽ quy hoạch hệ thống thoát nước thải (điều chỉnh)	QH-10	1/500
11	Bản vẽ tổng hợp đường dây – đường ống (điều chỉnh)	QH-11	1/500
12	Bản vẽ xác định diện tích trồng cây xanh	QH-12	1/500

- Văn bản:

+ Tờ trình thẩm định, phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng;

+ Thuyết minh Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng;

+ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Văn bản giải trình;

+ Các văn bản khác có liên quan;

10. Nội dung liên quan: Chủ đầu tư phải thực hiện các đầy đủ các thủ tục liên quan tới các lĩnh vực đầu tư, môi trường, phòng cháy chữa cháy, xây dựng và các lĩnh vực khác có liên quan đảm bảo đúng quy định.

Điều 2. Giao Chủ đầu tư phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Cộng Hòa - Công ty Cổ phần phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt

Nam tổ chức công bố, cắm mốc giới điều chỉnh Quy hoạch tổng mặt bằng được duyệt (nếu có) và quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường, Công ty TNHH Công nghệ Dainty & Gemmy Việt Nam.và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QHXDMT (Tuần)

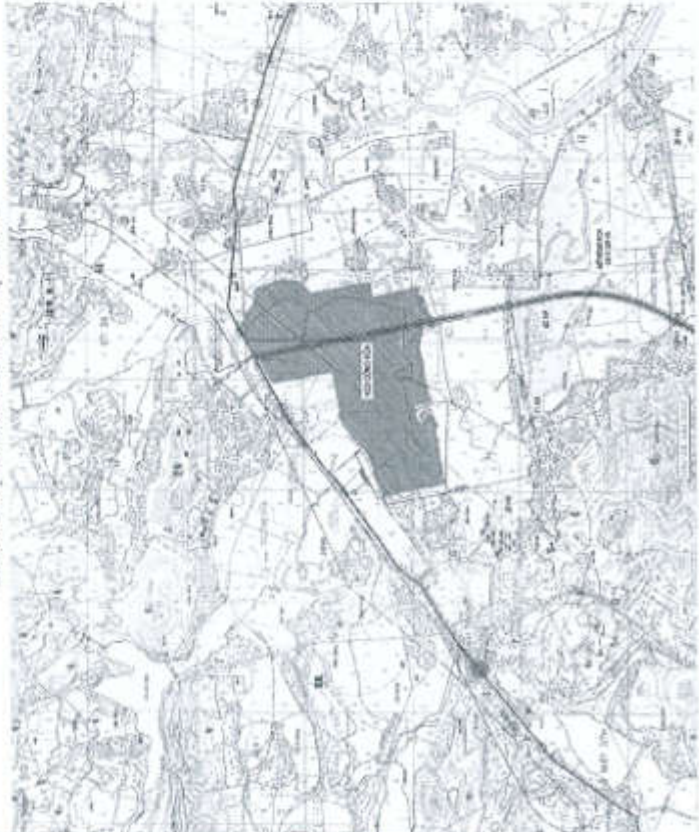


Nguyễn Trung Kiên

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA

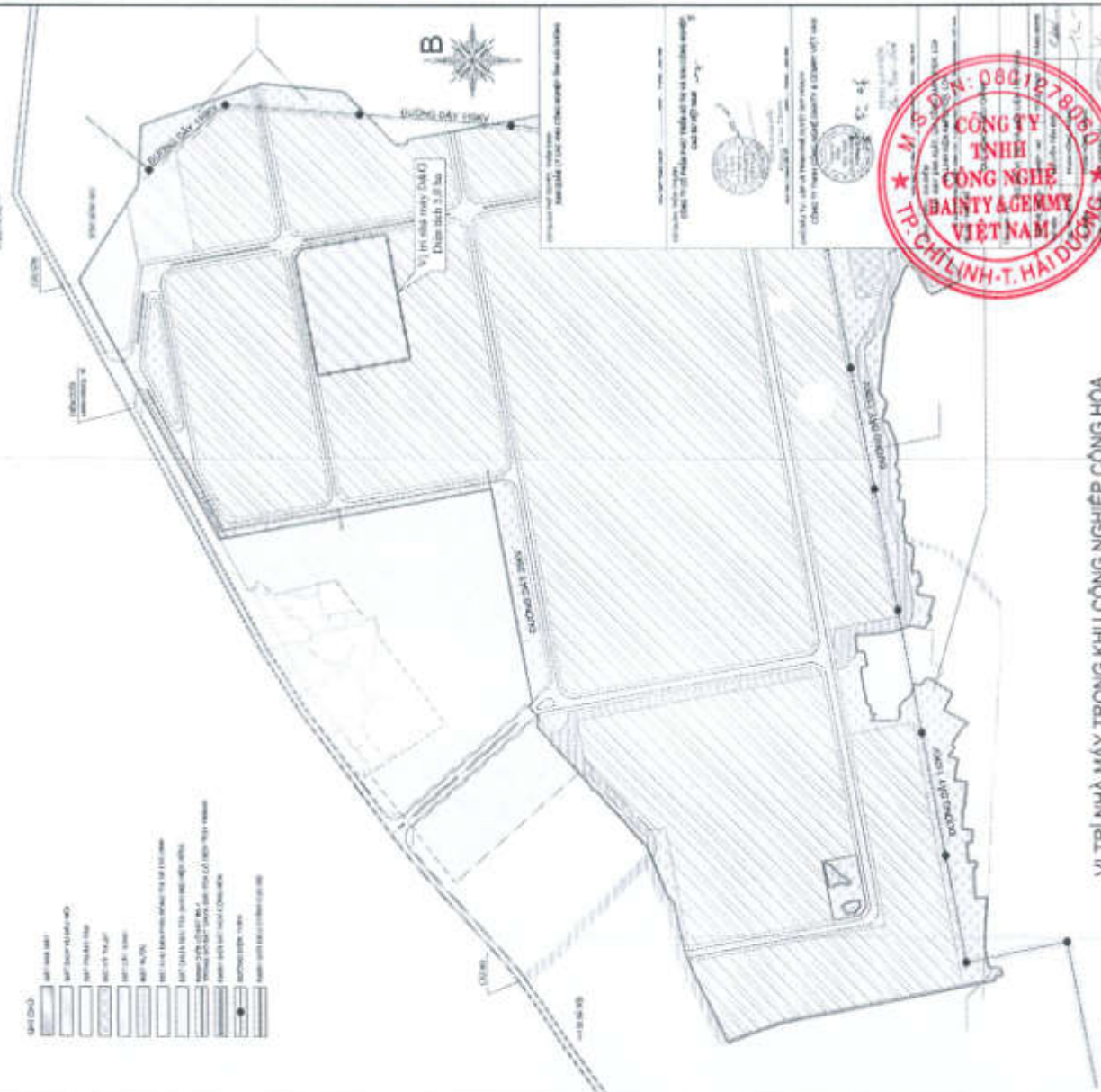


BẢN ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG



VỊ TRÍ KHU CÔNG NGHIỆP CỘNG HÒA

- Đường bộ
- Đường sắt
- Đường thủy
- Đường hàng không
- Đường bộ
- Đường sắt
- Đường thủy
- Đường hàng không
- Đường bộ
- Đường sắt
- Đường thủy
- Đường hàng không
- Đường bộ
- Đường sắt
- Đường thủy
- Đường hàng không
- Đường bộ
- Đường sắt
- Đường thủy
- Đường hàng không



VỊ TRÍ NHÀ MÁY TRONG KHU CÔNG NGHIỆP CỘNG HÒA



Information and contact details for the company, including address, phone number, and website. The text is in Vietnamese and English.

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA

GHI CHÚ

- TN-01/2000 Đường ống thoát nước mưa
- TN-02/2000 Ga Tham - ga Thủ
- TN-03/2000 Đường ống thoát thải
- TN-04/2000 Ga thoát nước thải
- TN-05/2000 Đường ống cấp nước
- TN-06/2000 Trụ cửa nhà
- TN-07/2000 Mặt bình trên cấp nước
- TN-08/2000 Dây trung thế trên không
- TN-09/2000 Cáp chiếu sáng
- TN-10/2000 Cáp quang thông tin
- TN-11/2000 Đèn chiếu sáng
- TN-12/2000 Cao độ đường đồng mức hướng & độ dốc

CS-4X16
TN-01/2000
TN-02/2000
TN-03/2000
TN-04/2000
TN-05/2000
TN-06/2000
TN-07/2000
TN-08/2000
TN-09/2000
TN-10/2000
TN-11/2000
TN-12/2000

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

Điểm đầu nối cáp quang với KCN Công Hòa
X: 2237460.29 Y: 505040.82

+3.10

4.90

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

3.75

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA

ĐIỀU TÍNH NHƯ CẤU SƠ DƯNG ĐẤT

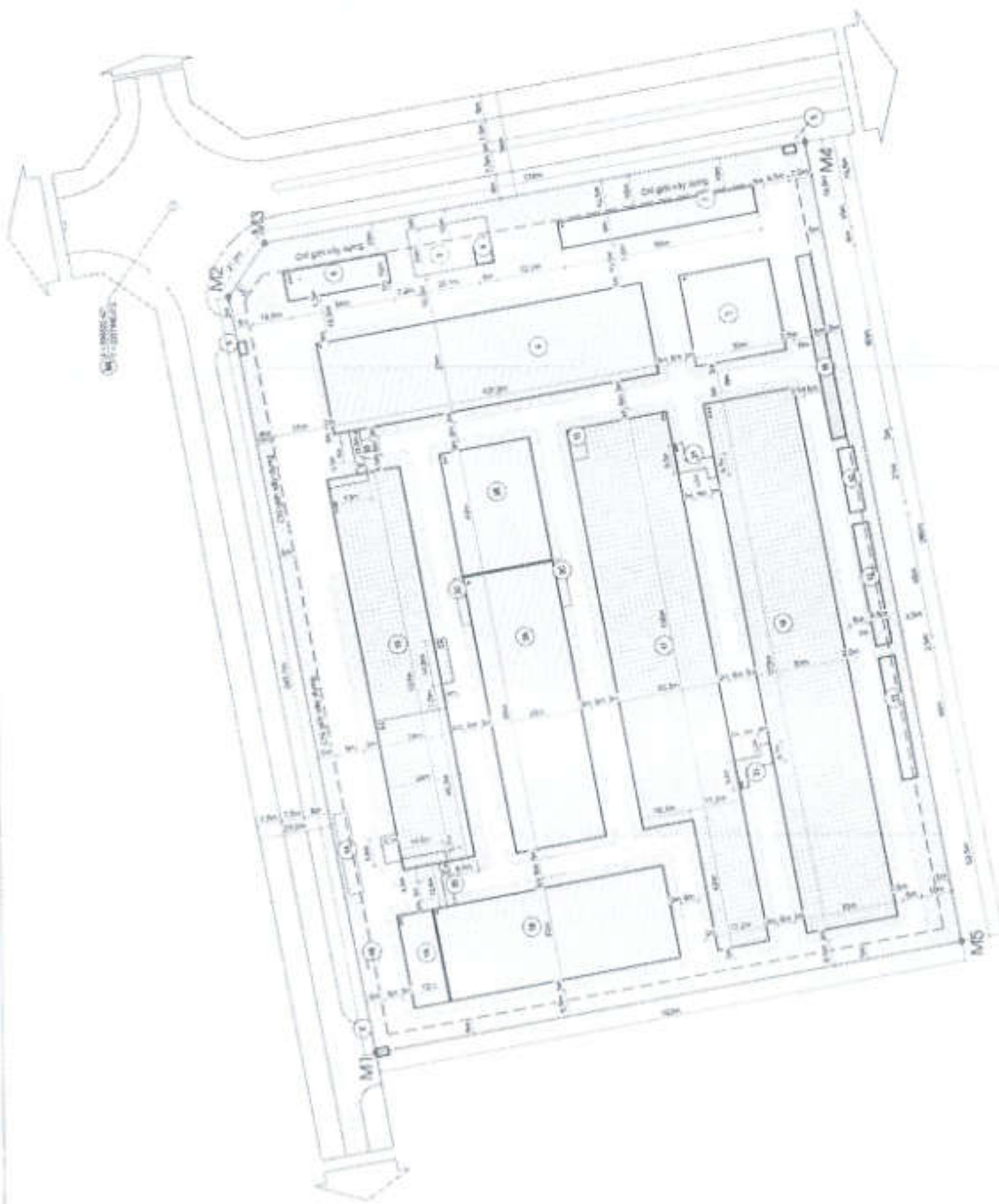
[illegible]

TABLE 1. SUMMARY OF THE DATA

STT	Hạng mục	Hàng nhập		Giá trị hàng nhập (tính theo đơn vị)	
		Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính
1	Chi phí vận chuyển hàng hóa	10.700,00	10.700,00	21,40%	46.336,3
2	Chi phí vận chuyển hàng hóa	1.744,0	1.744,0	3,5%	7.696,3
3	Chi phí vận chuyển hàng hóa	25.500,0	25.500,0	50,7%	105.540
4	Chi phí vận chuyển hàng hóa	10.000,0	10.000,0	20,1%	43.526,0
5	Chi phí vận chuyển hàng hóa	10.000,0	10.000,0	20,1%	43.526,0

[illegible]

Answer: 200. 200 is the only number that is both a square and a cube.

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

Q. N. 000
CÔNG
TNI
CÔNG N

278060

DATE	DESCRIPTION	AMOUNT	BALANCE
10/1/01	OPENING BALANCE		100.00
10/2/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/3/01	RENT	25.00	25.00
10/4/01	SALES	75.00	100.00
10/5/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/6/01	RENT	25.00	25.00
10/7/01	SALES	75.00	100.00
10/8/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/9/01	RENT	25.00	25.00
10/10/01	SALES	75.00	100.00
10/11/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/12/01	RENT	25.00	25.00
10/13/01	SALES	75.00	100.00
10/14/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/15/01	RENT	25.00	25.00
10/16/01	SALES	75.00	100.00
10/17/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/18/01	RENT	25.00	25.00
10/19/01	SALES	75.00	100.00
10/20/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/21/01	RENT	25.00	25.00
10/22/01	SALES	75.00	100.00
10/23/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/24/01	RENT	25.00	25.00
10/25/01	SALES	75.00	100.00
10/26/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/27/01	RENT	25.00	25.00
10/28/01	SALES	75.00	100.00
10/29/01	PAYROLL	50.00	50.00
10/30/01	RENT	25.00	25.00
10/31/01	SALES	75.00	100.00
11/1/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/2/01	RENT	25.00	25.00
11/3/01	SALES	75.00	100.00
11/4/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/5/01	RENT	25.00	25.00
11/6/01	SALES	75.00	100.00
11/7/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/8/01	RENT	25.00	25.00
11/9/01	SALES	75.00	100.00
11/10/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/11/01	RENT	25.00	25.00
11/12/01	SALES	75.00	100.00
11/13/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/14/01	RENT	25.00	25.00
11/15/01	SALES	75.00	100.00
11/16/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/17/01	RENT	25.00	25.00
11/18/01	SALES	75.00	100.00
11/19/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/20/01	RENT	25.00	25.00
11/21/01	SALES	75.00	100.00
11/22/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/23/01	RENT	25.00	25.00
11/24/01	SALES	75.00	100.00
11/25/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/26/01	RENT	25.00	25.00
11/27/01	SALES	75.00	100.00
11/28/01	PAYROLL	50.00	50.00
11/29/01	RENT	25.00	25.00
11/30/01	SALES	75.00	100.00
12/1/01	PAYROLL	50.00	50.00
12/2/01	RENT	25.00	25.00
12/3/01	SALES	75.00	100.00
12/4/01	PAYROLL	50.00	50.00
12/5/01	RENT	25.00	25.00
12/6/01	SALES	75.00	100.00
12/7/01	PAYROLL	50.00	50.00
12/8/01	RENT	25.00	25.00
12/9/01	SALES	75.00	100.00
12/10/01	PAYROLL	50.00	50.00
12/11/01	RENT	25.00	25.00
12/12/01	SALES	75.00	100.00
12/13/01	PAYROLL	50.00	50.00
12/14/01	RENT	25.00	25.00
12/15/01	SALES	75.00	100.00
12/16/01	PAYROLL	50.00	50.00
12/17/01	RENT	25.00	25.00
12/18/01	SALES	75.00	100.00
12/19/01			

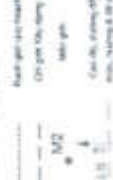
© 2000 Blackwell Science Ltd
Journal of Internal Medicine 247: 395–401

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA

Thông số các tuyến đường

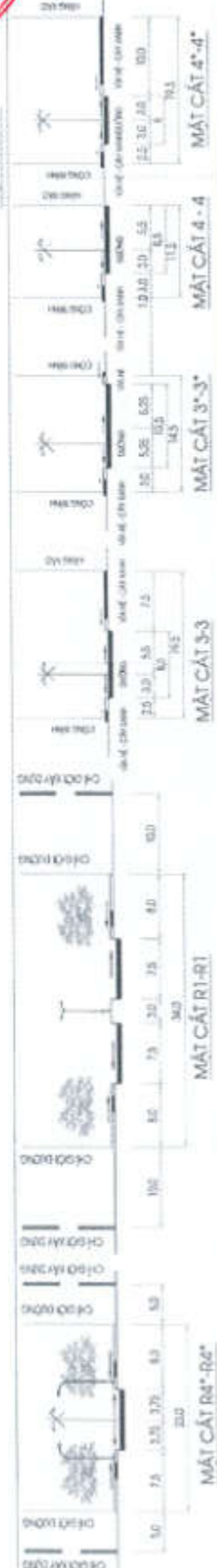
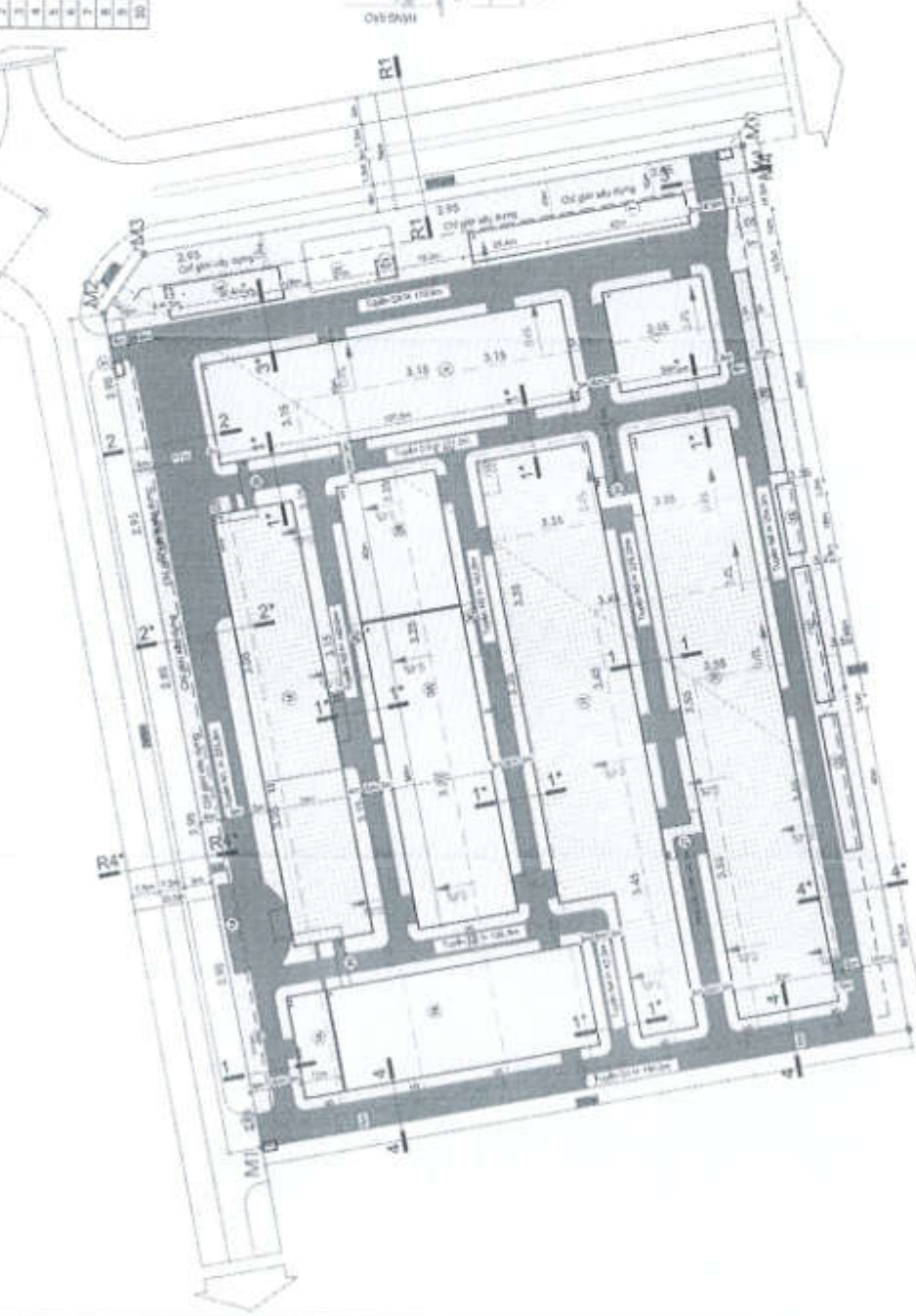
STT	Tên tuyến	Chiều dài	Loại đường	Mặt cắt	Độ dốc
1	Tuyến N1	223,5m	Đường nội bộ	1*1*	3%
2	Tuyến N2	342,0m	Đường nội bộ	1*1*	3%
3	Tuyến N3	342,0m	Đường nội bộ	1*1*	3%
4	Tuyến N4	402,0m	Đường nội bộ	1*1*	3%
5	Tuyến N5	208,25m	Đường nội bộ	1*1*	3%
6	Tuyến N6	254,5m	Đường nội bộ	1*1*	3%
7	Tuyến N7	380,0m	Đường nội bộ	1*1*	3%
8	Tuyến N8	300,0m	Đường nội bộ	1*1*	3%
9	Tuyến N9	173,0m	Đường nội bộ	1*1*	3%
10	Tuyến N10	173,0m	Đường nội bộ	1*1*	3%

STT	Tên tuyến	Chiều dài	Mặt cắt	Độ dốc
1	N1	223,5m	1*1*	3%
2	N2	342,0m	1*1*	3%
3	N3	342,0m	1*1*	3%
4	N4	402,0m	1*1*	3%
5	N5	208,25m	1*1*	3%



+3.10

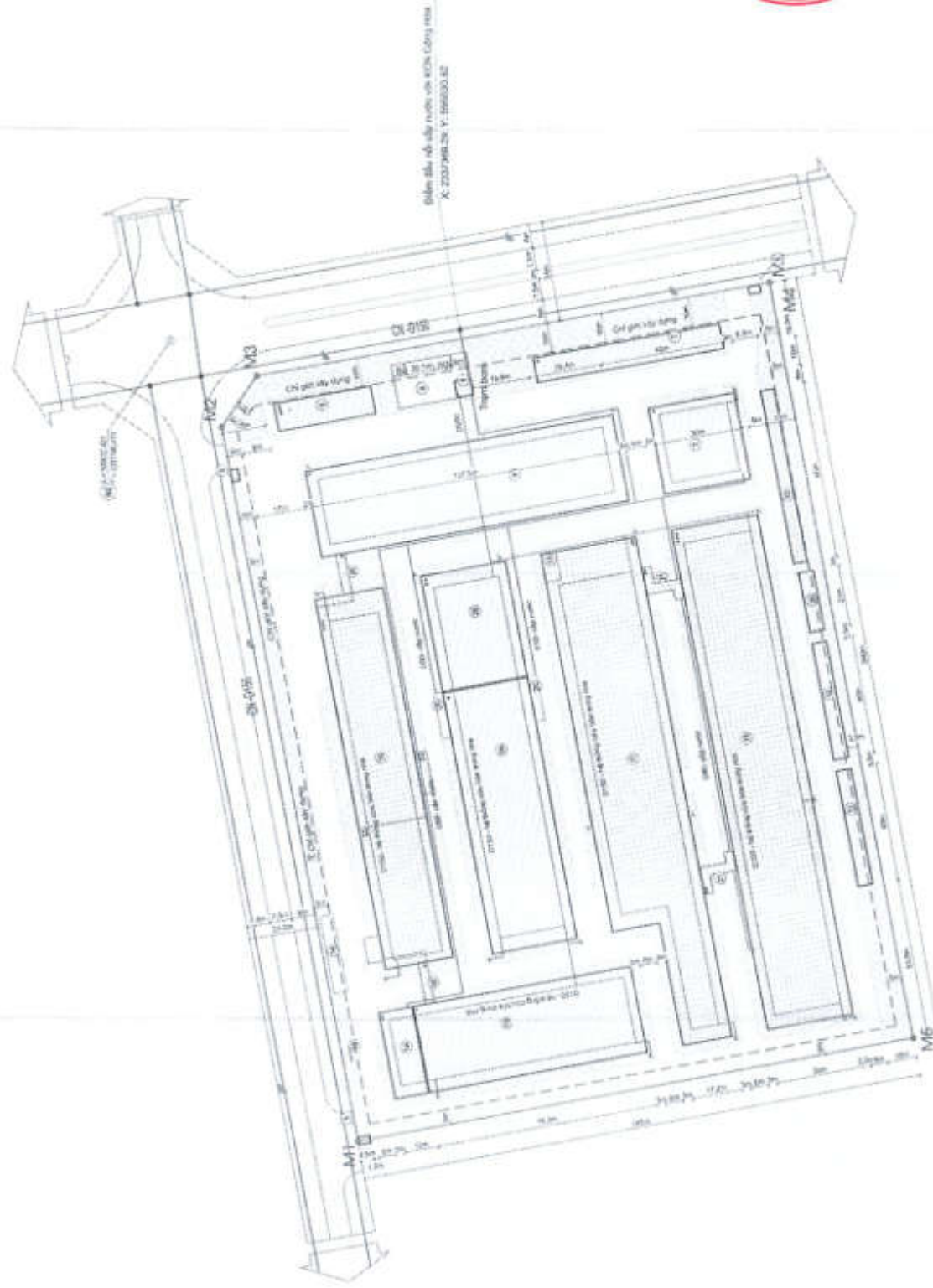
(M 4: 1/1000)



STT	Tên tuyến	Chiều dài	Mặt cắt	Độ dốc
1	N1	223,5m	1*1*	3%
2	N2	342,0m	1*1*	3%
3	N3	342,0m	1*1*	3%
4	N4	402,0m	1*1*	3%
5	N5	208,25m	1*1*	3%



QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA



Bảng kê tọa độ điểm dự án		
STT	Tên điểm	Tọa độ (VN2000)
1	M1	X=595362.06 Y=2237384.87
2	M2	X=595603.07 Y=2237429.08
3	M3	X=595620.53 Y=2237417.03
4	M4	X=595692.65 Y=2237241.98
5	M5	X=595396.92 Y=2237195.04

[illegible]

Điểm số và nhận xét:
Chữ ký và đóng dấu:
Ngày: / /

For a complete listing of the 100 best-selling books, visit www.nytimes.com.

1

Ma

[illegible]

Abstract: This is a full-page advertisement for a book titled "The Art of the Book" by Robert R. Rorick. The book is published by the University of Chicago Press. The advertisement includes a list of book titles and their authors, along with a brief description of the book's content. The book is available in paperback for \$19.95 and in hardcover for \$39.95. The advertisement also includes a list of book titles and their authors, along with a brief description of the book's content. The book is available in paperback for \$19.95 and in hardcover for \$39.95.

100

50

DA

CONFIDENTIAL

ON
TY
NG
TY

GO
CH
HE
N
& C
N

12
VY
H
GE
GEM
11

27
TÊ
MM
AT

PROPERTY

ONG ★

© 2006 Blackwell Publishing Ltd

đến năm 2000

Year	1990	1991	1992	1993
1990	1990	1991	1992	1993

id no	width (mm)	Comp.
1	10	100%
2	20	100%
3	30	100%
4	40	100%
5	50	100%
6	60	100%
7	70	100%
8	80	100%
9	90	100%
10	100	100%
11	110	100%
12	120	100%
13	130	100%
14	140	100%
15	150	100%
16	160	100%
17	170	100%
18	180	100%
19	190	100%
20	200	100%
21	210	100%
22	220	100%
23	230	100%
24	240	100%
25	250	100%
26	260	100%
27	270	100%
28	280	100%
29	290	100%
30	300	100%
31	310	100%
32	320	100%
33	330	100%
34	340	100%
35	350	100%
36	360	100%
37	370	100%
38	380	100%
39	390	100%
40	400	100%
41	410	100%
42	420	100%
43	430	100%
44	440	100%
45	450	100%
46	460	100%
47	470	100%
48	480	100%
49	490	100%
50	500	100%
51	510	100%
52	520	100%
53	530	100%
54	540	100%
55	550	100%
56	560	100%
57	570	100%
58	580	100%
59	590	100%
60	600	100%
61	610	100%
62	620	100%
63	630	100%
64	640	100%
65	650	100%
66	660	100%
67	670	100%
68	680	100%
69	690	100%
70	700	100%
71	710	100%
72	720	100%
73	730	100%
74	740	100%
75	750	100%
76	760	100%
77	770	100%
78	780	100%
79	790	100%
80	800	100%
81	810	100%
82	820	100%
83	830	100%
84	840	100%
85	850	100%
86	860	100%
87	870	100%
88	880	100%
89	890	100%
90	900	100%
91	910	100%
92	920	100%
93	930	100%
94	940	100%
95	950	100%
96	960	100%
97	970	100%
98	980	100%
99	990	100%
100	1000	100%

Category	Sub-category	Value
Total	Mean	1.00
	Standard Deviation	0.00

Week (1st) night	on nights off	
------------------	---------------	---

Copyright © 2004 by John Wiley & Sons, Inc.

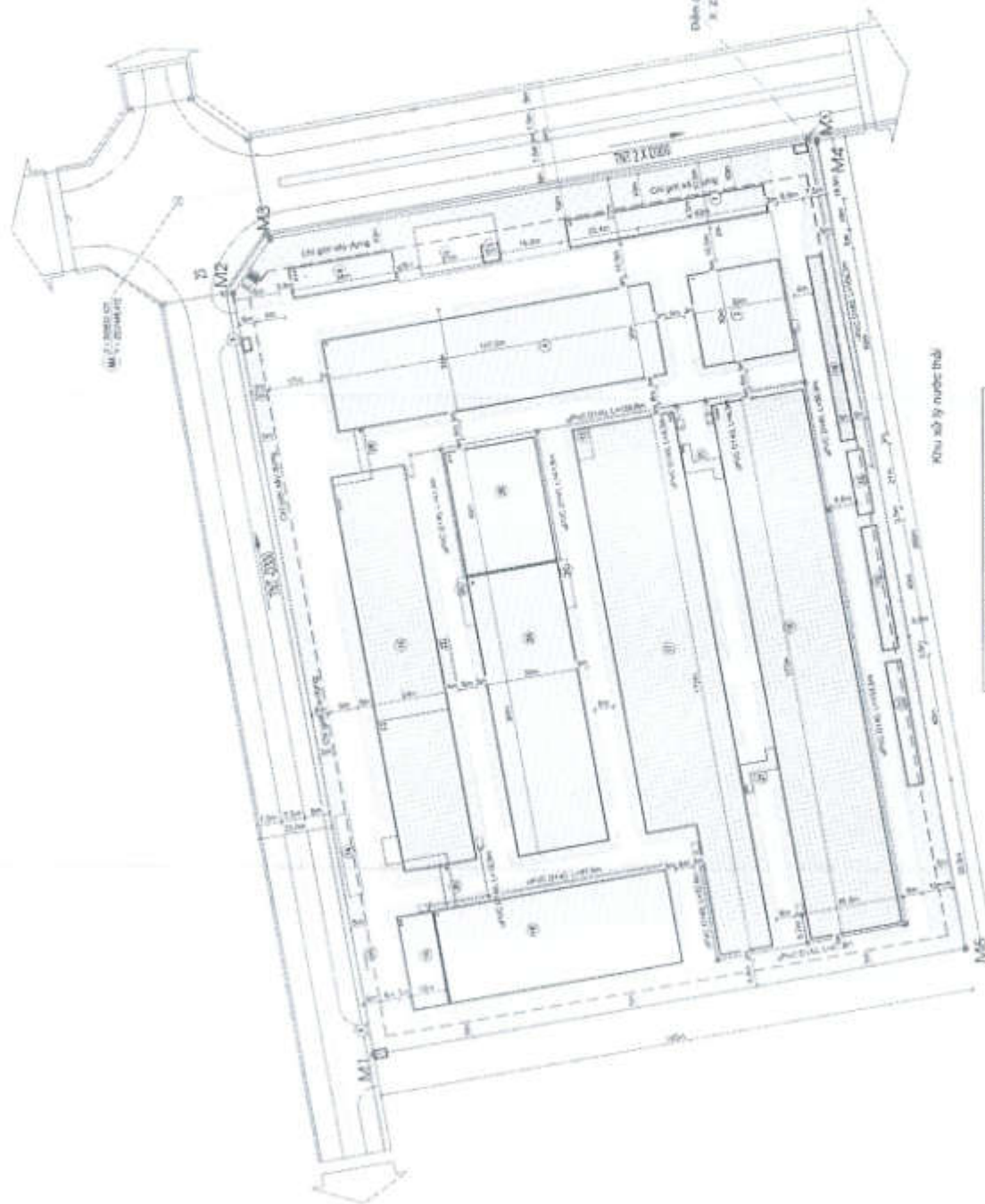
© 2000 Blackwell Science Ltd *Journal of Internal Medicine* 247: 103–110

© 2000 The McGraw-Hill Companies

© 2004 Blackwell Publishing Ltd *Journal of Internal Medicine* 255: 103–110

[illegible]

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA



Bảng kê tọa độ mốc dự án		
STT	Tên điểm	Tọa độ (VN2000)
1	M1	X=495362.09 Y=2337384.87
2	M2	X=495401.07 Y=2337429.00
3	M3	X=495420.53 Y=2337417.03
4	M4	X=495462.66 Y=2337441.96
5	M5	X=495470.00 Y=2337404.04

Được đầu tư nước ngoài từ năm 1991 đến năm 1995

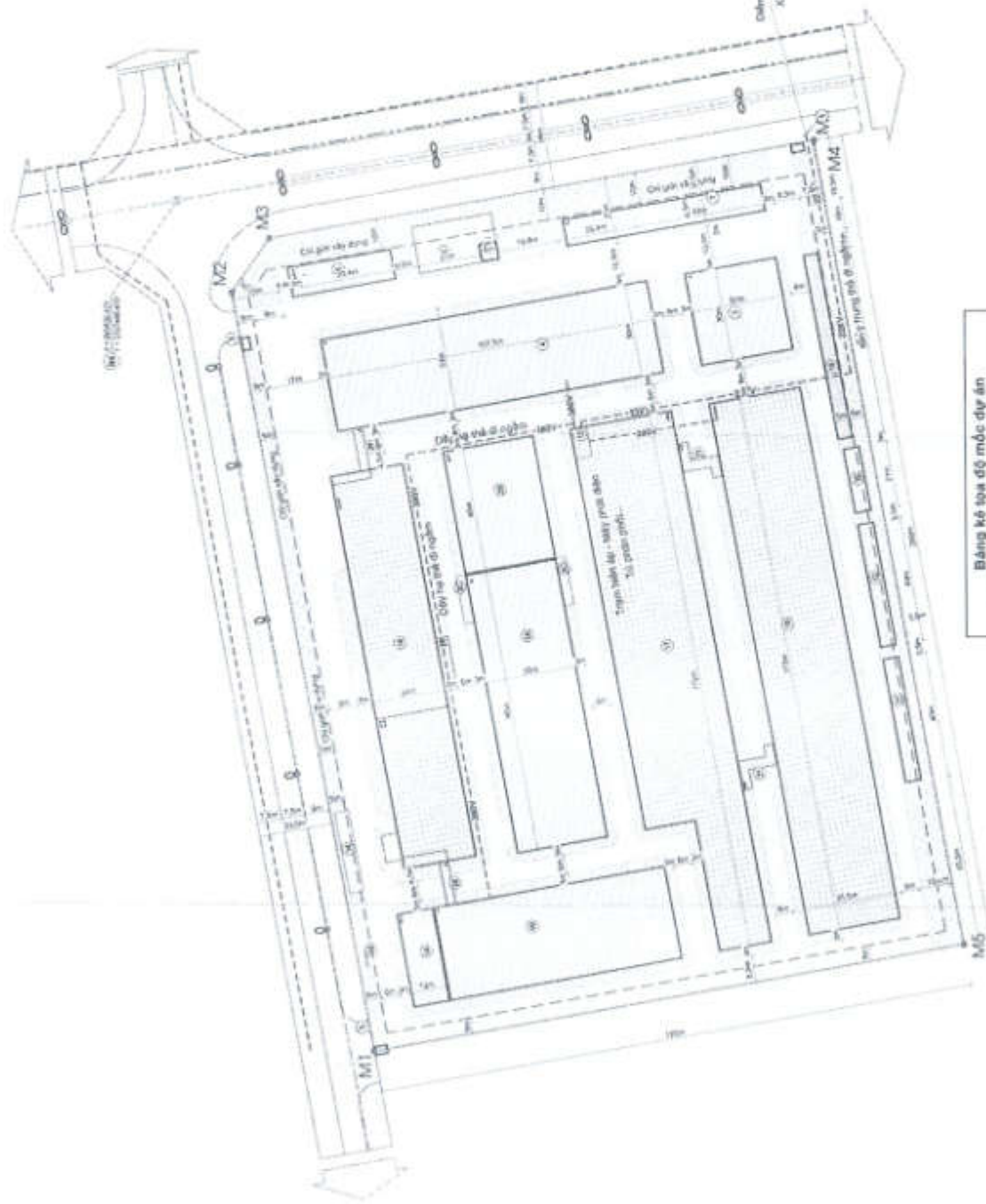
[illegible]

© 2000 Blackwell Science Ltd *Journal of Internal Medicine* 247: 111–117

© 2000 by The McGraw-Hill Companies, Inc.

[illegible][illegible]

QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA

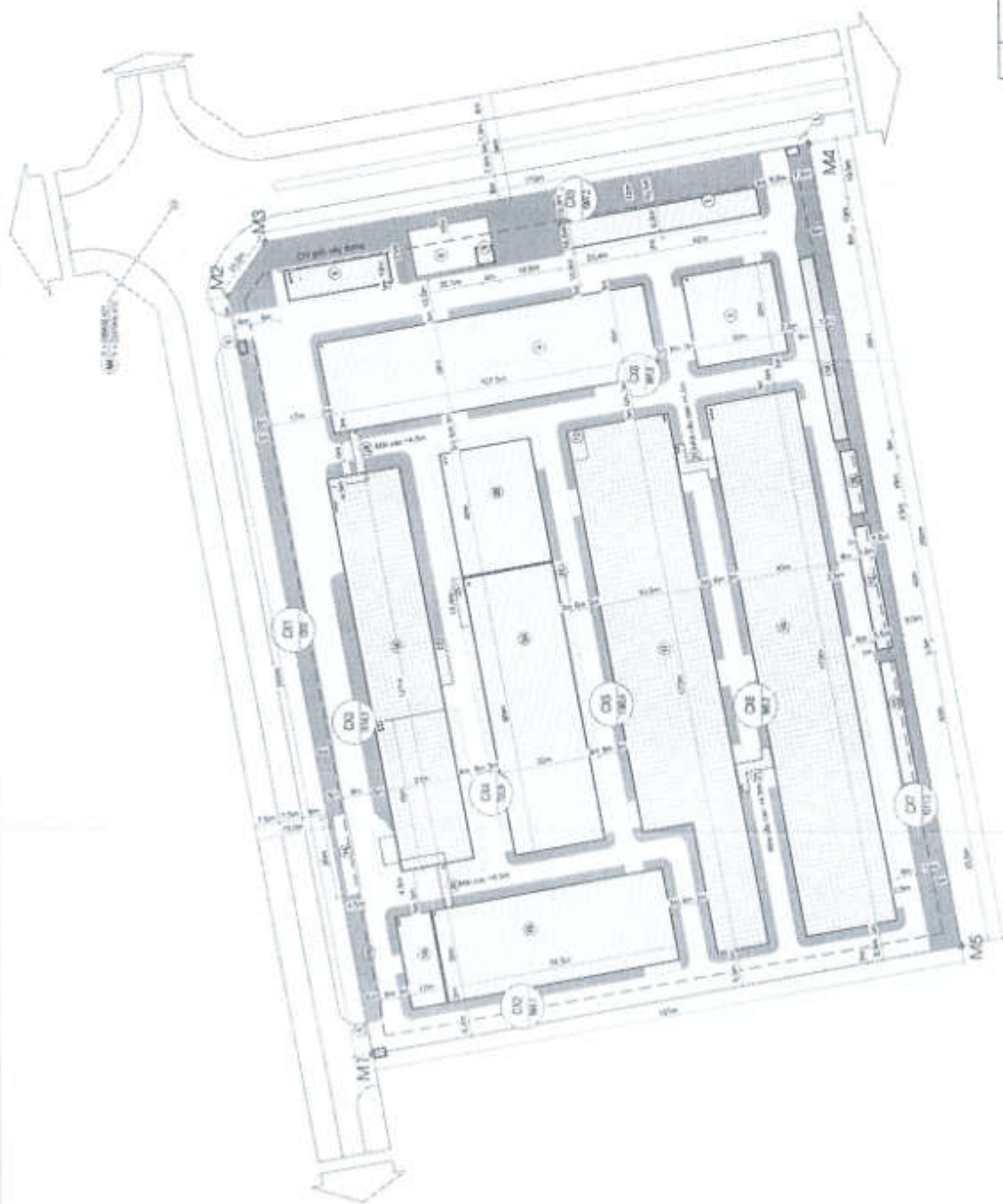


Bảng kê tọa độ mốc dự án		
STT	Tên điểm	Tọa độ (VN2000)
1	M1	X=595362.08 Y=2337384.87
2	M2	X=595603.07 Y=2337429.08
3	M3	X=595620.63 Y=2337417.03
4	M4	X=595652.85 Y=2337241.96
5	M5	X=595396.92 Y=2337155.04

Quản đầu mối cấp điện và KINH TĂNG HÒA
X: 2337243-26, F: 066602.30



QUY HOẠCH ĐIỀU CHỈNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG AMPLIFIER, LOA VÀ LINH KIỆN AMPLIFIER, LOA

[illegible]

